

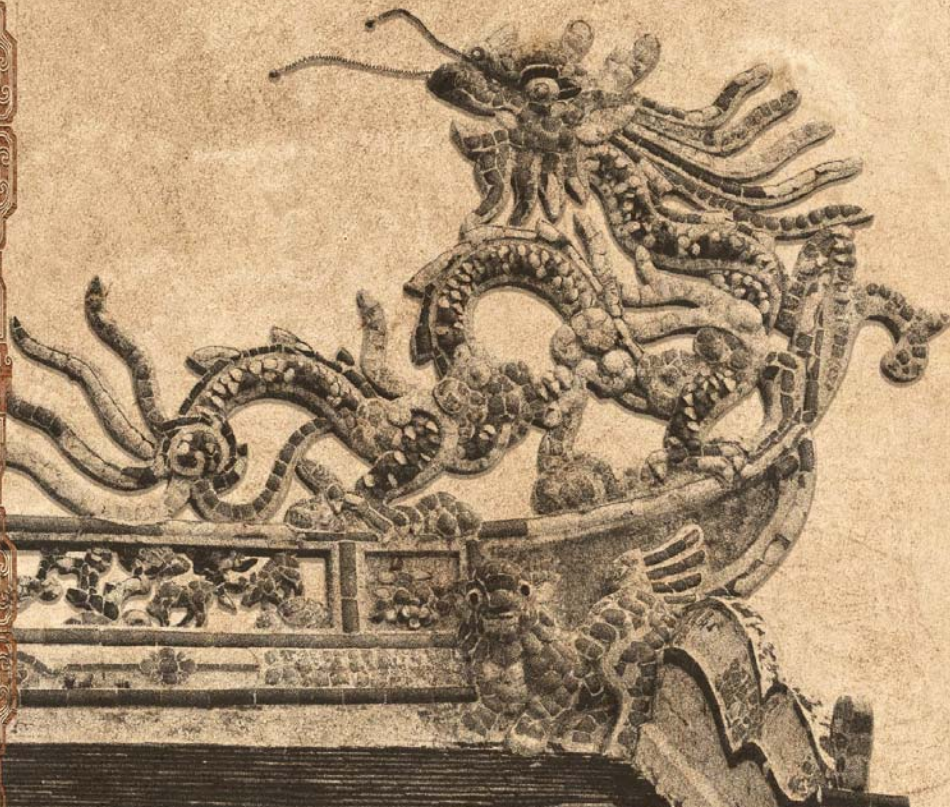


TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

KHOA MỸ THUẬT & THIẾT KẾ
NGÀNH THIẾT KẾ NỘI THẤT

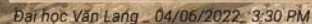
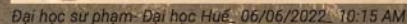
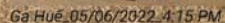
NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG NỘI THẤT TRUYỀN THỐNG

ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH



08.2022

D
A
L
Ê
C
H
Á
N
H



Khuôn viên Đình Đa Lê Chánh - 08/06/2022 - 5:02 PM



THÀNH VIÊN NHÓM

NHÓM 6- GVHD: KTS- LÊ QUANG NHẤT
NHÓM TRƯỞNG: NGÔ LUY HOÀNG PHÚ
NHÓM PHÓ: TRỊNH QUỐC CƯỜNG

ĐÀO THỊ MINH TUYỀN- 197NT32205
NGÔ LUY HOÀNG PHÚ- 197NT13632
TRẦN NGUYỄN TRÂM ANH- 197NT33958
NGUYỄN HỮU LẬP- 207NT52161
LÊ VŨ TRONG ĐÔNG- 197NT23483
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG- 197NT14475

LÊ ĐÌNH RIM- 197NT13763
LÊ THỊ NHẬT TỶ- 207NT52291
HÀ YẾN NHI- 197NT32141
LÊ TÔI- 197NT23526
NGUYỄN ĐĂNG KHOA- 197NT32111
VƯƠNG TUẤN QUÂN- 207DH50532
TRỊNH QUỐC CƯỜNG- 197NT23480
PHAN LÊ LÂM THUẬN- 197NT14477
NGUYỄN TRONG ANH- 207NT56032
PHAN KHÁNH QUYÊN- 207NT52234

M Ụ C L Ụ C



LỜI NGỎ

01 NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG I. Lịch sử tổng quan

1.1 Lịch sử hình thành Đình làng Việt Nam

4-5

1.2 Chức năng của Đình làng Việt

6-7

CHƯƠNG II. Đình làng ba miền

2.1 Đình làng miền bắc

10-12

2.2 Đình làng miền trung

13-15

2.3 Đình làng miền nam

16-18

CHƯƠNG III. Đình làng Dạ Lê Chánh ở Huế

3.1 Lịch sử hình thành Đình làng Dạ Lê Chánh

24-25

3.2 Đặc điểm kiến trúc

26-27

3.3 Tín ngưỡng tôn thờ

28-29

3.4 Trang trí đặc trưng

30-31

CHƯƠNG IV. Bình Phong- Từ cung đình đến làng quê

4.1 Bình phong trong văn hóa Huế

32

4.2 Bình phong trong Đại Nội Huế

32

4.3 Bình phong trong dân gian, đình làng Huế

33

4.4 Nghệ thuật trang trí Bình phong Huế

34-35

02 HỒ SƠ KIẾN

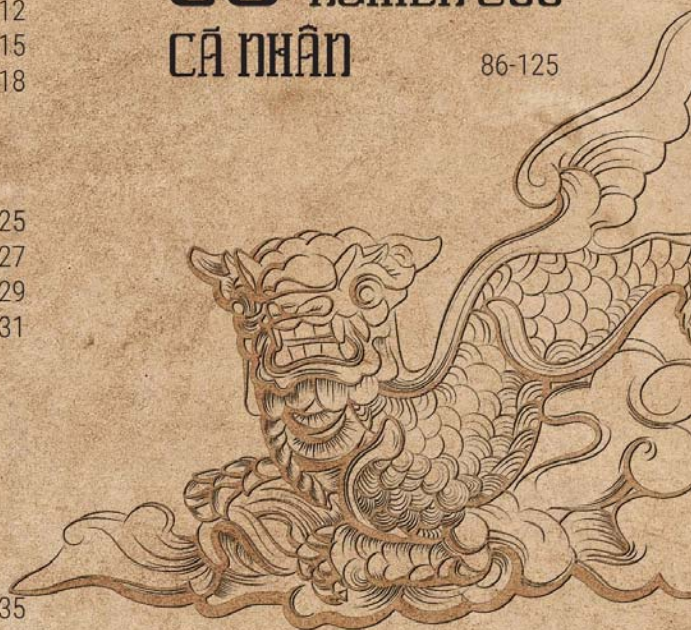
TRÚC

36-85

03 NGHIÊN CỨU

CẢ NHÂN

86-125



LỜI KẾT

ĐÌNH DẠ LÊ



Lời ngỏ

Huế được người ta biết tới là vùng đất địa linh nhân kiệt, chứa đựng vô vàn cảnh đẹp hữu tình làm đắm say lòng người. Đến với Huế là đến với xứ "mộng mơ" của bóng dáng của Thành nội cổ xưa, của dòng sông Hương xanh mát, hiền hòa bên ngọn Ngự Bình hùng vĩ, của chùa Thiên Mụ thanh tịnh bình yên. Bên cạnh đó khi nhắc đến Huế, chắc hẳn chúng ta đều nghĩ ngay đến quần thể kiến trúc cổ – một biểu tượng văn hóa của đất Việt, nói về văn hóa và kiến trúc cổ Việt Nam thì không thể nào quên gửi lời cảm ơn đến các bậc tiền nhân đi trước đã đánh đổi tâm sức và xương máu để xây dựng nên những giá trị vô giá, để ngày hôm nay chúng ta, người dân đất Việt luôn tự hào về những giá trị ấy.

Chúng ta, một thế hệ trẻ là cội rễ cho sự phát triển của dân tộc. không ngừng tiếp thu những điều mới mẻ, nhưng có đôi lúc lại vô tình quên đi những giá trị xưa cũ. Thấy được điều đó trường đại học Văn Lang đã tạo điều kiện cho sinh viên được đặt chân đến cố đô Huế. Xin được cảm ơn khoa mỹ thuật và thiết kế, đặc biệt gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy trưởng ngành thiết kế nội thất thầy Lê Long Vĩnh vì đã tạo điều kiện cho chúng em được tiếp xúc trực tiếp với những công trình cổ, cụ thể là ngôi đình Dạ Lê Chánh, không chỉ còn là được biết qua sách báo mà tụi em đã được trực tiếp nhìn thấy và tìm hiểu về công trình này. Xin được gửi lời cảm ơn đến thầy KTS-Lê Quang Nhất đã đồng hành cùng chúng em suốt thời gian làm việc tại đình, mặc kệ cái nắng gay gắt của miền trung, thầy vẫn luôn tâm huyết với các học trò của mình để tụi em có thể có những thành quả tốt nhất.

PHẦN I

Chương I: Lịch sử tổng quan



1.1 Lịch sử hình thành Đình làng Việt Nam
1.2 Chức năng của Đình làng Việt

1.1 Lịch sử hình thành Đình làng Việt Nam



Cổng tam quan Đình làng Quảng Bó, thôn Quảng Bó, xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

Hình ảnh Cây đa – Bến nước – Sân Đình đã ăn sâu vào tâm thức của người Việt ở vùng châu thổ Bắc Bộ từ hàng ngàn năm, một không gian bình dị gắn liền với đời sống sinh hoạt của cư dân miền nông nghiệp lúa nước. Không gian và Kiến trúc Đình làng là minh chứng cho tài nghệ xây dựng của ông cha ta, từ việc chọn địa điểm, quy hoạch hòa lẫn với thiên nhiên, dưới bóng mát rừng cây, soi bóng nước bên hồ, tận dụng hết ưu việt tự nhiên cho đến hình thức kiến trúc, tỉ lệ, vật liệu, màu sắc phù hợp với thẩm mỹ, điều kiện xây dựng địa phương.

Như chúng ta đã biết, đình làng là địa điểm diễn ra nhiều hoạt động quan trọng của làng xã trong thời trung cận đại. Đây là nơi thờ Thành hoàng làng để cầu mong được chở che, ngăn tai

giáng phúc, là nơi diễn ra lễ hội nhập tịch tàng câu của làng, nơi kỳ lão chức sắc hội họp bàn bạc và giải quyết việc làng, nơi tất cả đình nam trong làng cùng thực hiện lễ hương ẩm tửu mỗi khi có việc tế tự cầu cúng. Nơi tiếp đón quan lại triều đình khi có việc công hoặc khách khứa của làng... Điều này cho thấy ngôi đình làng là một địa điểm công cộng quan trọng không thể thiếu của cộng đồng làng xã xưa kia. Tuy nhiên đã từng có ai đặt ra câu hỏi “ Đình Làng Việt Nam Đã Có Từ Bao Giờ ” ?

Theo từ điển Hán Việt của Thiều Chửu, Trần Văn Chánh, Nguyễn Quốc Hùng: Đình là cơ quan hành chính cấp cơ sở đời Tần, Hán, nhà Hán chia đất cứ mười dặm (khoảng 5km) là một đình, mười đình là một làng, nên người coi việc làng là đình trưởng , tức lí trưởng bấy giờ.

Từ Đình này thuộc bộ Đầu, để phân biệt với từ Đình thuộc bộ khác, tuy đồng âm nhưng khác nghĩa. Từ Đình này ghép 1 số từ khác như:

Quá nhai đình: Cái đình, bên đường làm nhà cho khách qua lại trọ.

Lương đình: Kiến trúc có mái nhưng không có tường chung quanh, thường cất ở vườn hoa hoặc bên đường, cho người ta ngắm cảnh hoặc nghỉ.

Vọng đình: Chòi canh gác dùng để quan sát tình hình quân địch.

Đình làng Việt: Là nơi sinh hoạt cộng đồng của 1 làng, vua quan khi ngang qua làng cũng nghỉ chân tại đây, sau đây còn được treo các pháp lệnh vua ban thời Lê sơ, có thời điểm như thời Trần thêm chức năng thờ cúng Phật, dần dần nó phát triển thành 1 loại hình kiến trúc công cộng dân gian cho các hoạt động của làng xã vừa thờ cúng Thành hoàng.

Vào năm 1998, trong tập sách ảnh Đình Việt Nam của Hà Văn Tấn và Nguyễn Văn Kư, ở mục Nguồn gốc, các tác giả cho rằng "có chứng cứ về ngôi đình từ thời Lê Sơ", và qua một số chứng lý, họ đi đến kết luận: "Mặc dù còn thiếu chứng cứ, ta tin rằng Đình – ngôi nhà chung của làng xã đã xuất hiện từ lâu đời, nếu không phải là thời tiền sử thì cũng là thời sơ sử của dân tộc. Tất nhiên là ở thời đó chưa được gọi là Đình - một từ vay mượn của Trung Hoa". Ngoài ra các tác giả còn khẳng định, đình làng có hai chức năng: thờ thành hoàng làng (tôn giáo) và hội họp, giải quyết các công việc của làng xã (hành chính), tuy nhiên không phải ngay khi mới xuất hiện ngôi đình đã hội đủ cả hai chức năng đó cùng một lúc.

Gần đây nhất là nghiên cứu của Đình Khắc Thuận (BKT). Trong sách Lịch sử triều Mạc qua thư tịch và văn bia (2001), ở mục Nguồn gốc ngôi đình, qua phân tích một số chứng lý, ông đi đến kết luận: Đình làng xuất hiện sớm nhất là vào thời Lê sơ thế kỷ XV, khi làng xã đã phát triển và định hình là một đơn vị hành chính độc lập, để đáp ứng nhu cầu thờ cúng thần linh và hội hè đình đám của làng xã.

Đầu thế kỷ XV, tục thờ Thành hoàng làng cũng bắt đầu phát triển. Trên thực tế, tín ngưỡng Thành hoàng đã được truyền đến nước ta vào thời Đường - Tống, tuy nhiên cho đến thế kỷ XIV, vẫn chỉ có Đô thành hoàng, chưa có Thành hoàng làng. Để tín ngưỡng Thành hoàng trở thành tục thờ Thành hoàng làng đậm màu sắc Việt thì phải tính từ thế kỷ XV sau khi nhà Minh chiếm được nước ta. Với mưu đồ nhanh chóng đồng hóa Đại

Việt, nhà Minh đưa vào nhiều chế độ chính sách về văn hóa nhằm cải đổi tập tục của người Việt.

Mô hình Thân minh đình thời thuộc Minh và Lê sơ: Vào cuối thế kỷ XV, qua ghi nhận trong bài Đại nghi Bát giáp thưởng đào giải văn của Lê Đức Mao ta được biết, lễ Nhập tịch Tàng câu vào giai đoạn này đã là một lễ hội thường niên ở đình làng:

Xuân nhật tảo khai gia cát hội

Hạ đình thông xướng Thái bình âm

Tàng câu mở tiệc năm năm

Miêu chu đối việt chăm chăm tắc thành.

Và theo nội dung bài ca cho biết, ở lễ hội này, người ta tế thần, chúc tụng, vui chơi, hát xướng, yến hưởng... Tóm lại là hầu hết các hoạt động vốn có trong cộng đồng thường được thực hiện ở đền miếu trước khi có sự xuất hiện của ngôi đình thì nay, vào cuối thế kỷ XV đã được diễn ra tại đình làng. Điều đó có nghĩa là trước thời Lê chưa thấy sự xuất hiện của ngôi đình, nhưng chỉ sau dăm chục năm, ngôi đình đã hiện diện tại hầu khắp các làng xã và mang trong nó rất nhiều chức năng xã hội quan trọng.

Vào thế kỷ XVII - XVIII, cùng với sự phát triển mạnh của kinh tế văn hóa, tại hầu khắp các làng xã, người ta đua nhau xây dựng đình làng với kiến trúc to lớn vững chãi. Kể từ giai đoạn này, ngôi đình làng mới thực sự hoàn thiện cả về kiến trúc cũng như các chức năng xã hội của nó, trở thành một biểu tượng văn hóa đặc sắc của làng xã Việt Nam.

Thế kỷ 16, thời Mạc đã gây dựng được nhiều Đình lớn như Đình Thụy Phiêu – Ba Vì, Tây Đằng- Ba Vì-Hà Tây, Lô Hạnh- Bắc Giang. Từ thời Lê trung Hưng thế kỷ 17, kiến trúc đình làng phát triển rầm rộ khắp các làng xã với sự đóng góp của quần chúng nhân dân và sáng tác tập thể. 1 số đình thời kỳ này như Đình Thổ tang- Vĩnh phúc, Đình Hương Canh – Vĩnh Phúc, Đình Hoàng Xá – Hà Tây, Thổ Hà , Phú Lão...

Thế kỷ 18 – thời Lê mạt việc xây dựng đình làng có giảm sút do hoàn cảnh xã hội nhưng vẫn xuất hiện những đình quy mô, trang trí tinh xảo như Đình Chu Quyến , đình Đình Bảng- Bắc Ninh, Nhân Lí- Hải Dương, Thạch Lỗi – Hải Dương.

Thế kỷ 19, dưới thời vua Gia Long, cũng xây dựng một số đình lớn như Tam Tảo- Hà Bắc, An Đông – Quảng Ninh... nhưng về kiến trúc và điêu khắc đã giảm sút đi nhiều. Dưới thời vua Minh mạng thì chuyển sang kết cấu xây vôi gạch, ít dùng gỗ, chỉ có ở miền núi dùng gỗ chủ yếu.

1.2 Chức năng của đình làng Việt

Đình làng là trung tâm sinh hoạt cộng đồng của làng, sau đó thêm vào chức năng thờ thành hoàng. Về sau Đình còn là trụ sở hành chính của làng xã: Phân chia công điền thổ, giải quyết tranh chấp, thu thuế, ăn khao. Đình làng là một thiết chế văn hóa - tín ngưỡng tổng hợp, có ba chức năng: Tín ngưỡng, hành chính, văn hóa. Rất khó để xác định chức năng nào có trước, chức năng nào được bổ sung. Hơn nữa, ba chức năng đan xen, hòa quện với nhau đến mức khó có thể phân biệt



Đình làng Đình Bảng - Từ Sơn, Bắc Ninh - 1700-1736

Chức năng tín ngưỡng

Trong các đình làng Việt Nam, vị thần được thờ cúng là Thành Hoàng làng, vị vua tinh thần, thần hộ mệnh của làng. Khi tín ngưỡng Thành Hoàng du nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc cũng nảy sinh ra một số Thành Hoàng mà chức năng cũng giống như ở Trung Quốc... Các vua triều Nguyễn còn lập miếu thờ Thành Hoàng làng ở tỉnh và huyện. Nhưng khi tín ngưỡng Thành Hoàng về làng, xã thì nó đã biến đổi khác với tín ngưỡng Thành Hoàng ở Trung Quốc. Như vậy, tín ngưỡng Thành Hoàng Trung Quốc khi du nhập vào làng xã Việt Nam thì các yếu tố văn hóa Hán, hoặc hiện tượng Hán hóa khác bị cổng làng chặn lại thì nó lại tìm thấy các tín ngưỡng bản địa có tính tương đồng, nên hội nhập rất thuận lợi với hệ thống tín ngưỡng đa nguyên của Việt Nam.

Thành Hoàng làng thứ hai là các nhân thần. Các nhân vật lịch sử, như: Lí Bôn, Ngô Quyền, Đinh Tiên Hoàng, Trần Hưng Đạo... Chiếm số đông trong các nhân thần là những người ít nổi tiếng hơn như: Quan lại, nho sĩ và đặc biệt là các tướng của Hai Bà Trưng, nhất là các nữ tướng. Những vị thần này thực ra là các nhân vật truyền thuyết, mang tính giá trị lịch sử hơn.

Thành Hoàng làng thứ ba gắn liền với tín ngưỡng bản địa, như tục thờ cây, thờ đá thời nguyên thủy...

Ngoài các vị thần, ở đình làng còn thờ những người có công khai phá đất mới, lập làng, như: Hai hoàng tử thời Lý là Đồng Chính Vương và Dực Thánh Vương, Nguyễn Hữu Cánh, Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Cư Trinh... Ở miền Bắc thường gặp ở các vùng ven biển dân làng thờ những người có công khai hoang lấn biển. Những người gọi là "tiền hiền" là những người đến trước, "hậu hiền" là những người đến sau tiếp tục công cuộc "khai canh, khai khẩn". Thành Hoàng có thể là người xuất thân hèn kém, có người chết vào giờ thiêng cũng được thờ làm thần. Trong lễ hội, người ta thường cử hành "hèm" để nhắc lại thần tích của các vị Thành Hoàng làng này.

Những người có công đóng góp cho làng sau khi chết được dân làng thờ làm "hậu thần", hàng năm cúng giỗ ở đình. Có người khi còn sống đóng góp cho làng trên cơ sở có khoán ước với làng, được ghi thành văn bản, đôi khi được khắc vào bia đá. Họ được "bầu hậu" khi chết đi được thờ làm "hậu thần" và được làng hương khói hàng năm.

Ngoài ra, ở một số làng nghề thủ công người ta còn thờ tổ nghề gọi là "tiền sư". Trong miền Nam các "tiền sư" được thờ ở nhà hậu của đình làng, chỉ có một số ít "tiền sư" được thờ ở chánh điện.

Tóm lại, các thần làng Việt Nam biểu hiện một hệ thống tín ngưỡng đa nguyên. Đó là một hệ thống pha lẫn nhiều yếu tố tín ngưỡng sơ khai của cư dân nông nghiệp (tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ mẹ, các thần sức mạnh tự nhiên...) với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, những người anh hùng và có phần ảnh hưởng không nhiều của của đạo Phật và đạo Nho.

Chức năng hành chính

Đình làng thực sự là trụ sở hành chính - nơi mọi công việc về hành chính của làng đều được tiến hành ở đó. Từ việc xét xử các vụ tranh chấp, phạt vạ, khao vọng, từ thu thuế đến việc bắt lính, bỏ các xuất phu đinh.

Chức năng tiến hành các hoạt động hành chính ở đình làng là các vị có chức danh Chánh tổng, Lý trưởng, Phó lý, Trưởng tuần và các viên quan của Hội đồng hương kì, kì mục.

Với đặc điểm của tính tự trị và tính cộng đồng của làng xã, hoạt động hành chính và quản lí của làng xã được tiến hành có hiệu quả. Đình làng với tư cách là trụ sở hành chính đã trở thành biểu tượng của tính tự trị và sự cố kết cộng đồng trong suốt chiều dài lịch sử của mình.

Chức năng văn hóa

Đình làng là trung tâm sinh hoạt văn hóa của cả làng. Đình cao của các hoạt động văn hóa ở đình làng là lễ hội. Làng vào hội cũng được gọi là vào đám, là hoạt động có quy mô và gây ấn tượng nhất trong năm đối với dân làng. Ở các làng quê Việt Nam còn có hội chùa, hội đền nhưng phần lớn là hội làng được diễn ra ở đình làng gắn với đời sống của dân làng. Lễ hội bao gồm hai phần chính là: Phần lễ và phần hội.

Sau buổi đại tế, người ta coi thần luôn có mặt ở đình nên các chức sắc và bộ lão phải thay nhau túc trực. Mớ hội gọi là nhập tịch, hết hội gọi là ngày xuất tịch hay còn gọi là ngày đã đám.

Sau phần tế lễ là các hoạt động vui chơi, giải trí. Sân đình trở thành sân khấu diễn xướng, ca hát. Ở những hội làng Bắc Bộ, sân đình thường có chiếu chèo, vùng Bắc Ninh, Bắc Giang sân đình gắn với hội hát quan họ.

Mỗi địa phương có trò chơi khác nhau, thỏa mãn con người với nhiều nhu cầu như: Nhu cầu tâm linh (các trò chơi gắn với cầu mưa, cầu mùa, cầu ngư...), nhu cầu cộng cảm, nhu cầu thể hiện sức mạnh, sự tài trí. Các trò chơi gắn liền với nghi lễ cầu mưa, cầu mùa, như: Cướp cầu, kéo co, đua thuyền...

Cho đến nay, cúng đình và lễ hội vẫn là hình thức sinh hoạt cộng đồng tiêu biểu ấn tượng nhất của làng xã. Trong sinh hoạt tín ngưỡng đó, người dân vẫn tin vào sự phù hộ của các vị thần trong mùa màng và đời sống. Hội làng ở đồng bằng Bắc Bộ sau một thời gian bị đứt đoạn đã có sự phục hồi nhanh chóng, chứng tỏ dân làng vẫn coi nhu cầu về tâm linh. Điều đó cũng chứng tỏ sức sống bền bỉ của tín ngưỡng thờ Thành Hoàng làng.

Tóm lại, đồng bằng Bắc Bộ là cái nôi của nền văn hóa Việt Nam. Những nhân tố tự nhiên và xã hội đã hình thành nên làng, một cộng đồng làng, lối sống làng. Đình làng là một thiết chế văn hóa tín ngưỡng ra đời từ thời Lê Sơ, đánh dấu một bước phát triển của cơ cấu làng xã cổ truyền. Đình làng là một biểu tượng của tính cộng đồng, tự trị dân chủ của làng xã. Ngôi đình là trung tâm văn hóa của làng mà thể hiện rõ động nhất là lễ hội.

PHẦN I

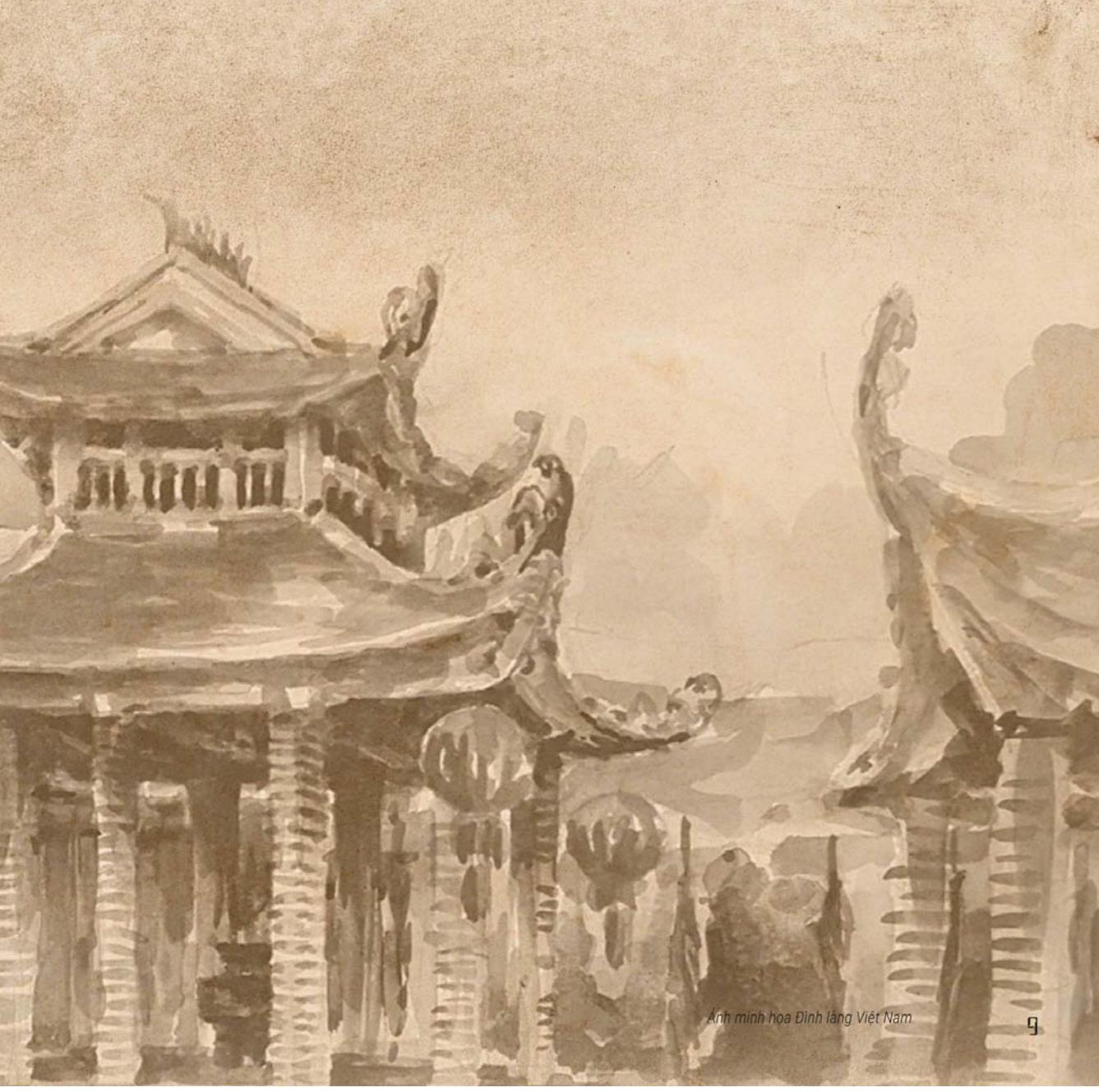
Chương II

Đình làng ba miền

2.1 Đình làng miền bắc

2.2 Đình làng miền trung

2.3 Đình làng miền nam



2.1 Đình làng miền Bắc

Từ thời Hùng Vương dựng nước, đình làng xuất hiện dưới hình thức chòi nghỉ dạng nhà sàn. Đến thế kỉ X thì dân ta phát triển thành đình Trạm và tiếp tục được xây dựng phổ biến vào thời Lý – Trần nhằm phục vụ các chuyến vi hành của nhà vua. Vào thế kỉ XV dưới thời các vua Lê thì khái niệm đình làng lúc này mới xuất hiện và giữ vai trò là trung tâm của làng xã. Đầu thế kỉ XIX, đình làng bắt đầu mở rộng vào phía Đàng Trong.



Đình làng Đình Bảng – Từ Sơn, Bắc Ninh – 1700-1736

Kiến trúc đặc trưng

• Vị trí xây dựng đình làng Bắc Bộ:

Đình thường được xây dựng tại địa điểm là trung tâm của làng, không gian thoáng đãng, có sông nước. Đây là một trong những yếu tố phong thủy trong kiến trúc xây đình cổ truyền giúp đình làng là địa điểm trung tâm.

• Cây xanh – mặt nước:

Yếu tố “thủy” rất quan trọng trong mỗi ngôi đình. Nếu không có được ao hồ thiên nhiên thì dân làng có thể đào giếng khơi để có mặt nước phía trước đình cho đúng thế “tu thủy” vì họ cho đó là điểm thịnh mãn của làng. Đình làng thường có kết cấu bằng gỗ và nghiêng về kiểu trang trí, trạm khắc. Mặt nước giúp cho khí hậu bên trong đình được cải thiện rất nhiều, yếu tố dương (đình) và âm (mặt nước) điều hòa lẫn nhau.

Giếng làng xuất hiện ngay từ khi ngôi đình được thành lập. Nó không chỉ là nguồn cung cấp nước trong mát mà còn là nơi gặp mặt, chuyện trò của mọi người trong làng, là hình ảnh đẹp về quê hương trong trí nhớ của người xa quê. Nước giếng còn được dùng để cúng lễ trong các ngày lễ hội.

Đình làng thường được xây dựng trên một thế đất cao đẹp, xung quanh cây cối xanh tươi, vút lên là cây đa nghiêng ngả cùng đất trời. Các cây cổ thụ thường được trồng phía sau và hai bên đình, bao bọc lấy cả kiến trúc ngôi đình tạo nên nền cảnh của cảnh quan đình làng, đồng thời cây cối tạo bóng mát cho sân đình và điều hòa khí hậu.



Đình Tây
Đằng – Ba Vì,
Hà Nội

• Sân đình:

Sân đình là khoảng không gian được giới hạn từ cổng ngõ đến tòa đình chính. Bao gồm bình phong, miếu thờ và sân rộng được lát gạch đỏ. Tuy nhiên tấm bình phong và miếu thờ thì chỉ xuất hiện rộng rãi ở khu vực miền Trung và Nam Bộ. Sân đình là nơi tập trung dân làng vào các mùa lễ hội, là nơi trung tâm của các nghi lễ cúng bái và các trò chơi dân gian.

Cổng của đình làng thường được thiết kế theo kiến trúc cổng tam quan tức là có 3 lối vào đình. Nhưng không phải đình làng nào cũng xây dựng cổng tam quan mà mỗi địa phương, xã lại có kiểu xây cổng khác nhau.

• Yếu tố kiến trúc mái-đình-hiền đình làng Bắc Bộ:

Đình làng Bắc Bộ thường có mái, hành lang và hiên rất rộng. Hiên là không gian đệm không thể thiếu trong đình truyền thống. Nó là không gian đệm hoàn hảo nhằm cân bằng 2 yếu tố âm dương ngôi nhà. Hiên giữ vai trò chuyển tiếp giữa 2 không gian kín và mở giúp cho ngôi đình tạo đường nét cổ kính bao quanh mái đình.

Các đình làng hiện nay thường có bộ mái lớn, đồ sộ, xòe rộng che kín ngôi kiến trúc để tránh nắng mưa có thể làm hại công trình và có thể tránh những trận bão khủng khiếp có thể làm tốc mái đình. Phổ biến nhất là mái ngói, mái ngói đã trở thành hình ảnh điển hình trong kiến trúc truyền thống Việt Nam. Mái ngói cùng hệ kết cấu khung gỗ là một sự kết hợp tuyệt vời giữa 2 loại vật liệu và giữa kiến trúc và điêu khắc.

Sân của kiến trúc đình được tôn lên cao và kế thừa kiểu thức nhà sàn truyền thống của dân tộc vừa để tạo sự trang trọng vừa là để chống lũ lụt, ẩm ướt và mối mọt.

Tấm thước và giã di, kích thước đình làng thể hiện tỉ lệ tương quan hợp lý với cảnh quan thiên nhiên, giữa các bộ phận của từng cấu trúc, tạo hiệu quả thẩm mỹ cao. Kỹ thuật lợp ngói hai lớp làm cho mái đình dày và nặng, có thể chống được các cơn gió giật, đồng thời có tác dụng điều hòa nhiệt độ bên trong. Mái đình sà xuống thấp để tránh mưa hắt, chung quanh không cần tường bao che, thông thoáng từ bề. Về sau, mái đình cao lên và nhẹ đi thì phần phía trước thường có cánh cửa theo kiểu “thượng song hạ bản”, rất thoáng mát.



Đình làng Đình Bảng – Từ Sơn, Bắc Ninh – 1700-1736

Mái là yếu tố đặc sắc nhất của đình. Khi xây dựng, những người thợ đã làm cho 4 góc mái đình kéo cong về 4 phía tạo thành các đầu đao duyên dáng làm cho kiến trúc trở nên nhẹ đi, như bay bổng trong không gian. Nghệ thuật lợp mái và lát sàn theo chiều ngang hòa nhập vào cảnh quan, các thành phần của kiến trúc được thực hiện một cách tinh xảo. Những cột, kèo và những chi tiết cấu thành khác luôn luôn được khéo léo phô ra trong sự đơn giản tự nhiên của nó. Những đường mái thẳng hơi vồng xuống, những bình đồ không cân đối giao hòa bằng nhịp điệu tinh tế theo độ cao thấp tự nhiên của mặt đất. Dưới bộ mái trùm rộng ra, ngôi đình thể

hiện sức khái quát lớn, khiến ta liên tưởng về một sự che

chở, ôm ấp, vỗ về...

Hình thái không gian đình không cố định, thích ứng với địa thế, địa cảnh cụ thể. Mái đình che gần hết không gian bên trong, ở đây không có tín hiệu thị giác nào điều khiển tâm thức theo một nghi lễ định sẵn trừ khi làng có việc. Cơ chế tồn tại của làng phản ánh rõ ở không gian của đình. Nó nâng tính thích ứng hơn chính phục, linh hoạt do luôn có “độ lơi” trong cấu trúc, để dung hợp bởi đa năng, tự điều chỉnh hơn phải can thiệp là những giá trị của văn hóa ở mà người làng tạo ra cho không gian đình.

Mái đình cong hình thuyền, sống nhà cong, cấu trúc sàn còn lưu lại theo truyền thống văn hóa Đông Sơn, kỹ thuật ghép mộng, phân lực lên các chân cột làm cho kiến trúc linh hoạt, động và biến hóa. Trong khuôn khổ có hạn của các khuôn gỗ, các chi tiết vẫn hiện lên duyên dáng, đầy ấn tượng với cái nhìn từ hai góc. Kiến trúc đình mở, thông thoáng, thoải mái, dân tự góp, tự làm khuyến khích tùy hứng sáng tạo, các thủ pháp điêu khắc đa dạng, không phân biệt đẳng cấp, mang hơi thở của tinh thần dân chủ, khoan dung từ rất sớm (thờ nhiều thần, hỗn dung tôn giáo, không có cực quyền, cuồng tín...).

• **Vật liệu xây dựng và điêu khắc trang trí của đình làng Bắc Bộ:**

Những vật liệu thường được sử dụng trong xây dựng đình làng gồm: gỗ, đá, gạch đất nung, ngói đất nung, vữa truyền thống. Đình làng được dựng bằng những cột gỗ lim to tròn, thẳng tắp được đặt trên những hòn đá tảng lớn. Kèo, xà ngang, xà dọc của đình cũng làm toàn bằng gỗ lim.

Các nghệ nhân đã hóa thân cho các khối gỗ thành các tác phẩm tạo hình: hoa lá, mây trời, rồng phượng, các con thú và các cảnh hoạt động của con người như làm ruộng, người uống rượu, người cưỡi hổ, người cưỡi ngựa. Hệ thống cột cái ở gian chính diện đình được làm bằng gỗ quý. Các kiến trúc gỗ trong đình là những tác phẩm trạm khắc tinh xảo với nhiều đề tài phong phú.

Hình ảnh trạm khắc đầu rồng tinh xảo của các nghệ nhân – thường thấy tại kiến trúc đình, đền Bắc Bộ.

Hiện nay các ngôi đình cổ nguyên vẹn còn khá ít, đa số đã được người dân địa phương trùng tu, xây dựng lại... Một số ngôi đình cổ hiện được bảo tồn đó là:



*Họa tiết đầu rồng trong Đình làng Đình Bảng –
Từ Sơn, Bắc Ninh – 1700-1736*



Đình Chèm thuộc Từ Liêm – Hà Nội, Đình Tiễn Lẽ thuộc Hoài Đức – Hà Nội, Ngôi đình Tân Đông thuộc tỉnh Tiền Giang, ngôi đình làng Quang Lạn

thuộc Văn Đồn – Quảng Ninh, Đình Thụy Phiêu thuộc huyện Ba Vì, Hà Nội,

đình Lô Hạng thuộc huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đình Tây Đằng thuộc huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đình Phù Lưu thuộc Tiên Sơn, Bắc Ninh, đình An Cổ thuộc Thái Bình, đình Kiền Bái thuộc Hải Phòng, đình Văn Thị thuộc tỉnh Ninh Bình, đình Thổ Tang thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, đình Thổ Hà thuộc tỉnh Bắc Giang, đình Hoàng Sơn thuộc tỉnh Nghệ An. Đình thần Hưng Long thuộc tỉnh Bình Phước...

Nét văn hóa đặc trưng của đình làng miền Bắc:

Vào những thế kỷ trước, mỗi làng đều có riêng một đình làng để thờ đức thành hoàng làng, phúc thần đồng thời cũng để có nơi hội họp hành chính, phục vụ những việc chung của làng.

Vào những ngày có công việc quan trọng, đình làng là nơi tụ họp, diễn ra các lễ nghi truyền thống. Mỗi năm lại có các ngày lễ lớn, có lễ hội diễn ra tại đình làng.

Tuy nhiên, với sự thay đổi của xã hội, ngày một phát triển hơn, giờ đây đình làng chỉ trở thành nơi thờ cúng, hoặc để tổ chức những lễ hội quan trọng.

Đình làng là một sản phẩm văn hóa của dân tộc Việt nam mà không nơi nào có thể có được. Từ kiến trúc mỹ thuật chứa đựng nhiều giá trị văn hóa đặc sắc, độc đáo đến yếu tố tâm linh. Người Việt Nam muốn dựa vào tâm linh, dựa vào tín ngưỡng tôn giáo, bởi vậy đối với họ, đình làng như là nơi bảo vệ cho tín ngưỡng và niềm tin ấy. Và cũng bởi kết cấu làng xã của Việt Nam khác với các nước khác, nên đình làng chỉ Việt Nam mới có. Và chính việc đưa đình làng vào nghệ thuật cũng giúp người Việt Nam khẳng định với bạn bè quốc tế một nét văn hóa độc đáo của dân tộc mình.

Ngày nay, vẫn còn những ngôi đình mang đậm nét cổ kính rêu phong của một ngôi đình làng cổ xứ Bắc như Đình Chèm - đình của làng Chèm tại Bắc Từ Liêm có niên đại cách đây hơn 2000 năm với nghệ thuật chạm khắc độc đáo và công trình kiến trúc tam quan ngoài bố trí đầy đủ từ linh long, ly, quy, phượng quay ra bốn hướng, tam quan trong xây ba gian, bốn mái và năm cửa ra vào; Đình Tiễn Lẽ (Hoài Đức) với lối kiến trúc, sắc thái nghệ thuật thời Lê, mang đậm sắc thái xưa cũ bởi hơn 70 năm chưa trùng tu, những sườn sào của thời gian vẫn còn nguyên vẹn; Đình Tây Đằng (Ba Vì) - một trong những di tích kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu, độc đáo vào loại bậc nhất ở xứ Đoài, có niên đại khởi dựng vào thời Mạc, thế kỷ XVI. Đến nay, đình đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo, và lần gần đây nhất là vào năm 2002 - 2004.

Đình làng là hình ảnh mang tính biểu tượng cho một nét văn hóa độc đáo của người dân Việt Nam. Dù cho trải qua hàng trăm hàng nghìn năm với biết bao biến cố lịch sử thì đình làng vẫn ở đó, không chỉ gắn bó với đời sống thường nhật của mỗi người dân mà còn mang đậm yếu tố tâm linh, trở thành một phần vô cùng quan trọng, là nơi lưu giữ những giá trị lịch sử và văn hóa của người Việt.

2.2 Đình làng miền Trung

Theo sử sách, khoảng nửa sau thế kỷ XV, cụ thể là đời Hồng Đức (1470-1497), đình làng mới được xây dựng phổ biến. Đây cũng là giai đoạn cơ sở chuyển biến mạnh mẽ, đình nhận thêm một chức năng mới, từ một ngôi nhà để dừng chân (đình trạm), sinh hoạt cộng đồng trở thành nơi thờ thần, trung tâm tín ngưỡng của cộng đồng làng. Đình làng cũng là nơi lưu giữ các sắc phong - căn cứ xác tín để nghiên cứu quá trình thay đổi địa danh/địa giới hành chính của từng địa phương qua các thời kỳ lịch sử, bởi trong mỗi đạo sắc phong, niên đại ban sắc được ghi ở cuối văn bản gồm niên đại triều vua ban sắc, tháng ngày ban sắc rất chính xác.

Kiến trúc đặc trưng:

Khi xây dựng, vị trí được chọn để định tọa lạc thường dựa vào địa thế sơn thủy hữu tình, ở đó không chỉ mang lại vẻ đẹp cho cả làng, thuận lợi cho việc tổ chức lễ hội, vui chơi mà còn ứng với thuật "phong thủy". Một quan niệm về địa cuộc để dân làng có được một mảnh đất trù phú, ăn nên làm ra, cuộc sống đầy đủ sung túc.

Đình không nhất thiết phải dựng trên gò cao, nhưng phía sau và hai bên cần có những chỗ đất cao để làm "tay ngại" (tay Long, tay Hổ) và mặt trước đình cần có nước. Đó là thế đất "tụ thủy" mà "tụ thủy" cũng có nghĩa là tụ "Linh" và "Phước". Đất dựng đình đặc biệt cần tránh những nơi sứt lồi, nơi "thoái thủy". Bên cạnh yếu tố tụ thủy nếu có thêm yếu tố "tụ sơn" hay địa hình nổi lên gò đồng như hoa sen, rồng lượn, phụng múa, rùa bò (trong quan niệm tu linh) thì càng tốt.

Vì vậy hầu hết các ngôi đình làng khi xây dựng đều có thế đất đẹp. Như đình Lập Thạch (thành phố Đông Hà) tiền đường hướng mặt ra phía dòng Thạch Hãn, hậu chầu dựa lưng vào núi, ruộng đồng trù phú. Hay đình Nghĩa An, Mai Xá (Gio Linh) mặt trước đình hướng ra dòng Hiếu Giang xanh trong, yên ả...

Kiến trúc đình làng ở miền Trung từ xưa đến nay được sắp xếp theo 3 dạng: Một là những ngôi đình có bố trí mặt bằng chỉ gồm một toà đại đình nằm theo chiều dọc (đình Bích La); mặt tiền mở ra từ gian chái dạng này xuất hiện chủ yếu ở thời điểm những thế kỷ 17 - 18, tuy nhiên hiện nay không còn nguyên bản vì đa số đã thay đổi và chuyển sang bố trí theo chiều ngang; ví như: đình làng Nghĩa An, Hà Thượng. Hai là đại đình chỉ gồm một nếp nhà nằm ngang như: đình Trung Chỉ. Ba là gồm hai nếp nhà song ngang bố trí theo lối chữ nhĩ, ngôi nhà trước là tiền đường làm nơi tổ chức các cuộc hội họp, ăn uống; ngôi nhà sau là hậu liệu làm nơi thờ cúng; ngăn cách giữa hai nếp nhà là hệ thống cửa bán khoa. Ngoài ra, trong khuôn viên của nhiều ngôi đình còn có một số ngôi miếu thờ như: Bốn thổ Thành Hoàng, thủy tổ các tộc họ, các vị thần thần hoặc nhiên thần như Đình Lập Thạch, Cầu Nhi (huyện Hải Lăng), Hà Thượng (huyện Gio Linh), Bích La (huyện Triệu Phong)....

Mỗi ngôi đình thường được giới hạn trong một khuôn viên cụ thể, có cửa vào đình được xây bằng những trụ biểu cao. Đặc biệt cũng có những đình cổng đi vào là một nghi môn được kiến trúc theo kiểu vòm cuốn, bên trên có gác vọng lâu từ 1 đến 2 tầng được trang trí rất đẹp như: nghi môn đình Lập Thạch, đình Trung Chỉ, đình Nghĩa An.... hay kiến trúc kiểu Gò- tích kết hợp kiến trúc phương Đông thuộc nghi môn đình Hà Thượng

Thường trong xây dựng đình làng thì qua nghi môn, ở trong sân, được xây một bức bình phong. Bức bình phong dùng để chắn tà khí, chắn những cặp mắt xoi mói xấu xa, trần tục nhìn vào đình. Thường các bức bình phong được xây bằng gạch và trang trí bằng cách đắp nổi với vữa với hình long mã chờ lạc thư, long mã phụ hà đồ, mặt hổ phù... Xung quanh là các tiểu cảnh hoa lá, chim muông dùng để trang trí. Đây là những hình ảnh thể hiện lòng ước mong của dân làng về mọi điều tốt đẹp sẽ đến trong cuộc sống.

Kiến trúc đình làng dù có khác nhau về quy mô, diện tích sử dụng nhưng đều thống nhất tương đối ở việc bố trí mặt bằng nội thất. Đó là việc phân định không gian nội thất thành 2 phần là: tiền đường và hậu liệu. Tiền đường thường được dùng làm nơi sinh hoạt, hội họp, ăn uống. Hậu liệu làm nơi thờ tự, là chốn trang nghiêm.

Đình làng vùng miền Trung dù chỉ là một toà đại đình hay hai nếp nhà song ngang thì phần tiền đường thường để thông thoáng với bên ngoài. Kiến trúc đình làng được xây dựng theo một mô thức kiến trúc độc đáo mà người ta quen gọi là kiểu nhà Rường với kết cấu của một bộ khung gỗ chịu lực có từ 3 đến 5 gian và 2 chái, được liên kết bởi các thành phần cấu kiện gỗ lại với nhau. Nó không giống như cấu trúc khung gỗ chịu lực ở kiến trúc miền Bắc và càng khác biệt so với kiến trúc ở miền Nam.

Đình làng ở miền Trung thường có 2 dạng vại kèo: vại chông và vại luôn. Các bộ phận ở gian chái thường được kết cấu theo kiểu chái kếp.

Miền Trung là mảnh đất có khí hậu khắc nghiệt nên khi xây dựng đình làng để chống chịu với gió bão, thi cát bở nóc, bờ dãi đều được đắp to, dề mái chắc chắn nhưng được cách điệu trang trí rực rỡ nhờ việc gắn lên trên đó các hình ảnh thuộc bộ "tứ linh", giao lá...bằng nghệ thuật đắp vữa, ghép mảnh sành sứ, làm cho bộ mái nhẹ nhàng hân dãi và có cảm giác như vút lên. Với những ưu điểm như thế, bộ mái của ngôi đình vừa có vẻ cứng cáp và mạnh mẽ nhưng không yếu ớt, vừa thích hợp với môi trường khí hậu của miền Trung đồng thời phù hợp với thẩm mỹ và cảnh quan của kiến trúc tại miền Trung

Đình làng miền Trung có nhiều nét khác biệt về kiến trúc, văn hóa làng so với những vùng miền khác của miền Bắc hay miền Nam. Điều này đã tạo nên nét đặc trưng riêng cho đình làng ở miền Trung.

Ở các đình làng miền Trung, cảm hứng sáng tạo chủ yếu là các linh vật, nổi bật là tứ linh và một số con vật gần gũi với đời sống của con người được linh thiêng hóa. Một đặc điểm rõ nét trong kết cấu kiến trúc và nghệ thuật trang trí ở các đình làng có một mối quan hệ hữu cơ thống nhất. Sự hài hòa giữa kiến trúc và điêu khắc là đặc điểm bao trùm của toàn bộ công trình. Ở đây, ngoài những dụng công trong nghệ thuật kiến trúc ra thì vẻ đẹp của nghệ thuật điêu khắc được thể hiện ở các mảng chạm khắc dày đặc trên các đầu kê bẩy, các bức cốn mà đến các con rường... Những mảng chạm khắc ấy đã làm tròn chức năng thẩm mỹ, góp phần làm tôn lên vẻ đẹp của đình. Rõ ràng sự gia công của trí tuệ con người đã nâng hiệu quả bố trí không gian bên trong và kết cấu hình khối bên ngoài ngôi đình lên cao trên cả ba hình diện nghệ thuật, kỹ thuật và tư tưởng.

Đa phần các đình làng đều được tạo dựng theo lối kiến trúc dân gian truyền thống đó là mô thức nhà rường 5 gian 2 chái hay 3 gian 2 chái, hoa tiết trang trí bởi nét đặc trưng theo hình thức khắc chạm trên gỗ hay đắp nổi và ghép mảnh sành sứ ở các mái đình, cổng trụ, bình phong. Đây là nét kiến trúc đặc trưng của các đình làng ở miền Trung. Nhìn chung đó là phong cách trang trí phổ biến vào thời Nguyễn (thế kỷ 19). Những đề tài trang trí này đều xoay quanh mục đích thể hiện quan niệm,

triết lý nhân sinh quan, vũ trụ quan theo quan điểm đạo Nho; đồng thời gửi gắm những điều ước muốn cầu cho vật thịnh, dân an, ấm no, hạnh phúc của người dân làng xã. Hay đình làng Trung Chỉ (thành phố Đồng Hà), Cầu Nhi (huyện Hải Lăng) với lối trang trí các cột kèo bên trong là những họa tiết trang trí khắc chạm trên gỗ hết sức tinh xảo. Điều đó cho thấy đình làng là nơi kết tụ những tinh hoa của thời đại và lòng tôn kính mà người thợ muốn gửi gắm khi xây dựng.



Đình làng Phước Tích _ thôn Phước Phú, xã Phong Hòa, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế.

Linh vật hay còn gọi là vật lấy phước hay những con vật linh thiêng là một thuật ngữ dùng để chỉ cho bất cứ biểu tượng chính thức nào, cho bất kỳ cá nhân nào, động vật và các đối tượng, bao gồm bất cứ điều gì được sử dụng để đại diện cho một nhóm với một bản sắc cộng đồng phổ biến. Linh vật thường được mô tả trong thần thoại, truyền thuyết và được biểu đạt trong nghệ thuật tạo hình. Người xưa tin rằng, linh vật là hiện thân của các lực lượng tự nhiên hoặc mang những đặc tính huyền bí, năng lực siêu nhiên có thể chi phối nhân sinh, vũ trụ.

• **Vật liệu thể hiện kĩ thuật trang trí:**

Trang trí trên gỗ: Gỗ có vai trò quan trọng hình thành nên chất liệu chủ đạo trong kiến trúc. Nó mang ý nghĩa như một thuộc tính quan trọng của ngôn ngữ kiến trúc. Nhiều khi chức năng thật lại bị mờ đi trước sự hiện diện phong phú đa dạng trong chạm khắc gỗ. Chủ yếu là các hình chạm ở các vị kèo, giả thủ, đòn tay.

Trang trí trên nền vôi vữa: Ngoài phần chạm trổ gỗ hay chạm nổi thì các phần còn lại như trên nền nhà, tường vách, bình phong, cổng ngõ, mái cổ diềm, một số vật dụng trang trí hay thiết kế bên trong kiến trúc như khám thờ, bàn linh, trướng, hoành phi được trang trí bằng nhiều kĩ thuật khác nhau trên nền vôi vữa

Khảm sành sứ: Với kĩ thuật này, ban đầu người thợ tận dụng những mảng màu sắc bên ngoài mảnh vôi của sành sứ để dán vào vôi, nền vôi đủ có ủa màu thời gian cũng không bộc lộ, bởi khoảng che chắn của những màu men luôn rực rỡ. Sau đó người ta cải tiến kĩ thuật bằng sự cân nhắc và tạo hình trước khi đặt nó vào vị trí cần thiết, cũng như độ nghiêng, kích cỡ, hình dáng của mảnh vôi khi khảm vào nền vôi. Đó là

những dạng chất liệu, được xếp chồng có tính toán chứ không phải là kĩ thuật tiếp mĩ đơn giản. Nền vôi ngoài kết hợp với những chất phụ gia còn được tô màu một cách kín đáo giữa khoảng mĩ ghép của các mảnh vôi, tạo nên một bố cục tự nhiên cho hình thể căn thể hiện.

Trang trí nề vôi vữa đắp nổi: Trong loại hình phủ điêu trang trí, mỗi dạng kĩ thuật biểu hiện một nét đẹp riêng, trong đó kiểu thức ghép mảnh có quan hệ chặt chẽ với với phương thức sử dụng nề vôi đắp nổi. Thể hiện kĩ thuật này thường có sự phối hợp, điểm tô của kĩ thuật vẽ bột màu. Ở những bộ phận như cổ lâu, bình phong, cửa, đầu máng xối, đường mức, bờ quyết hay đầu mái kiến trúc... Chất liệu vôi vữa được các nghệ nhân đắp nổi thành những tác phẩm dưới dạng phù điêu, có nơi là tượng con linh thú. Nhiều chủ đề về thiên nhiên, điển tích, vữa mang chức năng trang trí, vừa có tính chất minh họa cho tính chất của công trình. Phần lớn các tác phẩm này được thể hiện bằng thủ pháp dân gian, tạo nên nét đặc thù và gây nhiều ấn tượng.

Trang trí bích họa: Cùng phối hợp với các mảng sành sứ là những họa tiết trang trí bằng bột màu. Có thể nói rằng, người nghệ nhân dân gian đã tạo nên một sự hài hòa trong các dải trang trí, bởi sự tổ chức giữa hệ phù điêu ghép mảnh và những bức bích họa. Với lối thể hiện hình họa trên không gian mặt phẳng, cho dù chủ đề sơn thủy, nhân vật, thiên nhiên hay tĩnh vật thì với khả năng sử dụng sắc độ bột màu một cách chủ động, các bức bích họa ít nhiều đã gây được chiều không gian thứ ba, không khác mấy với những ô trang trí khảm sành sứ kết hợp.

Nét văn hóa đặc trưng của đình làng miền Trung:

Trong tâm thức dân gian, thế đất, hướng đình luôn có ảnh hưởng to lớn đến sự suy thịnh, hưng vong của cuộc sống dân làng nơi trần thế. Đình có thế đất tốt, hướng đẹp thì sinh vượng khí, cuộc sống tốt tươi, trên dưới thuận hòa, học hành đỗ đạt; ngược lại thì dân làng phải hứng chịu tai ương, đôi khi suy diệt. Do đó, việc lựa chọn đất để xây dựng đình làng, đối với người dân là hết sức quan trọng.

Đa phần đình làng thường ở không gần khu dân sinh, có thể đất cao và thoáng. Đó có thể là những doi, cồn đất cao giữa cánh đồng ruộng thấp trũng như đình Lỗ Giáng, đình Tùng Lâm (phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ) đình Phú Hòa (xã Hòa Nhơn), đình Bồ Bán (xã Hòa Phong) thuộc huyện Hòa Vang, đình Mân Quang (phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn); hoặc trên những gò đồi ở vùng bán sơn địa như đình Khe Lâm, đình Xuân Lộc, đình Đại La (xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang).

Đình làng gần như có đủ tám hướng (bốn hướng chính Đông, Tây, Nam, Bắc và bốn hướng phụ Đông – Nam, Tây – Nam, Đông – Bắc và Tây Bắc). Phía trước đình thường có đầm, hồ, khúc sông và phổ biến hơn cả là đồng ruộng thấp trũng làm yếu tố minh đường, thủy tụ. Hiện nay, đình Túy Loan (xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang) là một trong những ngôi đình có cảnh quan đẹp, sông nước hữu tình, trên văn bia đình có ghi “Đây là nơi núi nước trùng điệp, rừng cọp vây quanh, là nơi đất thần kỳ...”.



Dinh Binh Thuy Can Tho - số 46/T1A đường Lê
Hồng Phong, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
12/10/2021

2.3 Đình làng miền Nam

Từ cuối thế kỷ XVII, người Việt từ miền Trung di cư đến vùng đất phía Nam sinh sống và đã tạo dựng nên Đình làng. Đình làng hay đình thần, là nơi thờ thần Thành hoàng, vị thần chủ tế trên cõi thiêng của thôn làng. Nhìn chung ở Nam bộ, sau khi mỗi làng xã được hình thành và tương đối ổn định, thì tùy theo cuộc đất, tiền bạc và công sức đóng góp của cư dân, mà tiến hành xây dựng một ngôi đình. Từ đó, ngôi đình tồn tại, phát triển, biến đổi qua các giai đoạn lịch sử khác nhau của cộng đồng ấy.

Theo Nhà nghiên cứu Sử học - Tiến sĩ Huỳnh Ngọc Đáng, không như ngôi đình làng ngoài Bắc là một kiến trúc gỗ đồ sộ, gồm 5-7 gian, ngôi đình Nam bộ thường là một quần thể kiến trúc gỗ, gồm nhiều ngôi nhà sát liền nhau theo kiểu sắp đặt và thường được xây dựng ở vị trí cao ráo, tiện việc đi lại, ít bị chi phối bởi thuật phong thủy.

Ngày nay, đình thần Nam bộ có lối kiến trúc khá đa dạng, bởi sau khi bị hư hại bởi thời gian và chiến tranh; kiểu thức truyền thống chẳng còn lại bao nhiêu

Đình làng là biểu tượng truyền thống của làng xã Việt Nam. Đình được hình thành ở Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Nam Bộ như một nhu cầu tất yếu về văn hóa, tín ngưỡng của những lưu dân người Việt trong buổi đầu khai hoang, lập ấp.

Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay trở thành chốn thị thành từ những thôn làng của tỉnh Gia Định, cho nên đến nay cũng gìn giữ được khoảng hơn 300 ngôi đình sau hơn 300 năm hình thành và phát triển.

Kiến trúc đặc trưng của Đình làng miền Nam:

Ngày nay, đình thần Nam Bộ có lối kiến trúc khá đa dạng, bởi sau khi bị hư hại bởi thời gian và chiến tranh, kiểu thức truyền thống chẳng còn lại bao nhiêu. Tuy đã ít nhiều thay đổi, nhưng một ngôi đình ở Nam Bộ, lần lượt từ ngoài vào trong đại để như sau:

• **Cổng đình:**

Cổng đình có kiểu dáng không chừng. Cổng đẹp thì có trụ cột, trên có mái lợp ngói, hoặc trên hai trụ có đặt cặp lân bằng sành tráng men.



Cổng Đình Bình Thủy Cần Thơ _ số 46/11A đường Lê Hồng Phong, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ _ 12/10/2021

• **Sân đình:**

Sân đình thường có đàn thờ Thần Nông (tức Tắc thần), có nơi lập đàn tế chung với thần Thần Đất (tức Xã thần) gọi là đàn Xã Tắc. Hai bên đàn thường là các miếu thờ cọp (Chúa xứ Sơn quân), miếu thờ Hội đồng hoặc miếu thờ nữ thần (có thể là một trong các nữ thần sau: Năm Bà ngũ Hành, Chúa Xứ Nguyễn Nhung, Linh Sơn Thánh Mẫu, Chúa Tiên, Chúa Ngọc...).

Ngôi đình chính thường là ba hoặc nhiều nếp nhà tứ trụ (tức nhà vuông có 4 cột cái, một gian, hai chái), cùng kiểu cùng cỡ, bố trí theo kiểu "trùng trùng điệp điệp". Mái đình thường lợp ngói âm dương hoặc ngói ống kiểu Trung Quốc, ngói kiểu vảy cá (kiểu Pháp, có sau năm 1920); trên nóc thường

gắn những hình sành tráng men màu như Lưỡng long tranh châu, chim phượng ngậm cuốn thư, lân mẹ dạy lân con, cá hóa long, bát tiên, ông mặt trời, bà Mặt Trăng,

con nọ (một loài thủy quái theo truyền thuyết); nhâm tượng trưng cho âm dương hòa hợp, sung túc, thiêng liêng.

Bên trong mỗi đình có cách phân chia hơi khác nhau, nhưng thường là có ba gian chính:

Vỏ ca (gian trước) dành làm nơi xây chầu và hát tuồng vào mỗi dịp lễ Kỳ yên.

Vỏ qui còn gọi vỏ của hay nhà chầu (gian giữa), có nơi như Đình Phú Nhuận (Thành phố Hồ Chí Minh), đặt bàn thờ Hội đồng ngoại; có nơi như Đình Mỹ Phước (Long Xuyên, An Giang) đặt bàn thờ 18 đời vua Hùng, bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh; và cũng có nơi dùng làm chỗ cho các chức sắc chầu lễ, cầm châu (mỗi khi hát Bội) hoặc hội họp.

Chánh diện hay Chính tẩm (gian cuối), là gian được coi là mỹ thuật nhất ở đình, gồm hoành phi, câu đối, khám thờ, các bao lam và các mảng phù điêu... Tất cả đều được chạm khắc, sơn son thiếp vàng đẹp đẽ, tinh tế. Ở gian này, đối tượng thờ chính là Thần Hoàng làng, có nơi như Đình Mỹ Phước có thờ thêm Hội đồng nội.

Ngoài ra, ở hiện phụ (cát dọc theo các gian chính), có thờ thêm Tả ban, Hữu Ban, Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền... Và tùy theo diện tích đình, mà có thể có thêm:

Nhà hậu hay nhà hội, để hương chức, ban tế tự hội họp; để dân làng qui tụ chuẩn bị lễ cúng tế.

Nhà trù (nhà bếp) và nhà ở của ông Từ giữ đình v.v...

• **Bày trí:**

Tuy mỗi nơi có đôi chút dị biệt, nhưng việc bày trí thờ thần ở đình phải tuân thủ mấy nguyên tắc sau. Theo học giả Nguyễn Văn Tố thì:

Cầu đối ở đình chỉ trạm trện rồng hoặc tứ linh (long, lân, quy, phụng).

Bát bửu là tám món quý báu gồm: bút, sách, quạt, gương, lẵng hoa, đàn và sáo, bầu

rượu, túi thơ. Có nơi là: pho sách, ngọc như ý, cuốn thư, lẵng hoa, bầu rượu, đàn tỳ bà, quạt, phát trần.

Cửa võng (bao lam) thường chạm lưỡng long châu nguyệt (hai con rồng châu Mặt Trăng), hoặc là lục long ngự thiên (sáu con rồng bay về trời), ngũ phụng hàm thư (năm con phụng ngậm tờ thư).

Bàn thờ thần Thành hoàng có ngai chạm hai con rồng, với cái long vị hình chữ nhật (thần vị) mô phỏng dáng người ngồi, ghi tên hiệu của thần... Trước long vị, đặt cái gương nhỏ, tượng trưng cho cái hốt mà vị quan cầm che trước mặt mỗi khi vào chầu vua. Ngoài ra, ở đây còn có tráp đựng sắc phong, tam sự hoặc ngũ sự (Tam sự là cái lư để đốt trầm và hai cái chân đèn. Ngũ sự thì có thêm hai ống cầm nhang), bình, khay, kỷ tam sơn là ba khối vuông (khối giữa nhỏ lên) dùng để lư hương, trà, rượu, gọi bóng dáng ba ngọn núi.

Ở đây còn có vài tàn long, cờ vĩa, đồ lễ bộ, mũ cùng quần áo thờ. Hai bên hương án thường là đôi hạc đứng trên lưng rùa. Nếu thần là quan võ, có nơi còn có chung cái giá, trên để ba thanh gươm cán dài, gọi là gươm vĩa hoặc gươm cần và ngựa... Chiêng trống là dụng cụ cần thiết khi tế lễ. Cái mõ là một khúc cây dài khoét bọng, đầu ấn của thời xưa, dùng để đánh lên báo động khi trong làng xảy ra hỏa hoạn, hoặc có giặc cướp...



Bức bình phong Đình Bình Thủy Cần Thơ _ số 46/11A đường Lê Hồng Phong, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ _ 12/10/2021

• **Bình phong:**

Bình phong nằm chính giữa phía trước

sân đình. Mặt bình phong thường đắp nổi hoặc vẽ cảnh cò vàng (hoàng hạc) đứng bên gò đất lờm chớm, có một cây cò thụ; cảnh lá; hoặc cảnh long mã chở cái phù đồ, hoặc cảnh long hổ hội (cò dưới đất ngược lên nhìn rồng đang bay ẩn trong mây nhìn xuống); cốt để biểu thị âm dương hòa hợp.

• **Vật liệu xây dựng và điều khắc trang trí của đình làng Nam Bộ:**

Buổi đầu sơ khai, các đình làng được dựng lên rất đơn sơ bằng nguyên vật liệu tại chỗ như cây lá có sẵn, không gian nhỏ hẹp. Những đình làng thuở ban đầu được biết đến qua lời truyền khẩu của các bậc trưởng lão và tư liệu của một số nhà nghiên cứu về đình làng Nam bộ.

Từ thế kỷ XVIII đến giữa đầu thế kỷ XIX, dân chúng dần ổn định cuộc sống, ruộng vườn cho thuê lại, dân làng có nhu cầu sửa chữa ngôi đình khang trang hơn. Vật liệu dựng đình trong thời kỳ này chủ yếu bằng gỗ, từ khung sườn cho đến các bộ phận bao che bên ngoài, mái lợp ngói ống (ngói âm dương) theo dạng kiến trúc truyền thống thuần Việt.

Nét văn hóa đặc trưng của đình làng miền Nam

• **Lễ tế**

Tùy theo tập quán của từng địa phương, không nơi nào giống hết nơi nào, nhưng nhìn chung ở đình làng Nam Bộ thường diễn ra các cuộc lễ như sau:

Lễ Niêm ấn và lễ Khai sơn:

Xưa, vào ngày 25 tháng Chạp, hương chức làm lễ rửa con dấu, bỏ vào hộp niêm kín. Kể từ ngày này, công việc hành chính trong làng đều đình chỉ cho đến mùng 7 tháng Giêng. Lễ Khai sơn (hay Khai hạ, Khai ấn), được tổ chức vào ngày mùng 7 tháng Giêng. Xưa ngày này có lễ Hạ nêu và lễ Khai ấn. Hương chức làm lễ làm lễ Khai sơn xong, thì lấy chuối bó vài nhát tượng trưng gọi là động thổ, cho dân theo đó mà khởi sự cây cấy, trồng trọt; và các công việc hành chính trong làng trở lại bình thường.

Lễ Bầu ông: Thuở Nam Bộ còn hoang vu, nhiều người sợ cọp nên mỗi làng chỉ cử đến Hương chủ, vì chức Hương cả phải nhường cho cọp (tục lệ này có ghi trong Minh điều hương ước ban hành năm 1852). Và một cặp là hương chức đứng đầu, nên hàng năm, tùy theo đình chọn ra một ngày để làm lễ "Bầu ông": cúng một con heo trắng, kèm theo một tờ cử hương chức. Gần đây, tục cúng Cá cọp vẫn còn nhưng chỉ nhằm cầu an cho bá tánh.

Lễ Tam Nguyên (hay Tam Nguyên): là lễ cúng vào ba ngày rằm lớn: tháng Giêng, tháng Bảy và tháng Mười.

Lễ Hạ điền và Thương điền: Đây là hai lễ lớn trong năm (Xuân Thu nhị kỳ). Hai lễ này chính là sự biến đổi từ tập tế xuân (Xuân tế) và tế thu (Thu tế). Ở Nam Bộ, lễ Hạ điền, được cử hành vào đầu mùa mưa, có ý nghĩa như khai trương việc cấy cấy, trồng trọt. Lễ Thương điền, được cử hành vào cuối mùa mưa, lúc mùa màng đã có kết quả. Hai lễ này mang tính chất lễ nghi nông nghiệp rõ rệt. Bên cạnh việc cầu Quốc thái dân an, Thiên hạ thái bình; là lễ cúng Thần Nông, Hậu Tắc, Vũ Sư, Phong Bá, Diên Di... Thông thường, lễ Hạ điền long trọng hơn lễ Thương điền.

Ngoài ra ở đình Nam Bộ còn có các lễ nhỏ khác như Giỗ hậu và Giỗ

các anh hùng lịch sử, lễ vía Bà (các nữ thần đạo phật tử); và các lễ khác gọi chung là Tứ thời tiết lập, gồm: Nguyên Đán, Hàn Thực (3 tháng Ba âm lịch), Thanh Minh (trong khoảng tháng Ba âm lịch), Trung Thu (rằm tháng Tám âm lịch), Trùng Cửu (mùng 9 tháng Chín âm lịch), Trùng Thập (mùng 10 tháng Mười âm lịch), Trừ Tịch (30 tháng Chạp âm lịch)...

Lễ Kỳ yên đây là lễ chính trong năm. Lễ phổ biến là 3 năm cúng lớn một lần, gọi là Đại lễ Kỳ yên (Tam niên đại lễ Kỳ yên). Sách Gia Định thành thông chí chép lễ này như sau:

Mỗi làng (ở Nam Bộ) có dựng một ngôi đình, ngày cúng tế phải chọn cho được ngày tốt, đến buổi chiều ngày ấy lớn nhỏ đều nhóm tại đình, họ ở lại suốt đêm ấy, gọi là túc yết. Sáng ngày mai học trò lễ mặc áo, mũ, giòng trống khua chiêng làm lễ chánh tế, ngày sau nữa làm lễ dịch tế, gọi là đại đoàn, lễ xong lui. Ngày giờ cúng tế tùy theo tục từng làng không đều nhau, hoặc lấy tháng giêng cầu phúc gọi là Tế xuân, hoặc lấy tháng 8, 9 báo ơn thần là Tế thu, hoặc lấy trong 3 tháng mùa đông là tế tròn năm thành công. Tế chung, tế lập chapel là đáp tạ ơn thần. Việc tế đều có chủ ý chung gọi là Kỳ yên. Ngoài tế phẩm ra có mổ trâu, bò, và ca hát hay không ấy là tùy lệ từng làng, việc ngồi có thứ tự đều nhường cho vị hương quan ngồi trên, hoặc làng nào có học thức thì làm theo lệ Hương ẩm tửu, cũng giàng chiếu luật và hương ước, ấy gọi là làng có tục tốt. Cũng trong ngày ấy xét sổ sách làng coi trong một năm ấy thu nạp thuế khóa, tiêu dịch, lúa tiền thiếu thế nào, ruộng nương được mất thế nào trình bày tính toán công khai; rồi cử người chúc sự làm việc làng và cũng bàn giao chức vụ trong ngày ấy.

• **Ban quý tế**

Tên cũ là Ban Hương chức hội tế, hay Ban tế tự, gồm nhiều người có đạo đức tốt, có nhiều công hiến cho đình, cho làng. Theo nhà nghiên cứu Trương Ngọc Trường thì đại khái chia ra làm ba loại hương chức: Hương chức loại 1: tức hương chức Hội chánh, gồm có: Kế hiền (Hội trưởng); Chánh bá (hay Chánh niệm hương), Phó bá, Bồi bá, Tiên bá (bốn chức chung lo việc ngoại vụ); Chánh tế, Phó tế, Bồi tế (ba chức chung lo việc nội vụ).

Hương chức loại 2: tức hương chức Hội tế, gồm có: Giáo sư (cổ văn mọi mặt), Hương quan (cổ văn nghi lễ, tục lệ), Hương lễ (chỉ huy ban lễ sinh), Hương nhạc (chỉ huy ban nhạc lễ), Hương văn (soạn thảo văn tế), Hương ẩm (tổ chức tiệc tùng), Thủ sổ (lo việc sổ sách và kiểm tra lễ vật), Thủ từ (giữ đình, lo việc đèn nhang mỗi ngày).

Hương chức loại 3: tức hương chức Hội hương hay Ngoại hội tế, gồm những người phụ giúp việc đình miếu.

Một điều khác lạ là ở Nam Bộ, dù là người đồ đạt cao hay làm quan to thì cũng chỉ là khách quý khi về dự cúng đình chứ không được đứng làm chủ tế.

Một điều khác nữa là ở Nam Bộ không hề phân biệt dân cổ cựu, dân ngụ cư. Dân mới cư ngụ đôi ba năm, vẫn có thể được cử làm hương chức. Và ở đây cũng không hề có trường hợp bắt họ phải làm "thằng mớ".

Có thể nói Ban quý tế đình miếu ở Nam Bộ là một tổ chức bảo vệ văn hóa truyền thống ở nông thôn. Tuy có nơi, họ bị mang tiếng là bọn xôi thịt; nhưng đa phần đều là những người đáng kính, bởi họ thường gia nhập một cách tự nguyện, tự giác, bốn phần nhiều hơn quyền lợi.

SO SÁNH ĐÌNH LÃNG 3 MIỀN

• Tuổi đời

Đình làng là một nét văn hóa trong cuộc sống cộng đồng của người dân Nam bộ từ xưa đến nay. Từ cuối thế kỷ XVII, người Việt từ miền Trung di cư đến vùng đất phía Nam sinh sống và đã tạo dựng nên Đình làng. Đình làng hay đình thần, là nơi thờ thần Thành hoàng, vị thần chủ tế trên cõi thiêng của thôn làng.

Ngôi đình làng với chức năng là nơi thờ thành hoàng và là nơi hội họp của dân chúng có lẽ bắt đầu vào thời Lê sơ và định hình vào thời nhà Mạc. Có lẽ sự phát triển của Nho giáo vào cuối thế 15 đã cấy dân Thành hoàng vào đình làng. Nhưng hiện nay dấu vết sớm nhất của đình làng thì Thành hoàng chỉ gặp từ thế kỷ 16.

• Mục đích xây dựng

Được hình thành nhằm mục đích tôn thờ thần linh và những đối tượng có công với đất nước

Là nơi để thực hiện cúng bái, hội họp, tổ chức lễ hội và thu thuế

• Kiến trúc

Về kiến trúc thì đình làng cả 3 miền đều có trụ biểu, bình phong và mái đợc lợp bằng ngói

Đặc biệt đình ở miền Trung và Bắc. Vị trí dựng đình được chọn lựa rất kỹ theo thuyết phong thủy vì người ta cho rằng nó liên quan đến sinh mệnh cả làng.

Hầu hết biểu tượng của các đình làng ở Việt Nam đều có sự xuất hiện của bộ tứ linh thú : Long, Lân, Quy, Phụng.

Trong môi trường khí hậu có sự thay đổi lớn và thất thường (bão lụt, hạn hán, nắng nóng, lạnh giá...) thì sự cân bằng, ổn định là yếu tố được đề cao. Các loại hình kiến trúc dân gian truyền thống của người Việt đều có xu hướng phát triển theo chiều ngang, bám chặt xuống đất để tạo thế cân bằng và ổn định. Kiến trúc đình làng cũng vậy, nó là thành quả tuyệt vời, thể hiện cách ứng xử khéo léo của cha ông ta đối với môi trường sống, vừa chế ngự, hạn chế sự khắc nghiệt của thiên nhiên, vừa linh hoạt khôn khéo tận dụng những điều kiện thuận lợi để tồn tại và phát triển.

GIÔNG NHAY

KHÁC NHAY

• Miền nam :

Ưu tiên sự đơn giản, ngôi đình Nam Bộ thường là một quần thể kiến trúc gỗ, gồm nhiều ngôi nhà sát liền nhau theo kiểu sắp đặt; và thường được xây dựng ở vị trí cao ráo, tiện việc đi lại, ít bị chi phối bởi thuật phong thủy.

Điều đặc biệt ở miền nam có những đối tượng được thờ cúng mà vùng miền khác không có : thờ các vị tiền sư (đây là các bậc thầy dạy nghề cho dân làng từ những ngày đầu lập làng đến nay). Bên ngoài sân một số đình Nam Bộ còn thờ thần nông, thần tài, thổ địa, bạch hổ...

• Miền bắc :

Phong thủy là một trong những yếu tố bắt buộc trong việc xây dựng đình làng. Phải là nơi có phong cảnh hữu tình, thiên thời địa lợi, được bao bọc bởi cây cối, phải có ao làng, giếng nước

Mô thức nhà sàn và các đầu đao uốn cong là yếu tố đặc sắc có tính bản địa của kiến trúc đình làng ở đồng bằng Bắc Bộ. Nó giúp ta phân biệt với các kiến trúc khác ở Việt Nam và khu vực. Đình to lớn, bề thế, nhưng không gây cảm giác trấn áp, kiến trúc không nặng nề, rườm rà nhưng vẫn cổ vẻ oai nghiêm nhất định.

Đình làng miền bắc đa phần thường rất to lớn kiến trúc gỗ đồ sộ, gồm 5-7 gian

• Miền trung:

Có nhiều nét khác biệt về kiến trúc, văn hóa làng so với những vùng miền khác của miền Bắc hay miền Nam. Điều này đã tạo nên nét đặc trưng riêng cho đình làng ở miền Trung

Thường là những ngôi nhà rường ba gian hai chái hoặc một gian hai chái: có 2 dạng vại kèo: vại chồng và vại luồn, Các bộ phận ở gian chái thường được kết cấu theo kiểu chái kép.

Miền Trung là mảnh đất có khí hậu khắc nghiệt nên khi xây dựng đình làng để chống chọi với gió bão, thì các bờ nóc, bờ dãi đều được đắp to, để mái chắc chắn nhưng được cách điệu trang trí rực rỡ nhờ việc gắn lên trên đó các hình ảnh thuộc bộ "tứ linh", giao lân...bằng nghệ thuật đắp vữa, ghép mảnh sành sứ, làm cho bộ mái nhẹ nhàng hân di và có cảm

giác như vút lên.

Với những ưu điểm như thế, bộ mái của ngôi đình vừa có vẻ cứng cáp và mảnh mai nhưng không yếu ớt, vừa thích hợp với môi trường khí hậu của miền Trung đồng thời phù hợp với thẩm mỹ và cảnh quan của kiến trúc tại miền Trung

Luôn tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên tắc về dịch lý và thuật phong thủy. Dân làng phải tìm cho được những mảnh đất có thế rồng châu hổ phục, có sông nước, núi đồi làm yếu tố "mình đường, hậu chẩm", "thủy tụ, sơn triều" để cất đình:

• **Thực trạng**

Hiện nay nhiều nơi, vì nhiều nguyên nhân, một số đình làng đã bị xuống cấp nghiêm trọng, nhưng việc trùng tu thật chậm chạp vì thiếu kinh phí. Một số khác tuy được trùng tu, nhưng vì một lý do nào đó, ngôi đình đã được làm mới hoàn toàn bằng vật liệu hiện đại, nên đã mất đi ít nhiều cái hồn di sản của cha ông. Thứ nữa, ngoại trừ những ngày có lễ tế, những ngày còn lại, do dân làng ít lui tới và có dấu hiệu mất dần "chỗ đứng" trong đời sống sinh hoạt của mỗi làng quê, nên sau này của đình gần như khép kín quanh năm. Vì sao mối gần bó giữa đình làng với người dân làng không còn được như xưa nữa, vấn đề này rất cần những công trình nghiên cứu để tìm ra câu trả lời và biện pháp cứu vãn...

KẾT LUẬN

Đình làng không chỉ đơn thuần là nơi thờ cúng linh thiêng của cộng đồng, là không gian sinh hoạt văn hóa, tâm linh, là sợi dây gắn bó cộng đồng, là thiết chế văn hóa tín ngưỡng trong dân gian. Đình là ngôi nhà cộng đồng của cộng đồng làng xã người Việt đã xuất hiện từ rất lâu đời.

Mỹ thuật đình làng chứa đựng nhiều giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, độc đáo mà trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam, chưa từng có một di sản văn hóa nào. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc đình làng có giá trị nghệ thuật độc đáo, không có sự lặp lại ở các nền mỹ thuật khác. Nó là tác phẩm của những nghệ nhân dân gian. Nghệ thuật xuất phát từ đời sống, từ cái nhìn có tính bản năng thuần phác của người nông dân. Khi sáng tạo, người nghệ sĩ – nông dân không bị câu thúc bởi bất cứ quy chuẩn tạo hình nào. Họ tự do bộc lộ cái cảm tự thân về hiện thực, bằng bất kỳ thủ pháp nào mà người nông dân cho là phù hợp với bản năng nguyên phác của họ. Trong họ đồng thời có hai con người: Người nghệ nhân với kỹ thuật chạm khắc điêu luyện và người nghệ sĩ với sự tự do trong tưởng tượng, phản ánh, thể hiện và miêu tả hiện thực. Nhiều thủ pháp tạo hình được sử dụng để sáng tạo ra các bức chạm khắc, thể hiện cái nhìn hồn nhiên, mộc mạc, hóm hỉnh, đầy sức sống như cái nhìn của trẻ thơ.

Như một quy luật, kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam nói chung và kiến trúc đình làng nói riêng đều tuân theo nguyên tắc tính đăng đối. Tính đăng đối là một thuộc tính của tự nhiên và nghệ thuật. Thật ra, trong nghệ thuật truyền thống Việt Nam, với tính dân gian đậm đặc, tính đăng đối không đạt tới sự đối xứng tuyệt đối của toán học. Bản chất của nó là sự lặp lại có quy luật, tạo nhịp điệu, làm cho kiến trúc trở nên sinh động, giàu tính trang trí, tác động đến thị giác tạo ấn tượng thẩm mỹ. Nó cũng tác động đến cảm giác, tạo sự ổn định, bền vững, thể hiện như cầu thường hằng của cư dân nông nghiệp.

Cũng đăng đối nhưng nếu như kiến trúc truyền thống Trung Hoa nổi bật với màu đỏ rực rỡ của sơn ở cấu kiện gỗ, màu men vàng, xanh của ngôi ống, nét duyên dáng, uyển nhả, có xu hướng nổi bật, hướng ngoại, cầu kỳ, thì đình làng Việt mang màu sắc tự nhiên, chân thực của vật liệu, nét rêu phong cổ kính của mái ngói, cái mộc mạc, nguyên sơ của gỗ. Công trình có xu hướng trầm, hướng nội như bị hút xuống đất và lẫn vào không gian cảnh quan... Đình chủ yếu là gỗ, gạch, đá tham gia không đáng kể. Do có sẵn, nên thêm và nền đình ít được chú trọng chăm chút, kiến trúc mở, để thoáng xung quanh, công trình gần gũi với con người, chạm khắc của đình nhiều và phong phú làm cho các kết cấu gỗ trở nên mềm mại, uyển chuyển, không gian trở nên sinh động hơn.

Đình làng là cái nôi của nền văn hóa Việt Nam. Kiến trúc và mỹ thuật đình làng (từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19 đầu 20) đánh dấu đỉnh cao trong nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Việt Nam, chứa đựng những giá trị nhiều mặt về văn hóa, lịch sử, nghệ thuật vô cùng quý báu, chứa đựng nhiều yếu tố thuần Việt, nguyên bản, không thấy lặp lại ở các nền văn hóa khác. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt được bộc lộ qua tư duy thẩm mỹ, thể hiện qua thức kiến trúc, mối quan hệ giữa kiến trúc và môi trường, qua các thủ pháp nghệ thuật, các motif, họa tiết, hình khối, đường nét, màu sắc... đặc biệt là "hồn cốt" của dân tộc toát lên từ những mái đình đơn sơ và bình dị.

PHẦN I

Chương III

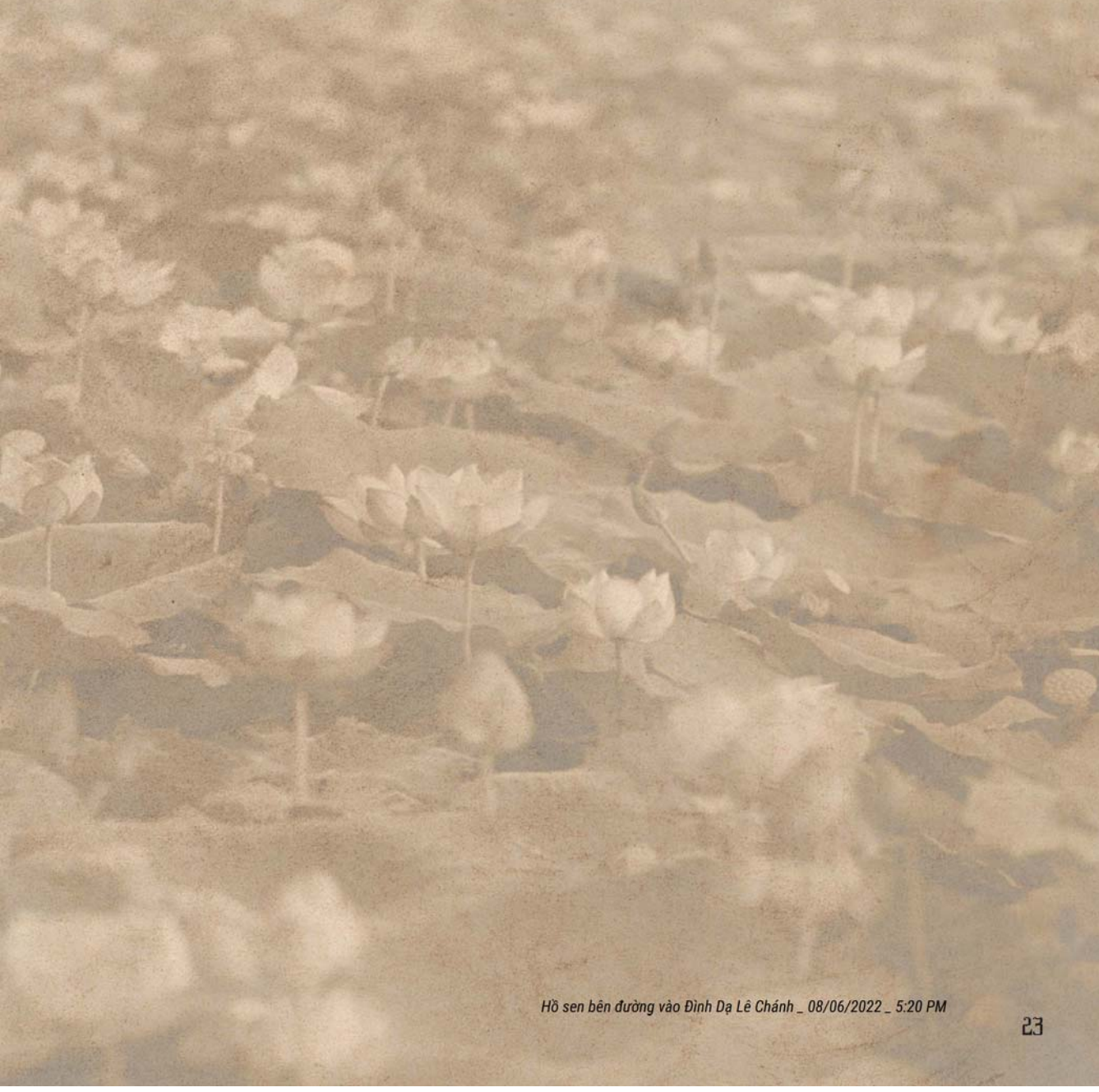
Đình làng Dạ Lê Chánh ở Huế

3.1 Lịch sử hình thành Đình làng Dạ Lê Chánh

3.2 Đặc điểm kiến trúc

3.3 Tín ngưỡng tôn thờ

3.4 Trang trí đặc trưng



Hồ sen bên đường vào Đình Dạ Lê Chánh _ 08/06/2022 _ 5:20 PM

3.1 Lịch Sử Hình Thành Đình làng Dạ Lê Chánh

Năm 1306 với cuộc hôn nhân lịch sử Huyền Trân – Chế Mân. Vùng đất Châu Lý trở thành vật sinh lễ của vua Chiêm, rồi được sát nhập vào quốc gia Đại Việt. Làng Dạ Lê, một trong những làng được thành lập sau sự kiện này thuộc huyện Sĩ Vinh của Châu Hóa.

Sách "Ô Châu Cận Lục" do Dương Văn An nhuận sắc, viết vào thời kỳ nhà Mạc (năm 1555) đã cho biết làng Dạ Lê thuộc xã Dạ Lê-huyện Tư Vinh- phủ Triệu Phong-Xứ Thuận Quảng.

Mùa hạ năm Tân Dậu (1801), Thế Tổ Cao Hoàng Đế (vua Gia Long) xây dựng kinh đô ở Phú Xuân, làng Dạ Lê nằm gọn trong địa giới huyện Phú Quang-phủ Thừa Thiên. Đến năm Minh Mạng thứ 15 (1935) thành lập huyện Hương Thủy, làng Dạ Lê được xác nhập vào huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Qua các nguồn dữ liệu vừa nêu. Có thể khẳng định được rằng: Làng Dạ Lê đã có mặt trên mảnh đất thừa Thiên Huế khá sớm. Có thể cuối thế kỷ 15. Đầu thế kỷ 16. Cư dân ở đây là những đoàn người Nam tiến từ vùng Thanh – Nghệ và các vùng khác đã vào đây lần lượt sinh sống, xây dựng, mở mang từng bước để thiết lập nên làng Dạ Lê và tồn tại đến ngày nay.





Trụ biểu Đình Dạ Lê Chánh _ 08/06/2022 _ 12:50 AM

3.2 Đặc Điểm Kiến Trúc

Đặc điểm nổi bật của đình làng Dạ Lê là mang phong cách nhà rường Huế thuần túy, kèo chồng nối các đầu cột với nhau. Kèo thứ hai được chồng lên kèo thứ nhất, bộ phận củ thì chồng lên kèo thứ hai, tất cả được nối với nhau qua 3 hàng cột (cột cái, cột quân, cột hiên) từ đó tạo ra một đường thẳng thống nhất mà không bị gấp khúc làm cho không gian của ngôi đình phóng khoáng hẳn lên, ở mặt trước các kèo, củ được chạm khắc tỷ mỉ, tinh xảo thể hiện bằng các họa tiết trang trí hoa dây lá, đường chỉ gân, chữ thọ tròn, hoa kỷ hà.

Tất cả các hệ thống trụ cột trong ngôi đình đều được cách điệu, phía trên là hình tượng hoa sen, dưới chân trụ cột choãi ra theo kiểu dinh quả bị, được liên kết với nhau bởi các vì kèo, hệ thống xuyên, đầu củ, đòn tay... Tất cả được chạm khắc tỷ mỉ bởi các mô típ hoa lá, hình hồi văn, chữ thọ tròn, đuôi cá... Ở mặt dưới các đòn tay, đầu củ, xuyên trang trí bằng một đường gờ nổi chạy suốt từ đầu tới đuôi kèo, đường gờ này chia mặt gỗ thành 2 phần phần tạo cảm giác như hai thanh rui hoặc đòn tay ghép sát vào nhau, làm giảm độ nặng nề của khối gỗ, làm cho nội thất của đình phóng khoáng, mát mẻ.

Hệ thống các trụ tiêu được bào chuốt tỷ mỉ, được chạm cách điệu theo kiểu bập chuối. Ở dưới là hình cọng tôm, ở trên là hình cọng dơi, các thân trụ tiêu được khắc chìm ghi các lần tu sửa, xây dựng, ngày hoàn thành ngôi đình, như: (Tháng 11 năm Canh Tý, Tự Đức thứ 34 - 1880). Tất cả các trụ tiêu đều được dựng ngược lên lưng trốn giữa hai hàng cột nhất của mỗi vì kèo.

Một đặc điểm nổi bật nữa là trong nội thất của đình làng được treo rất nhiều câu đối (20 câu) và các hoành phi (6 bức). Ở trên các đầu cột và trên hai dãy nghi môn - Liên ba của hai hàng cột cái. Các bức hoành phi được kết cấu, trang trí như các tấm gót đan. Ngoài ý nghĩa nói lên tính chất ngành nghề truyền thống đan gót của làng, nội dung của các bức hoành phi còn phản ánh đầy đủ những giá trị đích thực của một làng quê có bề dày lịch sử văn hóa, có tinh thần hiếu học, có ý chí, tình cảm, sức mạnh, có ngành nghề truyền thống... cần được bảo lưu giữ gìn cho muôn đời sau, như "Mỹ Tục Khả Gia", "Giang Sơn Duy Linh", "Đã Nhi Văn", "Thiên Thu Chánh Khí", "Lê Năng Nhượng", "Cao Liêm Chánh Trực".

Nhà tầng là một bộ phận phụ của di tích, nhà được xây dựng theo kiểu kiến trúc hiện đại bằng chất liệu xi măng cốt thép, mái và bờ nóc không trang trí.

Đình làng Đa Lê là nơi tôn thờ các thần vị

Bốn thổ khai sơn sắc phong Đức Bảo Trung Hưng Linh Phù Thủy Cương nghị Đôn Tính Tráng Tiết Lê quý tôn công thần.

Bốn thổ khai cơ sắc phong Đức Bảo Trung Hưng Linh Phù Thủy Khai Khẩn Hộ Cảnh Vệ Dân Nguyễn quý công tôn thần.

Bốn thổ khai cơ sắc phong Đức Bảo Trung Hưng Linh Phù Thủy Thượng Thổ Trạc Thông Thanh Trục Trần quý công tôn thần.

Bốn thổ khai cơ sắc phong Đức Bảo Trung Hưng Linh Phù thủy Dịch Vũ Phù tá Mậu lương hầu đệ nhị vị Nguyễn quý công tôn thần.

Phụng vị hiền linh tổng sơn quân chúa Nguyễn Thị Ngọc Vạn quý nương (sắc phong Trinh Uyên, gia tăng Tráng Tính Đức Bảo Trung Hưng) thủy tử Hoan, pháp hiệu Điều Đức nhất vị tôn nương (những chữ trong dấu móc là ghi thêm trong bài văn tế).

Sắc Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiền Hòa Trang Huy Đức Bảo Trung Hưng Đại Càng Quốc Gia Nam Hải tứ vị thượng đẳng thần.

3.3 Tín Ngưỡng Tôn Thờ

Tú thờ trong Đình Đa Lê Chánh _ 07/06/2022 _ 8:30 AM

3.4

ĐẶC TRUNG TRANG TRÍ

Khuôn viên Đình Dạ Lê rộng 2.158m². Bố trí cấu trúc Đình bao gồm: Hồ bán nguyệt – trụ biểu – bình phong – tòa Đại đình được liên kết với nhau theo một trục dọc. Tòa Đại đình làm theo kiểu nhà rường ba gian, hai chái diện tích 221m²(17m x 13m). Cột kèo bằng gỗ, kết cấu hài hòa, gồm 28 cột lớn, trong đó hàng cột lớn nhất (cột cái) 8 cột, cột hàng nhì (cột quân) 16 cột và cột hàng ba (cột hiên) 4 cột. Mái của Đình Dạ Lê hơi ngang, lợp ngói liệt, trên trang trí "Lưỡng long châu nguyệt", bốn góc mái có biểu tượng "long hồi". Nội thất Đình có án thờ gỗ sơn sơn thếp vàng, chạm khắc tỉ mỉ. Trên các nghi môn, liên ba chạm khắc các họa tiết đặc trưng của nghệ thuật triều Nguyễn. Đình Dạ Lê còn lưu giữ được 20 câu đối, 6 bức hoành phi. Trải qua thời gian và chiến tranh, Đình Dạ Lê được trùng tu nhiều lần, qua các lần tu sửa một số cấu trúc gỗ đã được thay thế bằng xi măng cốt thép. Đình Dạ Lê là một di tích kiến trúc tiêu biểu có giá trị về mặt kiến trúc gỗ truyền thống, mang phong cách nhà rường dân gian Huế. Đình Dạ Lê còn là nơi tập trung và diễn ra nhiều lễ hội, sinh hoạt văn hóa truyền thống của làng. Đặc biệt, nơi đây đã diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của nhân dân địa phương hướng ứng các phong trào đấu tranh yêu nước, phong trào giải phóng dân tộc.





PHẦN I

Chương IV

Bình phong - Tủ cung đình đến làng quê

- 4.1 Bình phong trong văn hóa Huế
- 4.2 Bình phong trong Đại Nội Huế
- 4.3 Bình phong trong dân gian, đình làng Huế
- 4.4 Nghệ thuật trang trí Bình phong Huế



4.1 Bình phong trong văn hóa Huế

Bình phong được người Huế dựng ngay sau cửa ngõ dẫn vào đền đài, đình, lăng tẩm, dinh thự tư gia... Theo thuyết Ngũ hành, phải trước ngôi nhà thuộc hành Hỏa; phía phải thuộc hành Kim, tượng trưng cho chủ nhân; phía trái thuộc hành Mộc, tượng trưng cho thế thiếp, tài lộc; , ti bệ (vợ, tiền của, đầy tớ); phía sau thuộc hành Thủy, tượng cho tử tôn (con cháu); còn trung tâm ngôi nhà thì thuộc hành Thổ. Theo nguyên lý Ngũ hành tương sinh (Thổ sinh Kim; Kim sinh Thủy; Thủy sinh Mộc; Mộc sinh Hỏa; Hỏa sinh Thổ) thì có thổ trạch (đất/ nhà) mới có chủ nhân (Kim); chủ nhân sinh ra con cháu (Thủy) và điều khiển thế thiếp, nô bộc (Mộc). Nếu ngôi nhà quay về phương Nam thì hành Hỏa càng thêm vượng, vì phương Nam thuộc hành Hỏa. Theo nguyên lý Ngũ hành tương khắc (Hỏa khắc Kim; Kim khắc

Mộc; Mộc khắc Thổ; Thổ khắc Thủy; Thủy khắc Hỏa), Hỏa quá vượng sẽ gây tổn hại cho gia chủ (Kim). Vì thế, cần phải có bình phong án ngữ phía trước để cản bớt Hỏa khí. Vì lý do này mà hầu hết các cung điện, đền thờ, đình chùa, nhà thờ họ tộc, nhà của thường dân ở Huế đều có bình phong án ngữ phía trước. Bình phong được sử dụng trong các công trình kiến trúc Huế (cả kiến trúc cung đình, tôn giáo và thế tục), đa số là ngoại án. So sánh cách sử dụng, trang trí bình phong của vùng xứ Huế với các đô thị Bắc Bộ dường như không được trọng dụng bằng ở Huế. Bình phong ngoại thất hay "ngoại án" là kiến trúc cho một công trình kiến trúc.

Bình phong ngoại án ở Huế được xây dựng gần thân bằng gạch đá, ngoại ý nghĩa về phong thủy còn là những công trình mang ý nghĩa trang trí thất sự. Về

đại thể, tuy chỉ là một bức tường xây ngang, nhưng thực tế, kiểu dáng và cách thức trang trí của bình phong vô cùng phong phú. Hình dạng của các bình phong phần nhiều có hình dạng cuốn thư. Điều này cho thấy, bình phong xuất hiện do nhu cầu và sáng tạo từ những bậc nho gia, với mong muốn tạo một dấu ấn cho gia phong, đề cao nho học bởi trong văn hóa và mỹ thuật cổ, đồ án cuốn thư tượng trưng cho học thức, sự sang trọng, quyền quý. Ngoại án còn xuất hiện dưới hình thức biến thể khác như tiểu cảnh non bộ.

Bình phong ngoại án thời Nguyễn là những di vật quý với những kiểu dáng, hình thức trang trí phong phú, phản ánh vị trí, quyền uy, sự giàu sang và cách ứng xử giao tiếp của chủ nhân trong xã hội, đồng thời cũng cho thấy tài hoa của những người thợ chế tác thời kỳ này.

4.2 Bình phong trong dân gian đình và lăng Huế

Trang trí bình phong thời Nguyễn ở Huế Các đề tài trang trí trên bình phong ngoại án thời Nguyễn rất phong phú, song cũng tuân theo những quy định khá cụ thể. Khi nhìn vào các hình trang trí, có thể biết địa vị, nghề nghiệp của gia chủ. Đặc biệt với các khu vực quy mô kiến trúc lớn, các lớp án được coi trọng, bởi chúng không thể chỉ là một phần tô điểm cho kiến trúc và làm chúc năng phong thủy mà còn biểu hiện địa vị, gia thế của người chủ trọng xã hội. Vì vậy, bức bình phong luôn là một phần tạo nên sự hòa điệu kỳ diệu cho không gian kiến trúc, trở thành bộ phận không thể tách khỏi thiên nhiên và quần thể kiến trúc truyền thống Huế. Đề tài Tứ linh và động vật: Tại các đình làng, các am miếu dân gian, đề tài trang trí trên bình phong ngoại án rất đa dạng, nhưng phổ biến nhất vẫn là những con vật trong Tứ linh. Ngoài ra, hình tượng long mã hay hổ cũng a được sử dụng khá nhiều. Do bình phong ngoại án chú trọng đến phong thủy, nên các đề tài Tứ linh được sử dụng nhiều và, thường bố trí theo các cặp "phạm trù", đối xứng: Long (Thái dương) - Quy (Thiếu âm) - Phụng (Thái âm) - Lân (Thiếu âm) cùng hướng vào biểu tượng Thái cực được cách điệu hình mặt trời có các cụm mây xoắn viền quanh. Đề tài Loan - Phụng được thể hiện theo tư thế đối xứng, đầu phụng chầu về hình mặt trời ở chính giữa, đuôi vươn cao, cánh xòe rộng y như đang múa. Toàn bộ các mô típ được đặt trong một hình tròn biểu tượng cho mặt trời, bao bọc bởi hoa cúc dây, tạo thành giới hạn 4 góc hình vuông, biểu hiện cho mặt đất theo quan điểm phương Đông truyền thống.

4.3 Bình phong trong đại nội Huế

Lăng Tự Đức là khu di tích còn bảo tồn được nhiều bình phong cổ có chất lượng nghệ thuật cao. Tiêu biểu như bình phong phía trong cửa Huy Khiêm thuộc Khiêm Cung trang trí long mã đang chạy trên mặt nước, trên lưng chở Hà đồ, thần thái hết sức sinh động, chứa đựng những ý nghĩa về tâm linh, ước nguyện. Bình phong phía sau Ích Khiêm Các thuộc Khiêm Cung là một trong những bức bình phong trang trí Tứ Linh được bảo tồn khá nguyên vẹn. Đây là sự kết hợp giữa bình phong và non bộ, được xây đắp cực kỳ công phu và gần như chưa có sự tu sửa nào. Nó được xây gần với tường thành giới hạn phía sau Khiêm Cung, có hình chữ nhật, kích thước lớn, mỗi chiều đến vài mét. Trên đầu bình phong đắp nổi hình đôi rồng chầu mặt trời. Hình tượng tứ linh được thể hiện hết sức sinh động bằng cách ghép mảnh sành sứ ngay trên phần thân của bình phong. Ngoài lăng Tự Đức và các khu di tích cung đình khác như cung Diên Thọ, cung Trường Sanh, Thái Bình Lâu (trong Hoàng

thanh), điện Voi Ré, lăng Cơ Thánh... còn giữ một số bình phong có giá trị nghệ thuật cao, được xây dựng công phu. Vượt lên trên những nét dung dị của những tuyệt tác đó là dấu ấn của giai đoạn lịch sử nước nhà.

Khu vực lăng Khiêm Thọ của Lê Thiên Anh hoàng hậu ở phía bên kia hồ Lưu Khiêm cũng có bức bình phong Loan - Phụng rất độc đáo nằm sau cổng chính. Đây là bức bình phong được trang trí bằng cách ghép sành sứ màu với số lượng rất lớn. Hình loan, phụng được thể hiện thành một đôi theo tư thế đối xứng, đầu chầu về hình mặt trời đặt ở chính giữa, đuôi vươn cao và xoè rộng như đang múa. Toàn bộ mô típ trên được đặt trong một hình tròn biểu tượng cho bầu trời, bên ngoài có 4 dây hoa cúc đặt ở 4 góc làm giới hạn cho hình vuông, biểu tượng của mặt đất theo quan điểm phương Đông truyền thống.

Bình phong tiền án của Cung Trường Sanh được xây ngay trên bờ của hồ Tân Nguyệt và cách cổng Trường An 10m về phía tây. Hiện nay bức bình phong này còn khá nguyên vẹn (sau

này đã được trùng tu).

Bình phong này có kích thước chiều dài là 11,4m, dày 0,5m. Bình phong được xây theo kiểu cuốn thư ở giữa có trang trí chữ "Thọ" trong khung hình bát giác, hai bên có hai con chim phượng châu vào, ở giữa khung hình chữ nhật được trang trí mâm hoa quả cùng nhiều mô típ hoa văn khác như hình thoi dạng mắt võng, hình sóng nước, hoa lá... Cánh bình phong hai bên trang trí hồi văn, hoa lá và được ốp sứ đẹp. Trên nóc bình phong đắp nổi hình "Lưỡng Long chầu Nguyệt".

Bình phong hậu của cung được xây ở khoảng giữa của bức tường bao phía sau khu hoa viên. Bức bình phong này cũng được xây theo dạng cuốn thư, ở giữa có ô vuông hình chữ "Thọ" trong khung hình tròn. Ở giữa hai bên cánh trang trí mâm hoa quả và trang trí hồi văn dạng "mắt võng" hình thoi. Phía trên có tầng mái giả trang trí theo các ô học và được ốp sứ. Bức bình phong này cũng là giới hạn sau của khu vực trung tâm cung Trường Sanh.

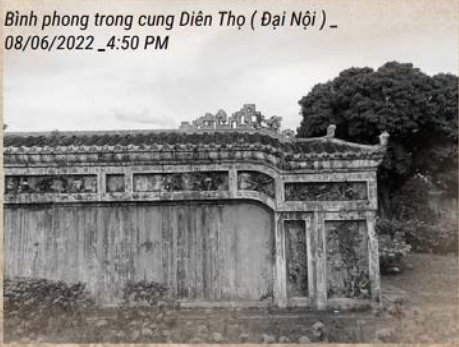


Bức bình phong trong cung Diên Thọ
09/06/2022 - 5:04 PM



Bức bình phong trong cung Diên Thọ
09/06/2022 - 5:10 PM

4.4 Nghệ thuật trang trí bình phong Huế

	Bình phong trong Đại Nội	Bình phong Đình Dạ Lê Chánh
Hình ảnh	Bình phong trong cung Diên Thọ (Đại Nội) _ 08/06/2022 _4:50 PM 	Bức bình phong trong sân Đình Dạ Lê Chánh _ 08/06/2022 _10:45 AM 
Giống nhau	Bình là che chắn và Phong là gió. Phong thủy được áp dụng triệt để từ xa xưa và một điều tối kỵ khi đó là “Trục lai trục khứ” (thẳng đến thẳng đi). Do đó, người xưa cũng dùng bình phong như là cách để ngăn dòng khí không “thẳng đến thẳng đi”. Đặc biệt là trong các cung điện hay nhà quan lớn, việc này cực kỳ được coi trọng. Bình phong có hình dạng cuốn thư giống như một thiết kế đặc thù dùng để trang trí cho các công trình kiến trúc, giúp tăng giá trị thẩm mỹ cũng như tạo được nét cổ xưa uy nghiêm. Ngoài ra, theo quan niệm xa xưa cuốn thư thể hiện cho sự uyên thâm bác học và chỉ những người biết chữ, học rộng tài cao mới sử dụng. Do đó, việc sử dụng cuốn thư đá trong các công trình kiến trúc cổ càng làm tăng thêm độ tôn nghiêm, trang trọng và thành kính	
Khác nhau	Đối các loại bình phong được xây dựng cẩn thận bằng gạch đá, thường ngoài ý nghĩa về phong thủy còn là những công trình mang ý nghĩa trang trí thật sự. Về đại thể, tuy chỉ là một bức tường xây ngang nhưng kiểu dáng to lớn và cách thức trang trí phong phú. Khái quát đời sống hoàng gia, hình ảnh tứ linh, lục bình, mai lan trúc cúc, hình ảnh sinh động, nghệ thuật chạm trổ tinh vi. Thể hiện sự trang trọng, uy nghi đại diện cho triều đại vua chúa .	Xây bằng gạch đá tạo thành tấm chắn diện tích vừa phải, trang trí bằng cách chạm trổ, ghép sành sứ các biểu tượng may mắn, trang trí cầu kì. nghệ thuật khảm sành sứ là sử dụng những mảnh gốm sứ, mảnh chai cắt tỉa theo hình dáng và màu sắc, được gắn khảm rất tinh tế, bằng những chất kết dính (vôi hào, mật mía đường) cùng những phụ gia kết nhuyển (giấy dó, nhựa bồng cần, dây tơ hồng). Thể hiện sự kính trọng, tôn nghiêm nơi thờ tự dân gian. Ròng 4 móng trong bức bình phong của đình Dạ Lê Chánh được coi là một vị thần cai quản đời sống tâm linh và đồng thời đem đến sức mạnh, uy quyền, mang lại sự may mắn cho người dân trong làng..



Bức bình phong trong sân Đình Dạ Lê Chánh _ 08/06/2022 _ 10:45 AM

PHẦN

HỒ SƠ KI

PHẦN II

TRƯỚC



F

E

D

C

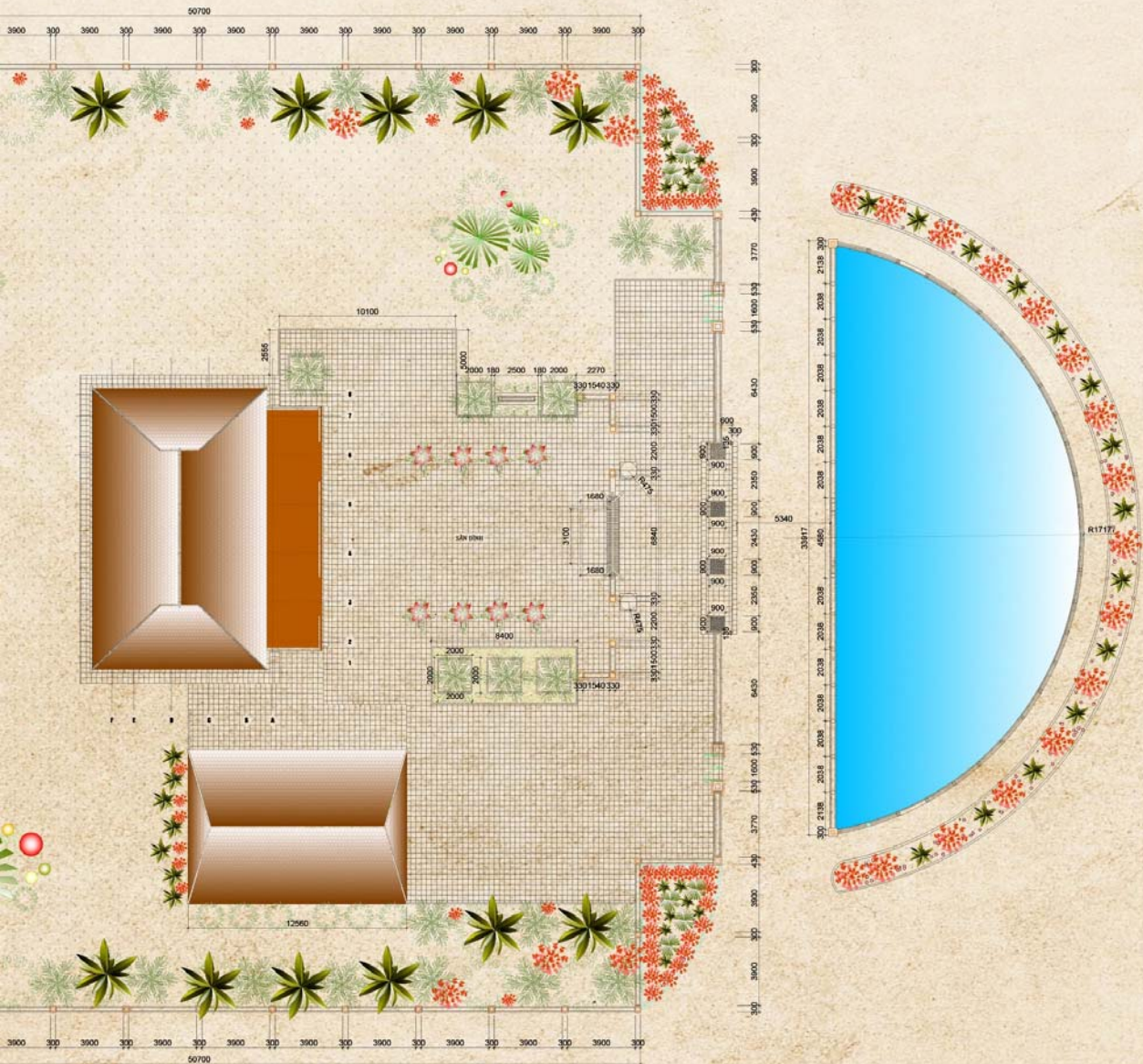
37

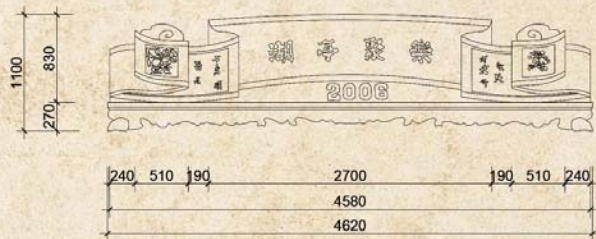
B



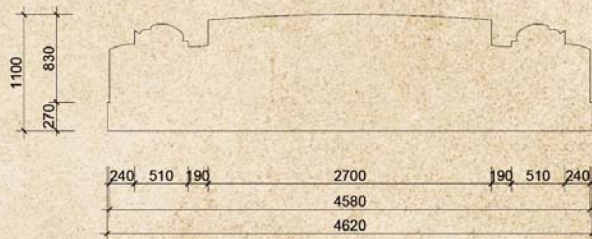
Tổng thể Đình Dạ Lê Chánh _ 08/06/2022 _ 9:45 AM



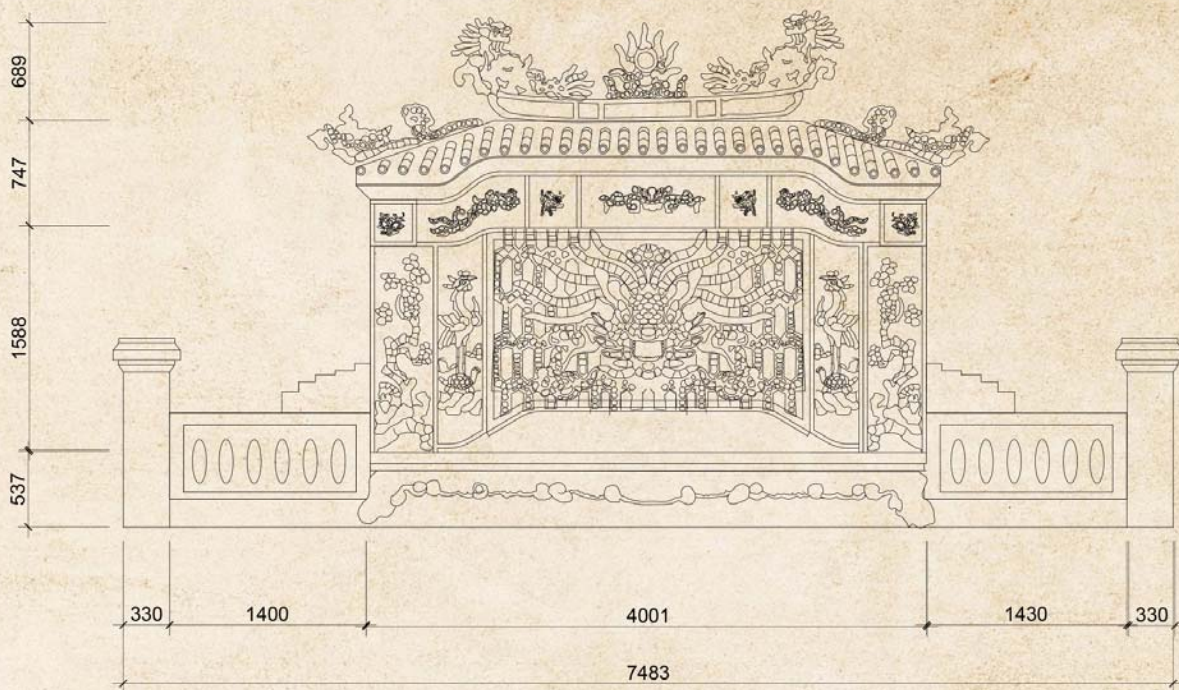




MẶT ĐỨNG TRƯỚC BÌNH PHONG HỒ BÁN NGUYỆT



MẶT ĐỨNG SAU BÌNH PHONG HỒ BÁN NGUYỆT



MẶT ĐỨNG BÌNH PHONG



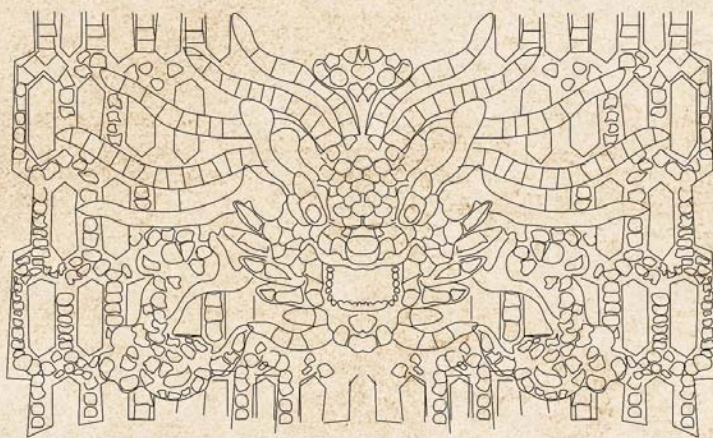
CHI TIẾT CON LÂN TRÊN BÌNH PHONG



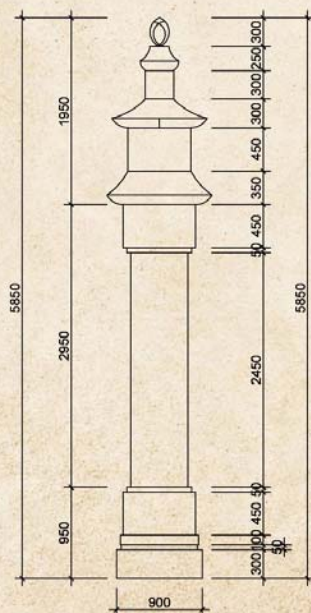
HỌA TIẾT CÂY CỐI TRÊN BÌNH PHONG



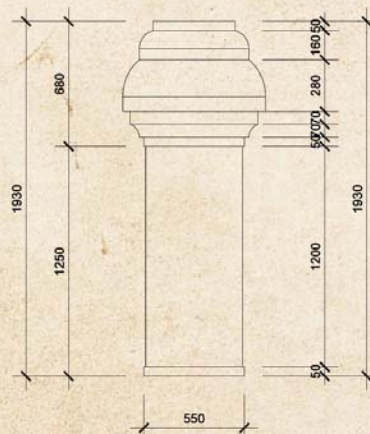
LƯỠNG LONG CHÀU NGUYỆT



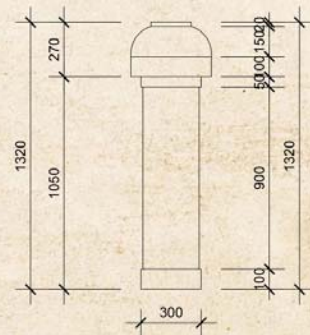
**HỌA TIẾT RỒNG BỐN MÓNG TRÊN BÚC
BÌNH PHONG**



MẶT CẮT TRỤ BIỂU



MẶT CẮT CỘT CỐNG



MẶT CẮT TƯỜNG CỐNG



2430

900

2350

10730

37430

6420

6970

10

10

530

1580

10

10

530

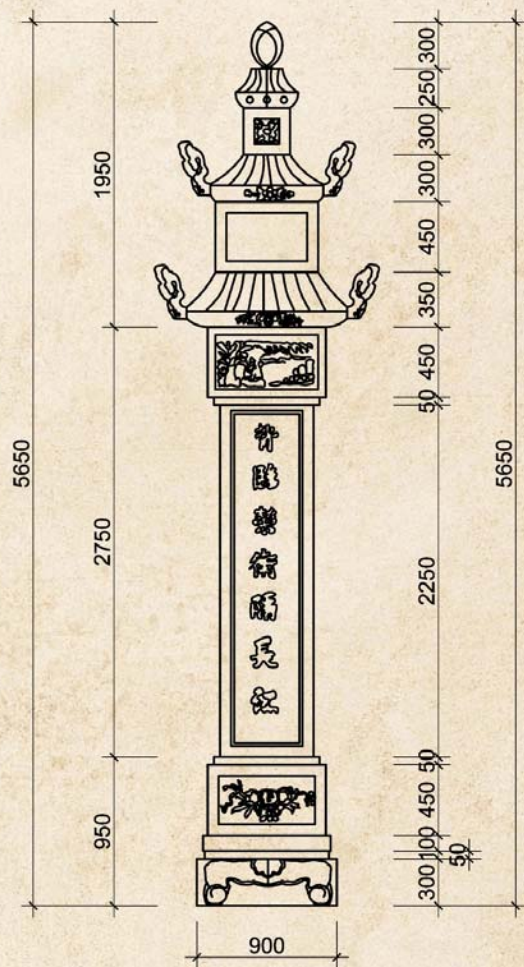
3700

10

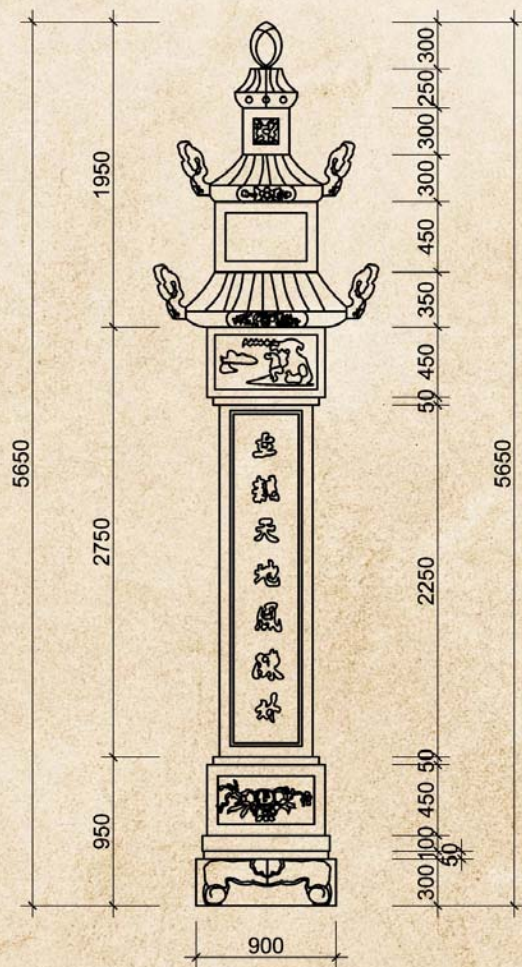
10

530

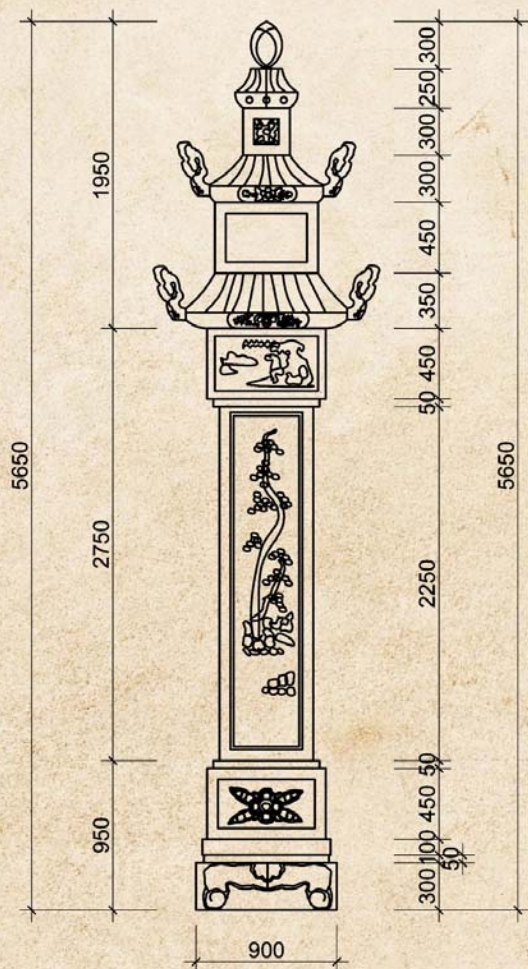
4800



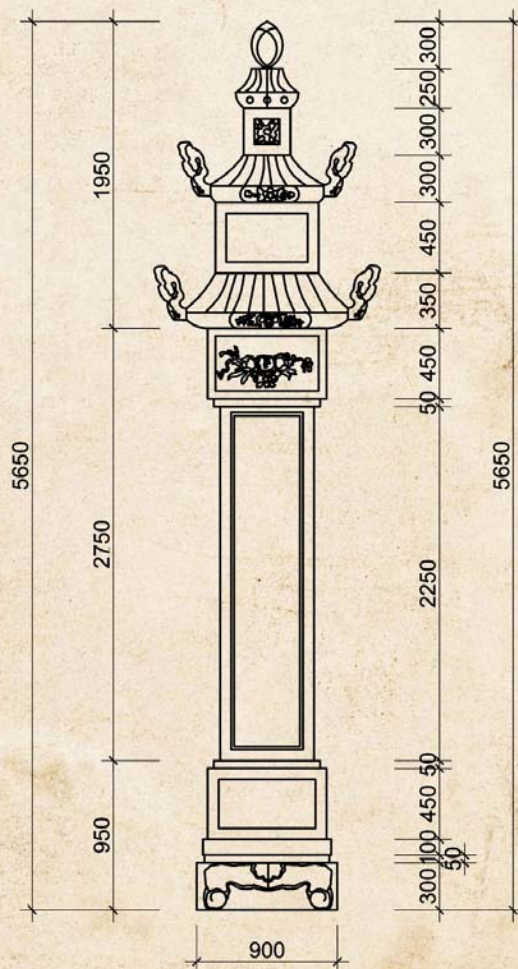
HỌA TIẾT MẶT TRƯỚC TRỤ BIỂU 1



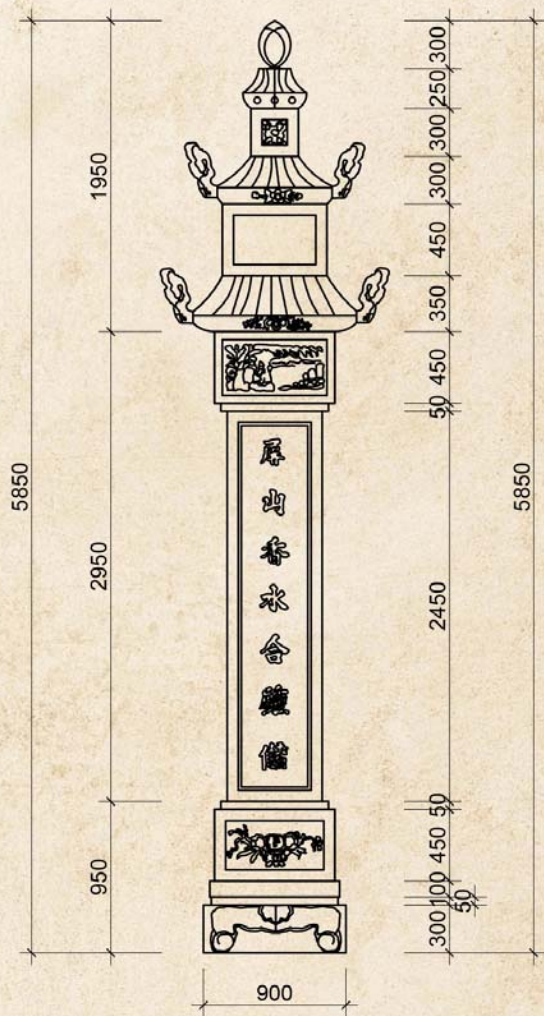
CHI TIẾT MẶT SAU TRỤ BIỂU 1



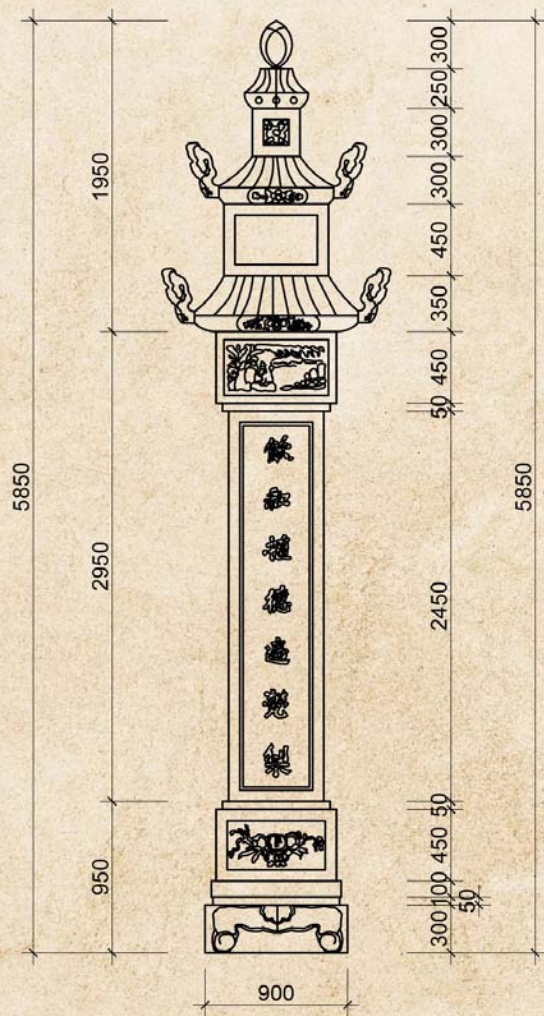
CHI TIẾT MẶT PHẢI TRỤ BIỂU 1



CHI TIẾT MẶT TRÁI TRỤ BIỂU 1



HỌA TIẾT MẶT TRƯỚC TRỤ BIỂU 2

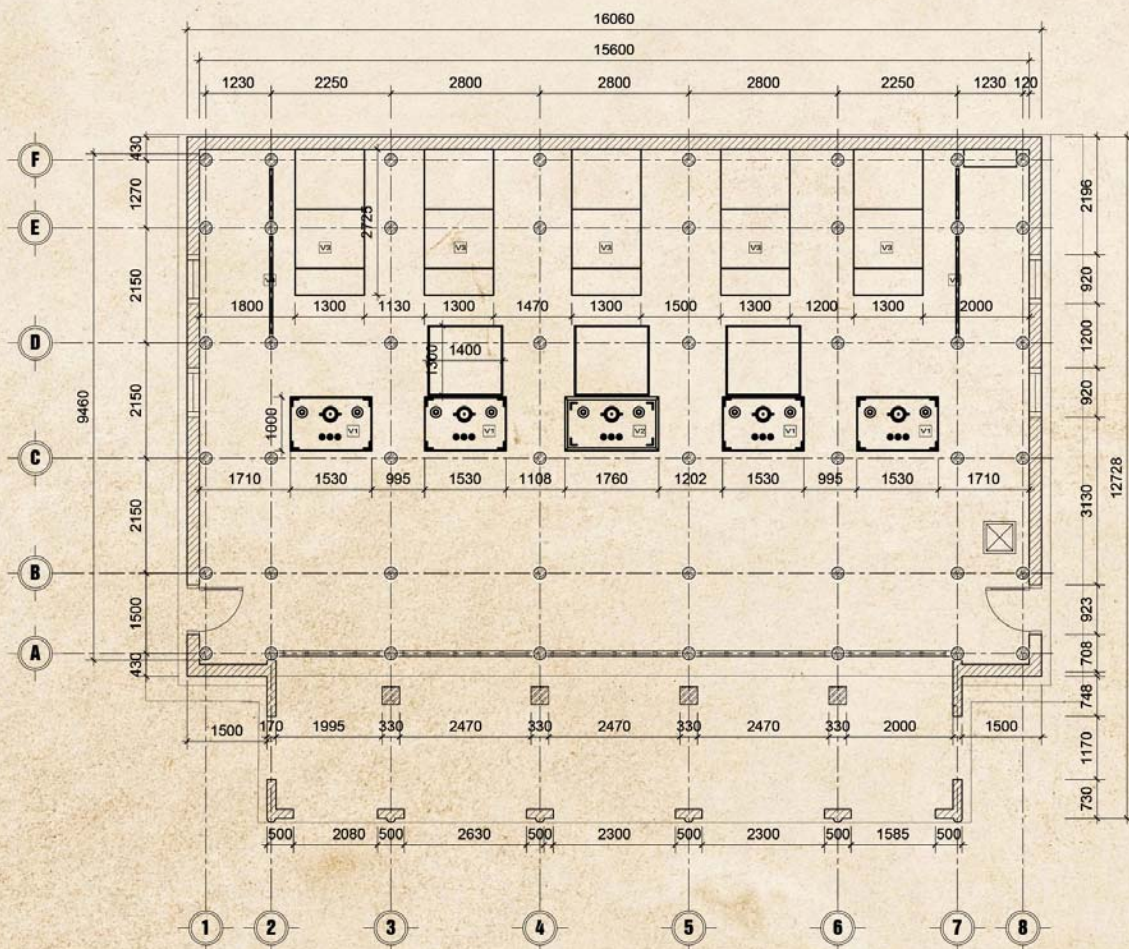


CHI TIẾT MẶT SAU TRỤ BIỂU 2



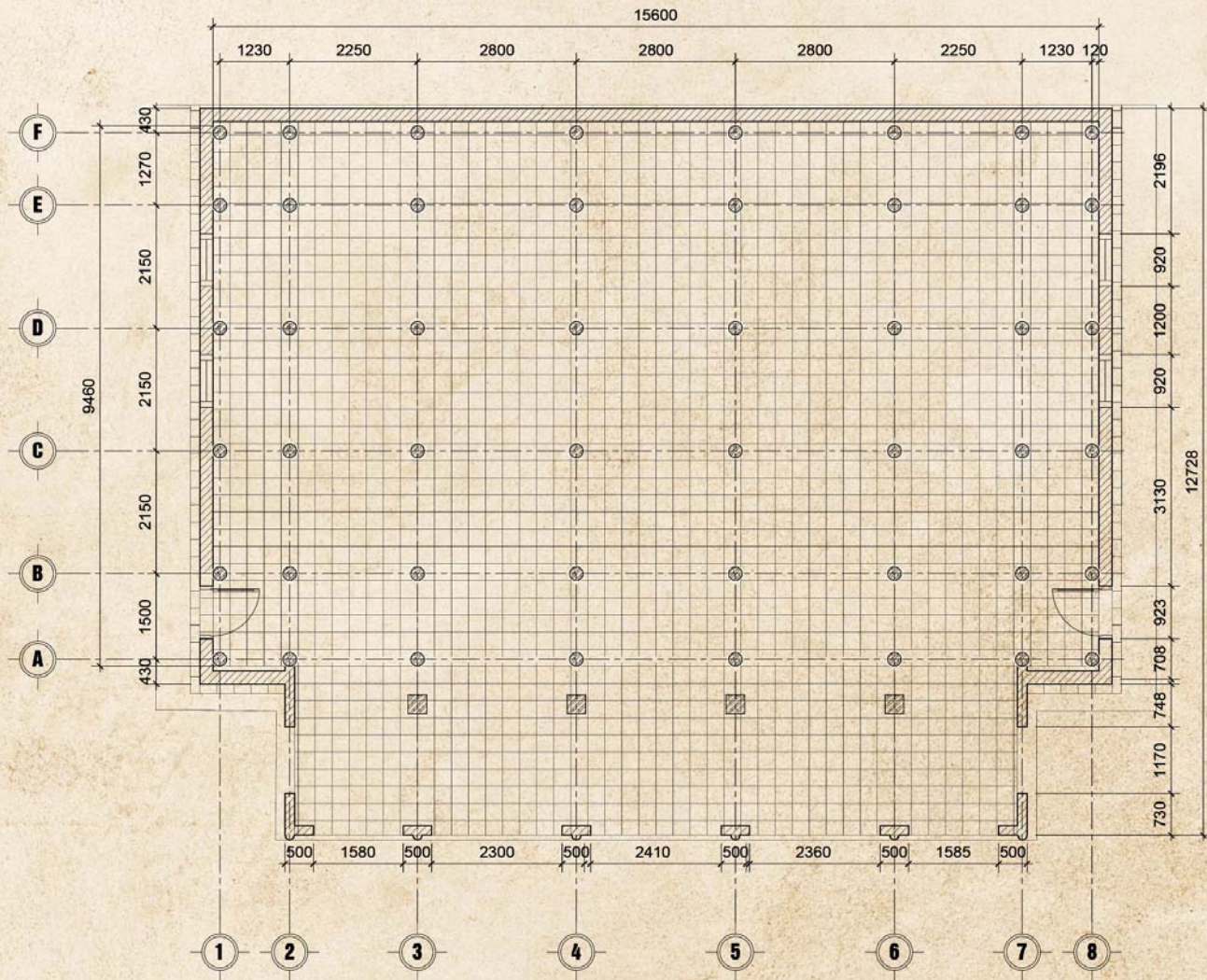
CHẤM ĐIỆN

H



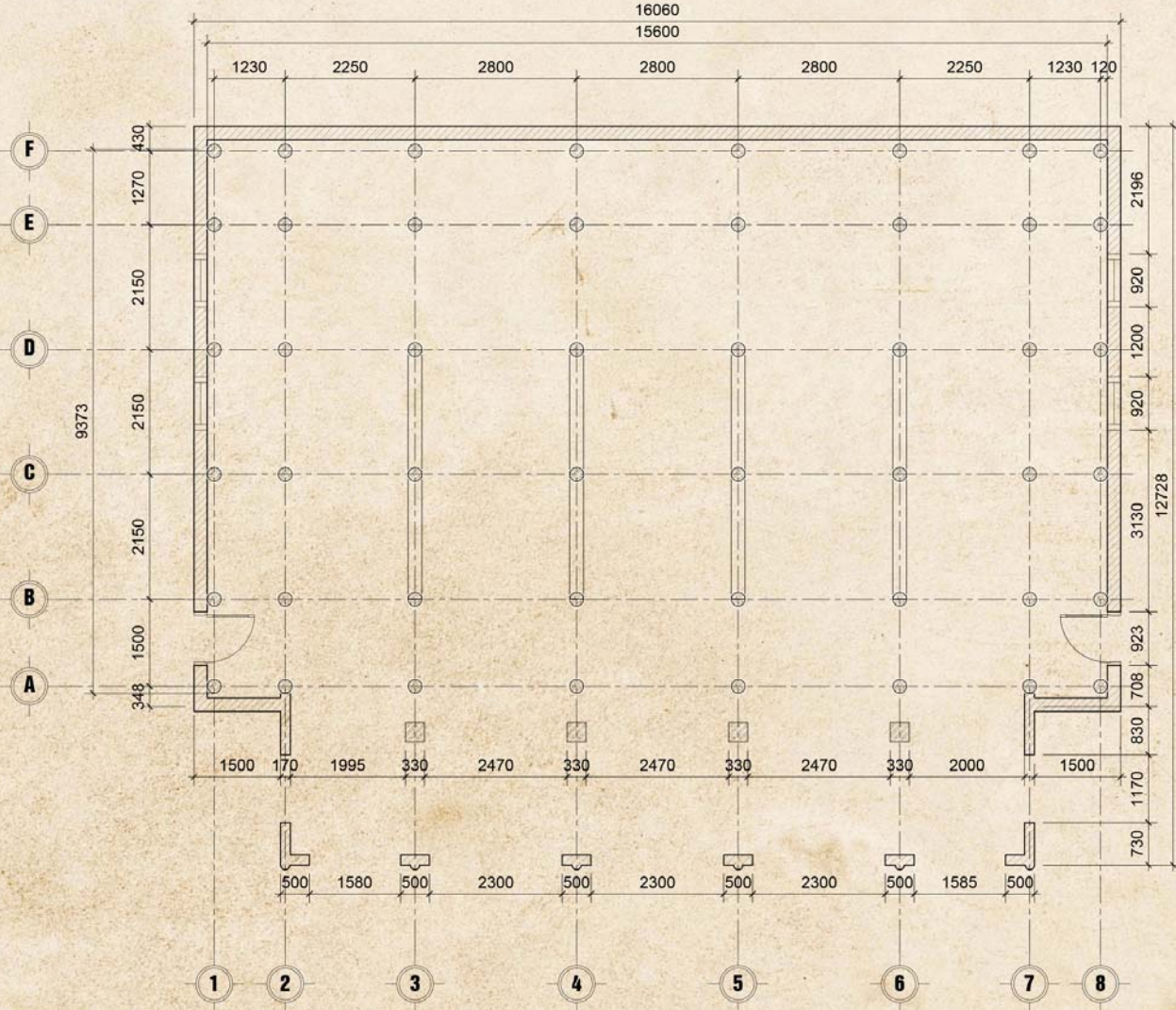
MẶT BẰNG BỐ TRÍ NỘI THẤT ĐÌNH DẠ LÊ

BẢNG GHI CHÚ	
KÍ HIỆU	TÊN GỌI
V1	TỦ THỜ PHỤ
V2	TỦ THỜ CHÍNH
V3	BÀN THỜ BÊN TRONG
V4	BÌNH PHONG

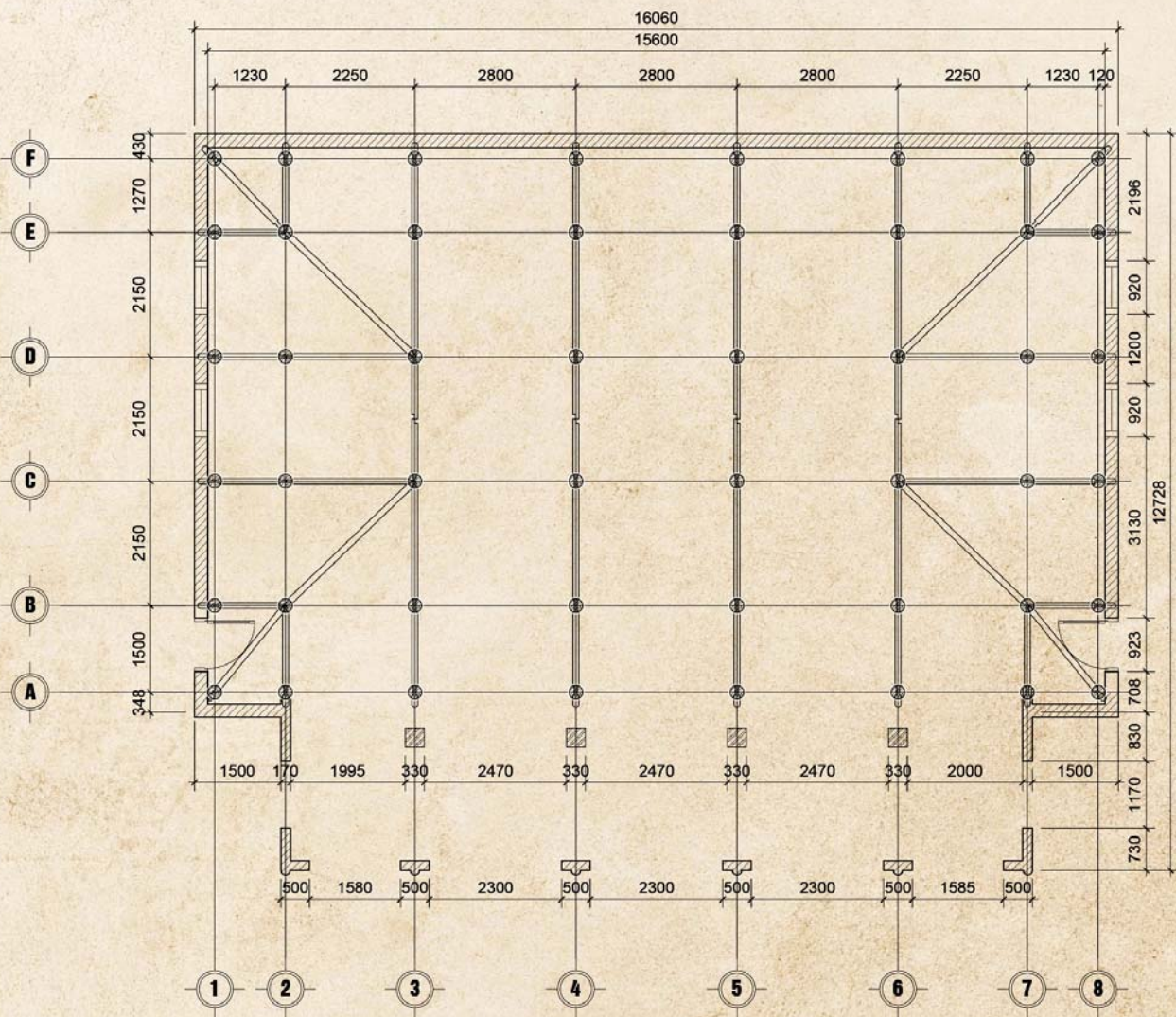


MẶT BẰNG LÁT SÀN ĐÌNH DẠ LÊ

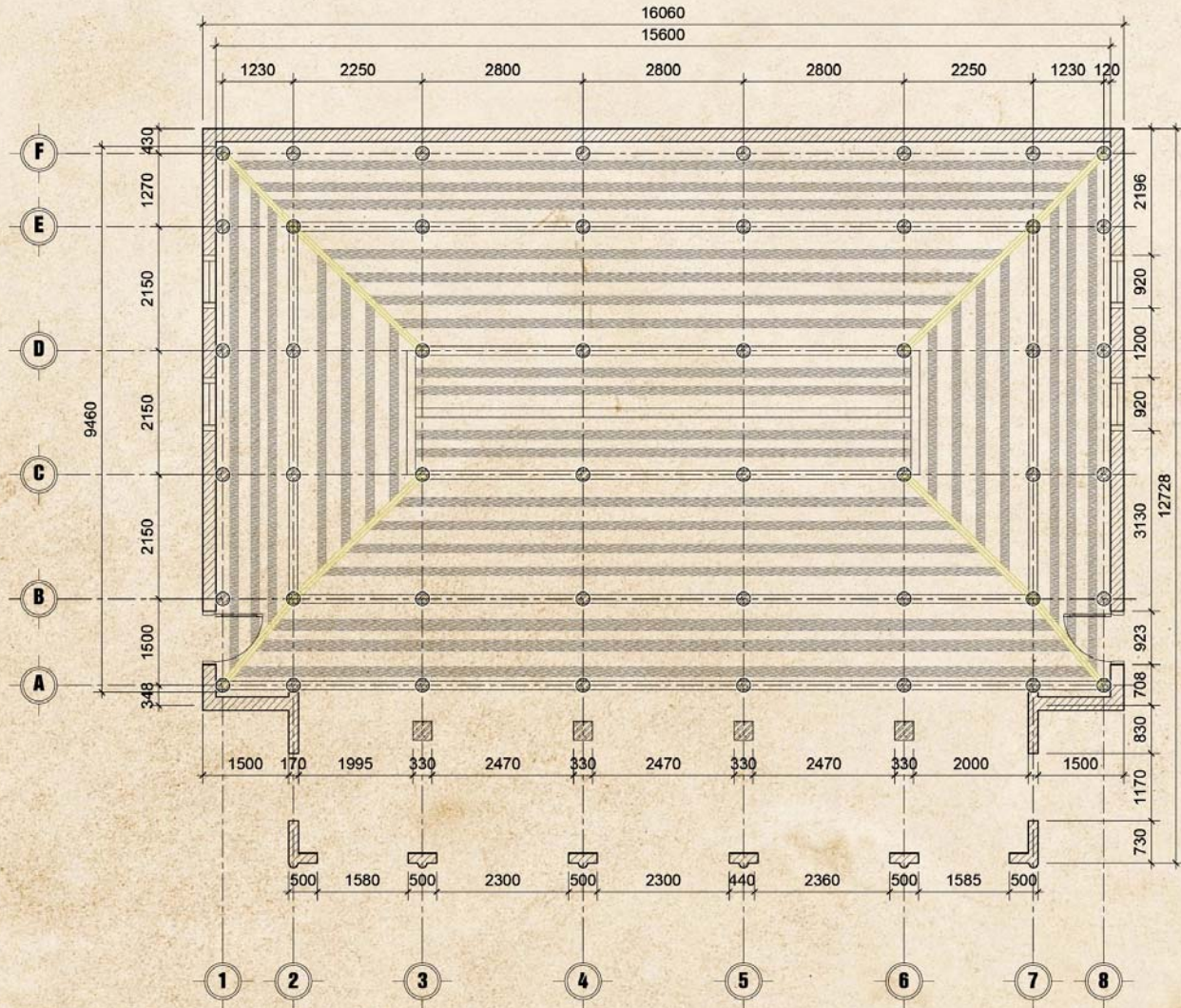
BẢNG GHI CHÚ	
KÍ HIỆU	TÊN GỌI
	GẠCH ĐÁT NUNG LÁT NỀN 300X300mm



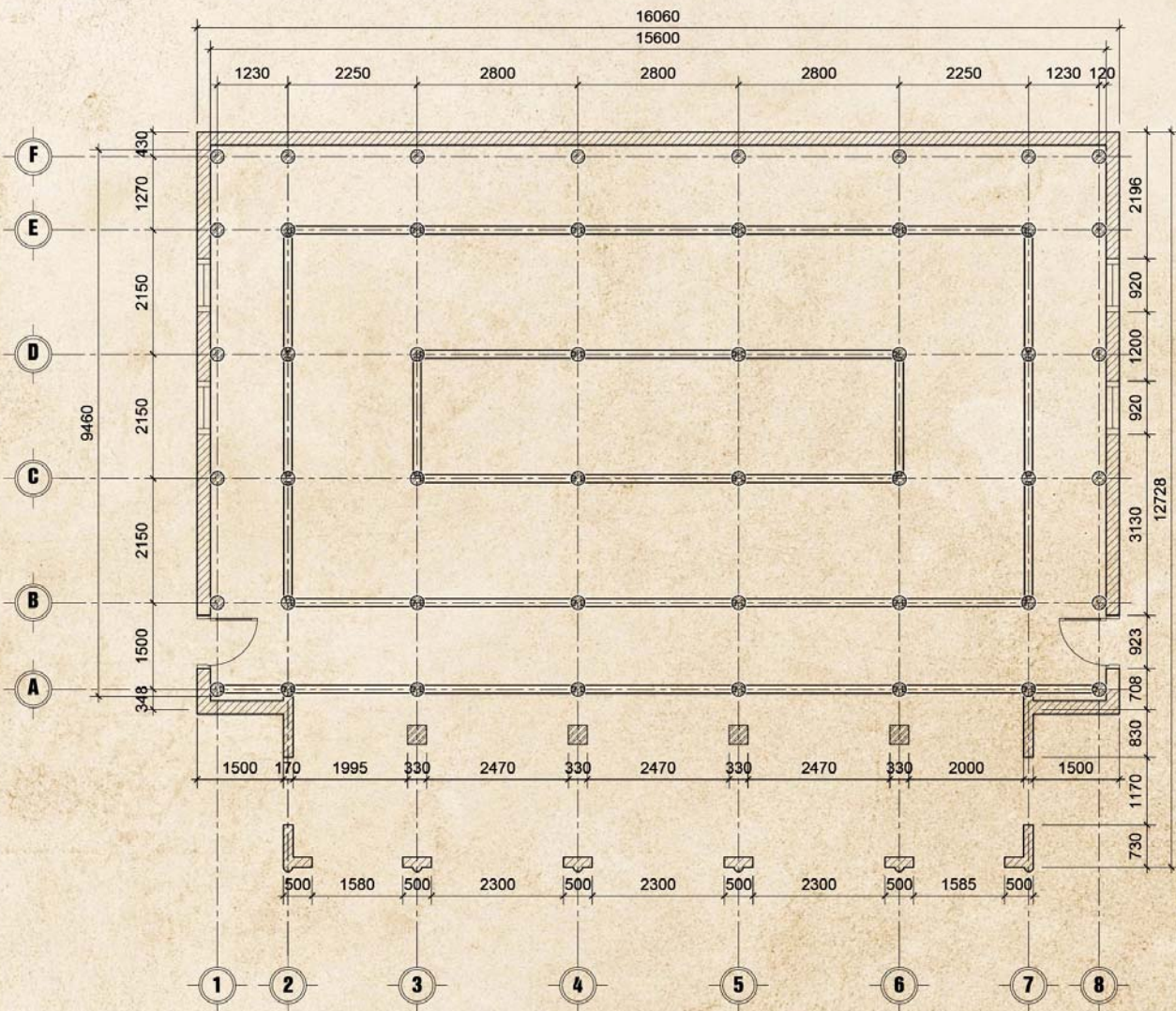
MẶT BẰNG CỘT, XÀ LÒNG ĐÌNH DẠ LÊ



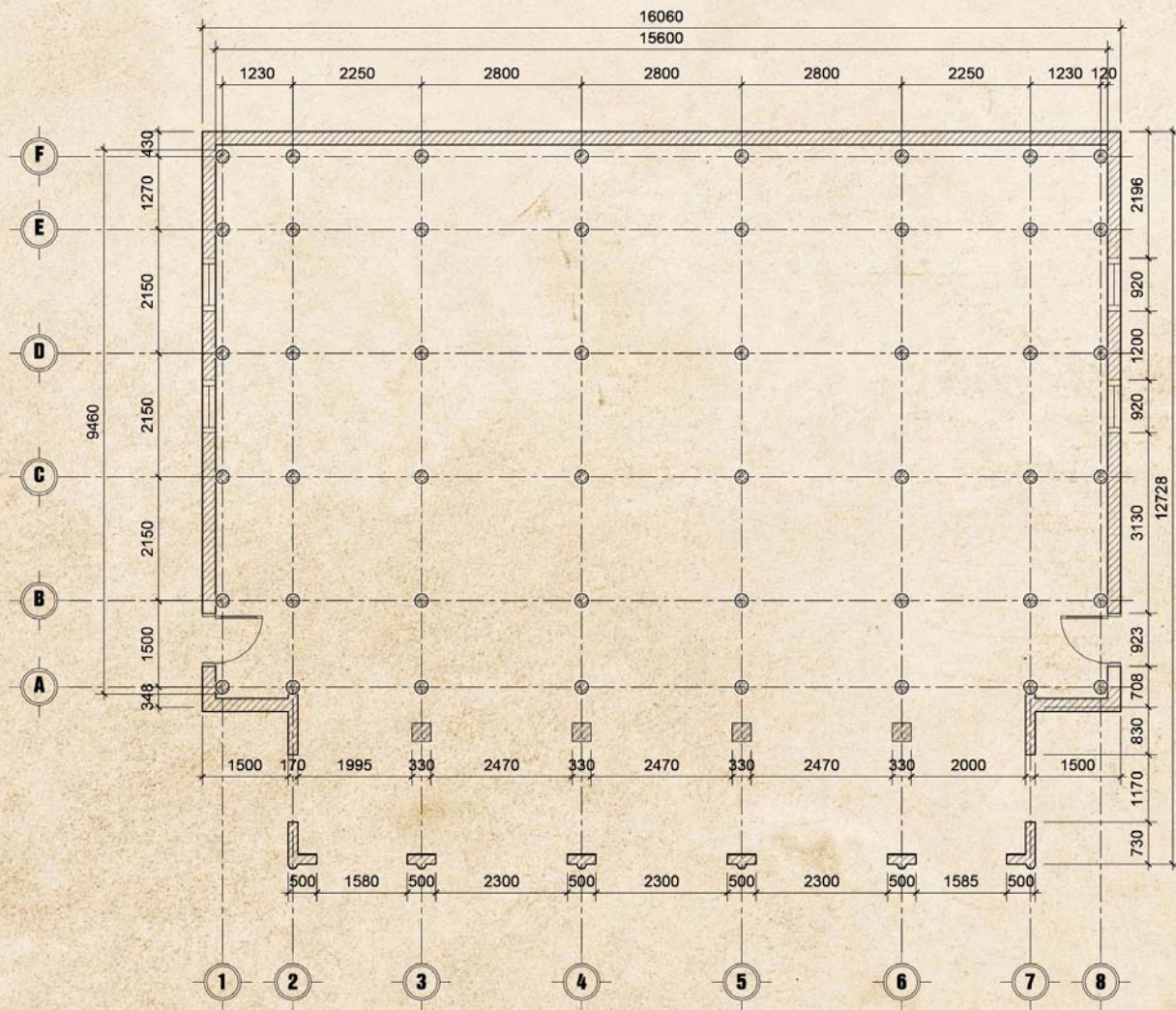
MẶT BẰNG VÌ KÈO ĐÌNH DẠ LÊ



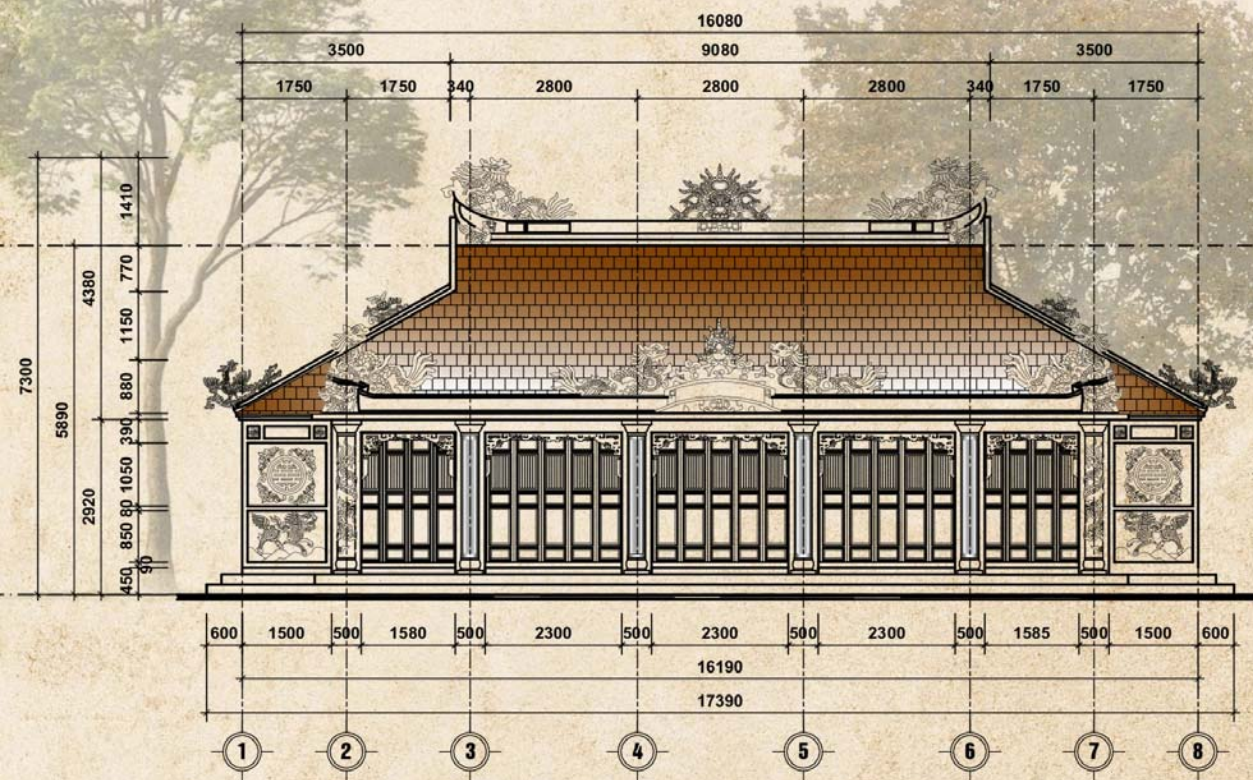
MẶT BẰNG RUI ĐÌNH DẠ LÊ



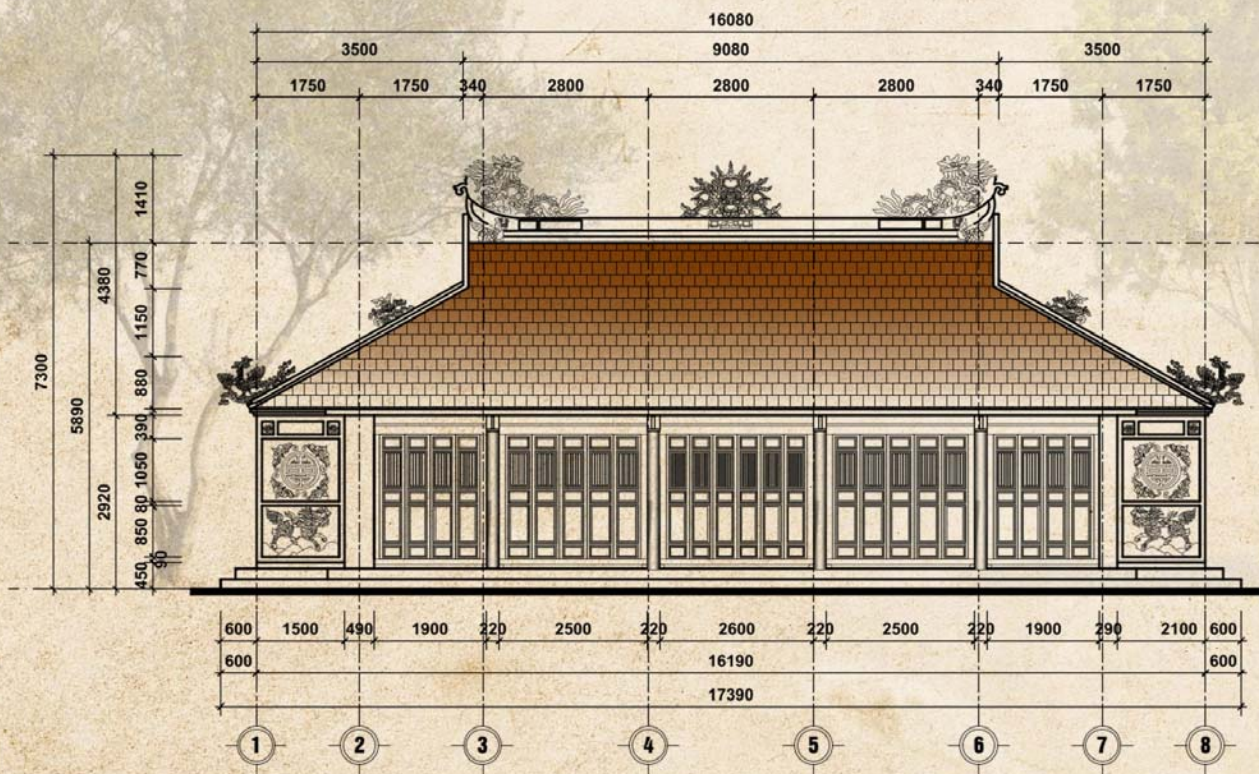
MẶT BẰNG XÀ GỖ ĐÌNH DẠ LÊ



MẶT BẰNG LƯỚI CỘT ĐÌNH DẠ LÊ

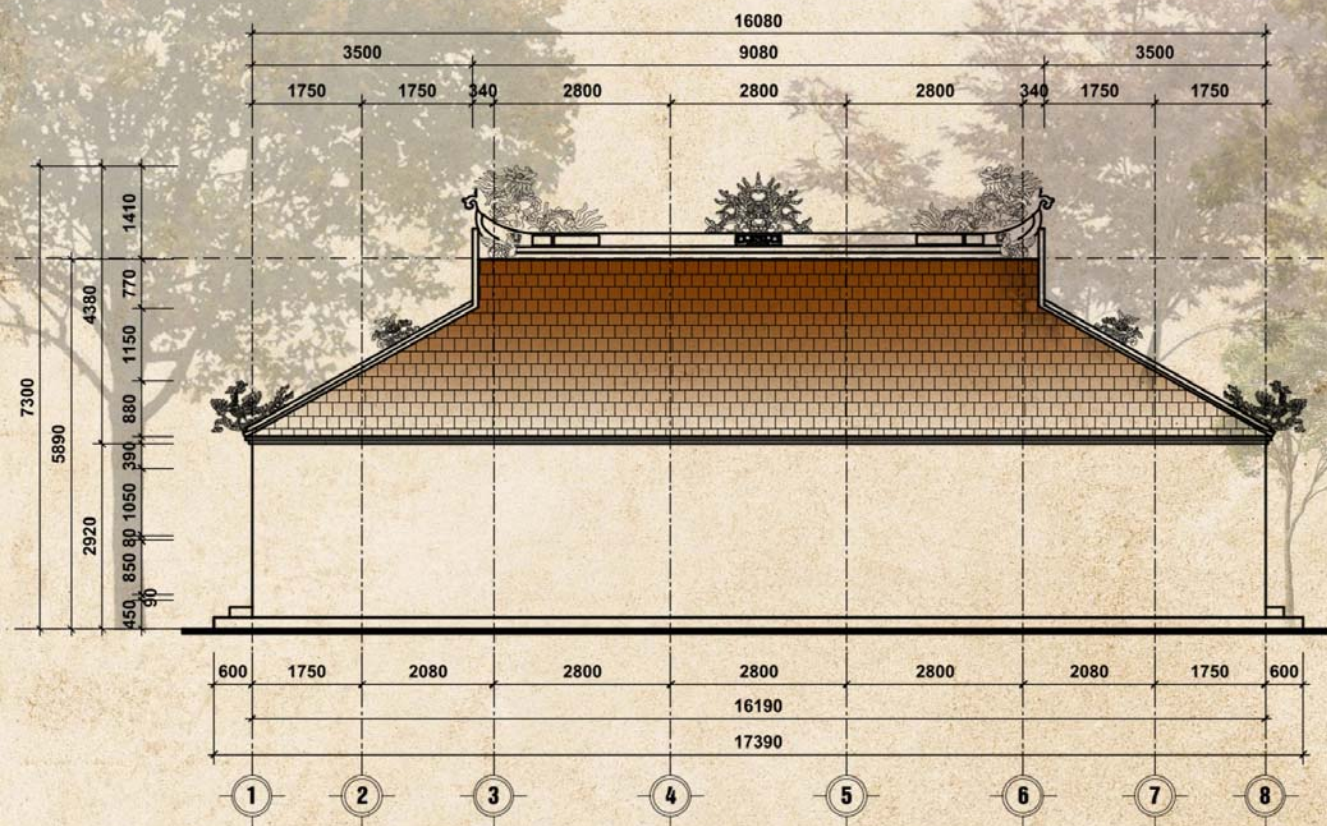


MẶT ĐÚNG CHÍNH ĐIỆN ĐÌNH DẠ LÊ

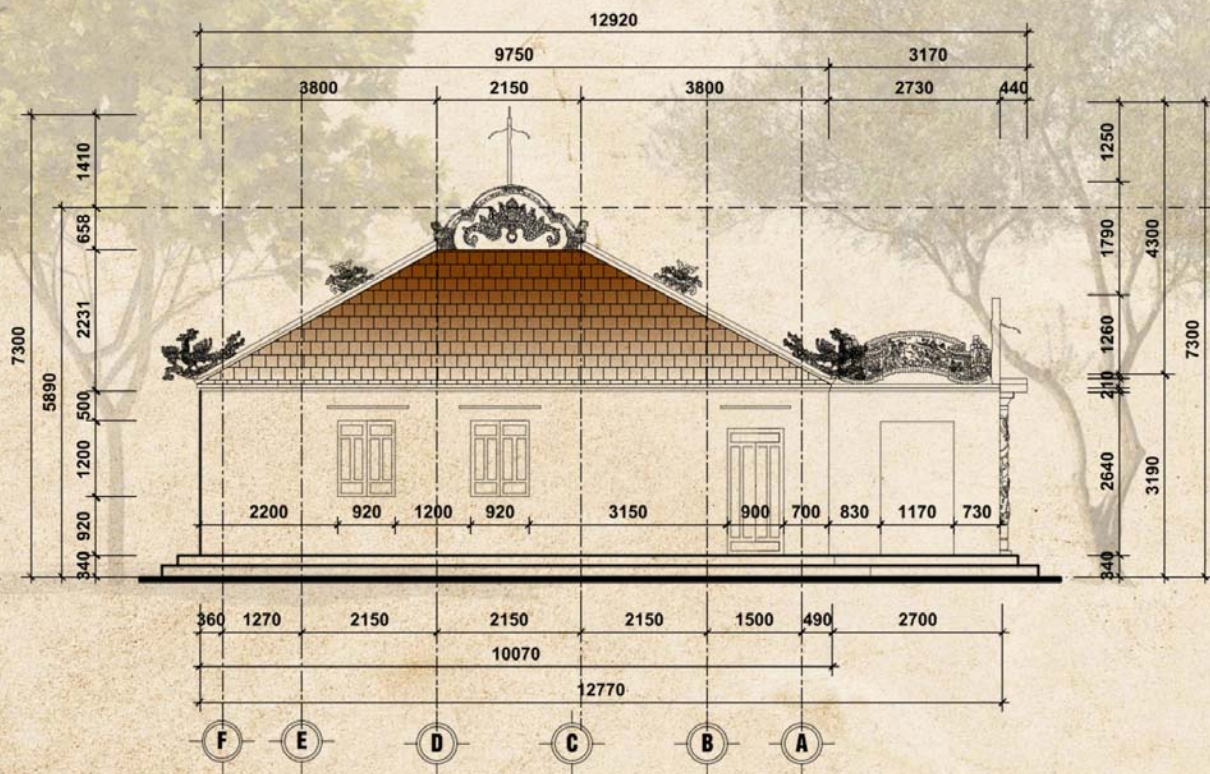


MẶT ĐỨNG CHÍNH DIỆN (HIỆN TRẠNG CŨ)

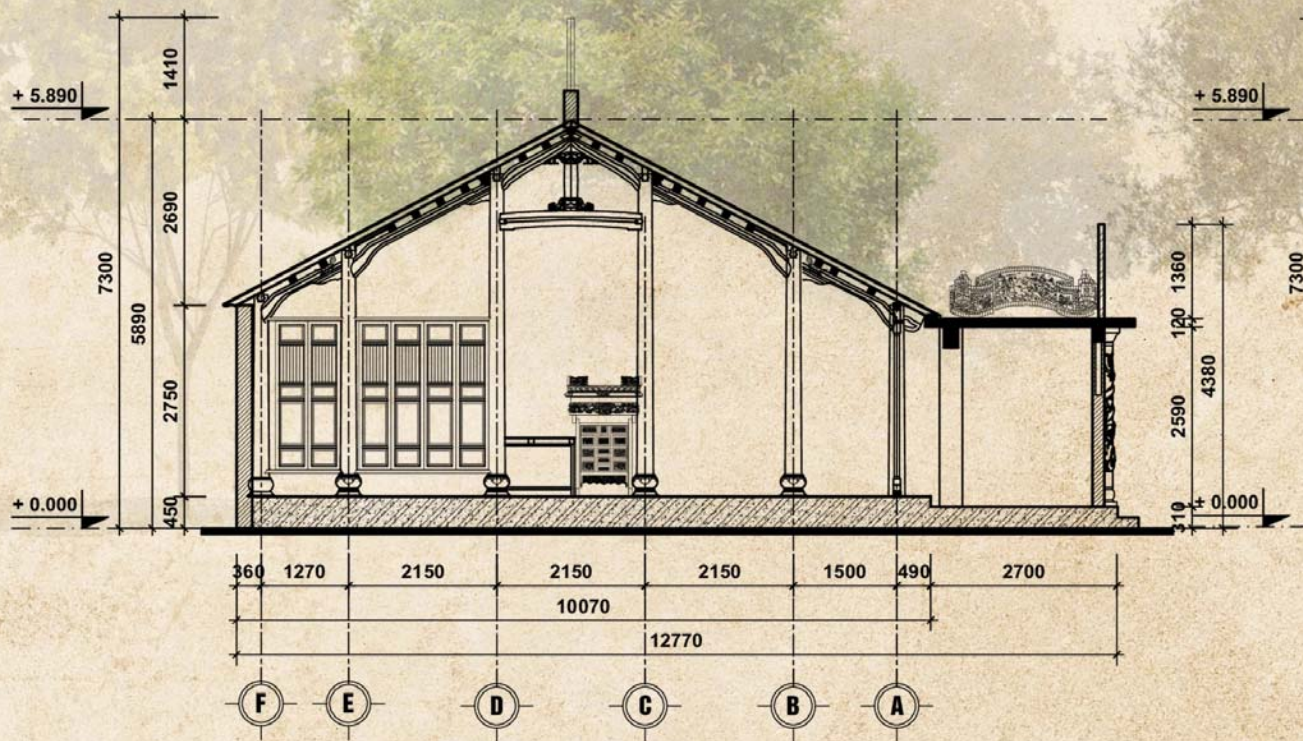
(TRẢI QUA THỜI GIAN DO THỜI TIẾT VÀ THIÊN TAI, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC TRÙNG TU VÀ ĐƯỢC BỔ SUNG THÊM PHẦN MÁI HIỆN BẰNG CẤU TẠO BÊ TÔNG CỐT THÉP VÀ THỐNG NHẤT VỚI MỸ THUẬT TỔNG THỂ NHƯ NGÀY NAY)



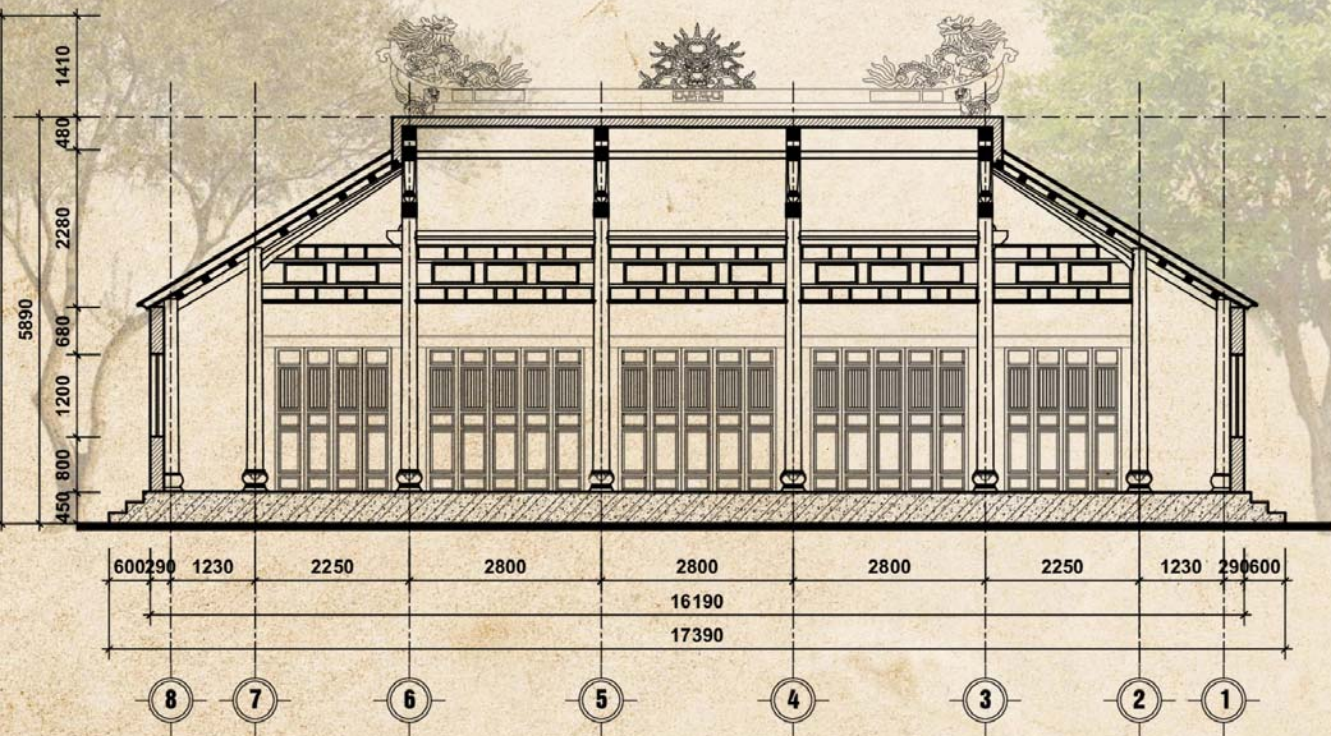
MẶT ĐÚNG SAU ĐÌNH DẠ LÊ



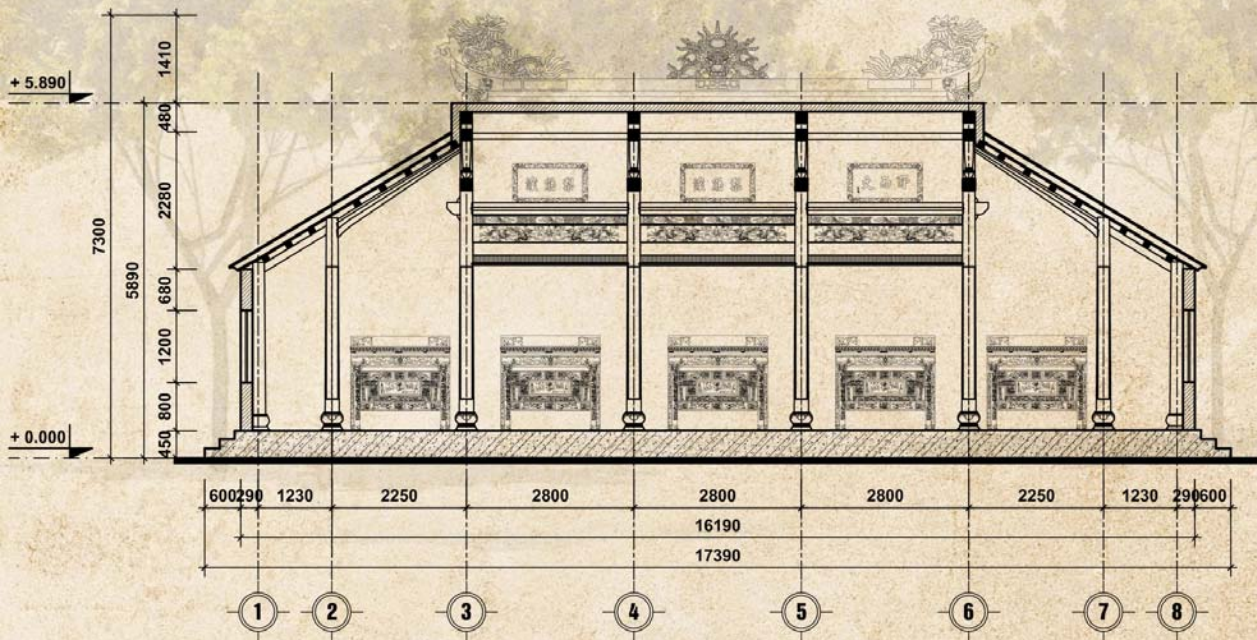
MẶT BÊN ĐÌNH DẠ LÊ



MẶT CẮT TRỰC F-A



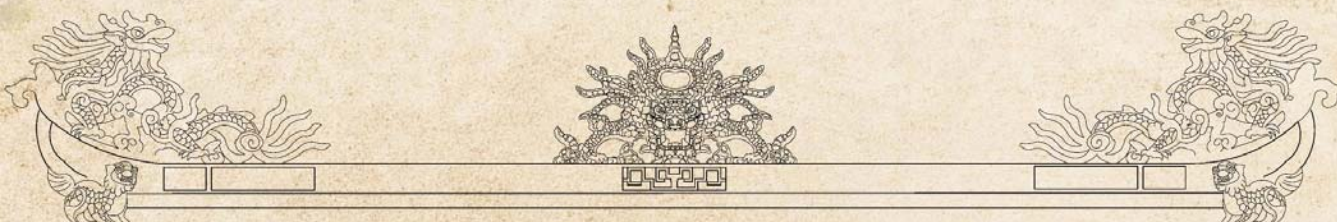
MẶT CẮT CHÍNH DIỆN TRỤC 1-8



MẶT CẮT TRỰC 1-8



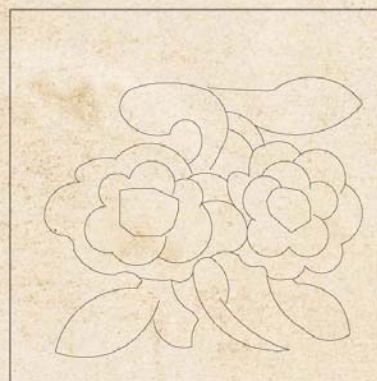
LƯỠNG LONG CHÀU NGUYỆT MÁI HIỀN



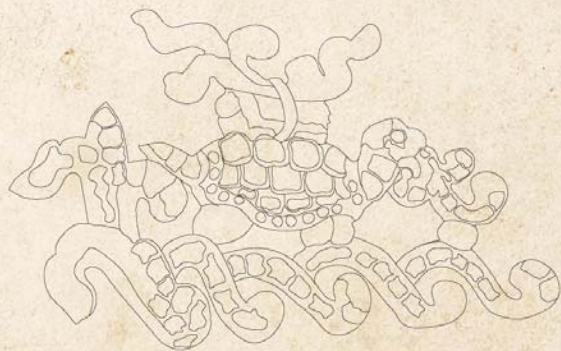
LƯỠNG LONG CHÀU NGUYỆT MÁI ĐÌNH



CHỮ THỌ VÀ PHÙ ĐIÊU CON DƠI



HỌA TIẾT THỰC VẬT



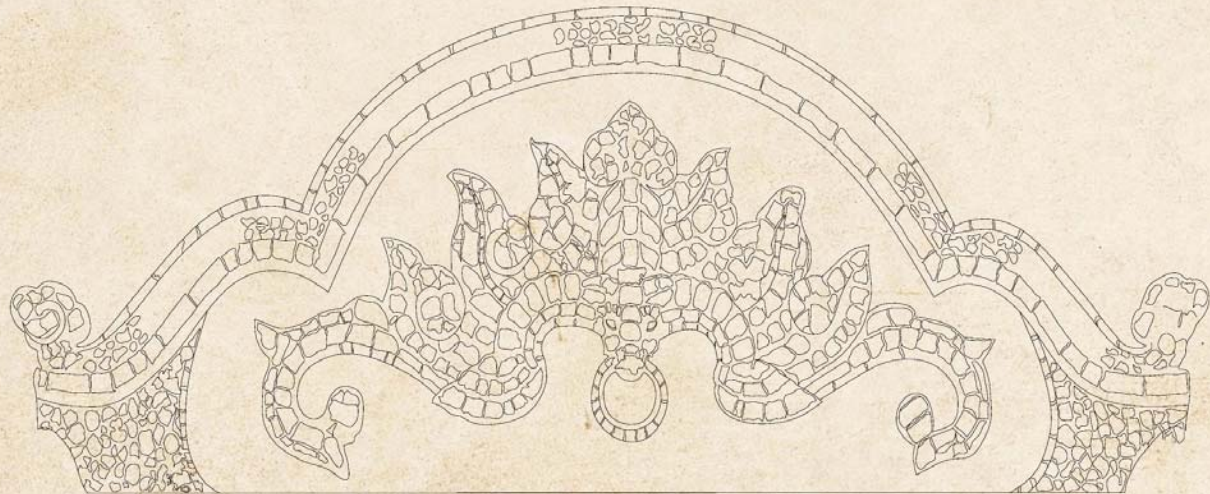
PHÙ ĐIỀU CON RÙA



PHÙ ĐIỀU PHƯỢNG HOÀNG



PHÙ ĐIỀU CON NGHÊ

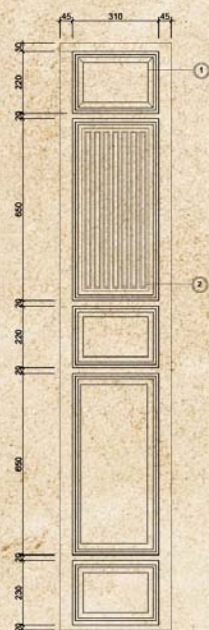
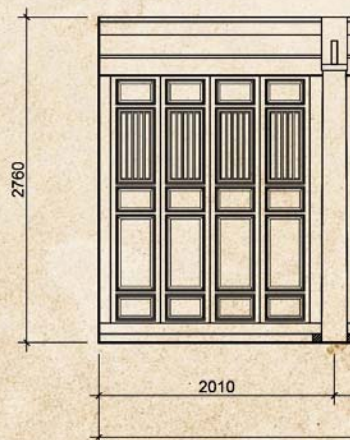


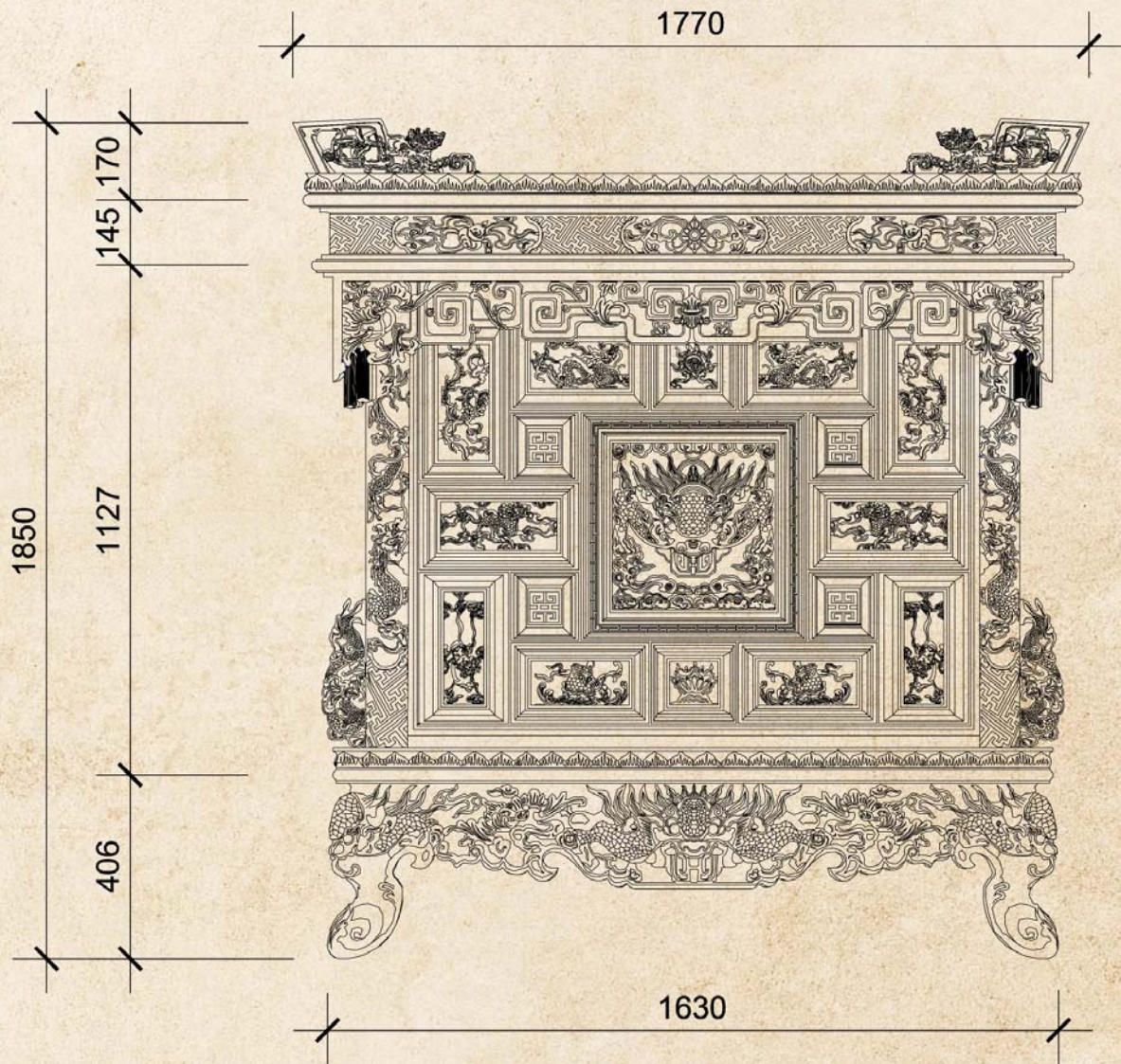
PHÙ ĐIÊU DƯỚI TRÊN MÁI ĐÌNH



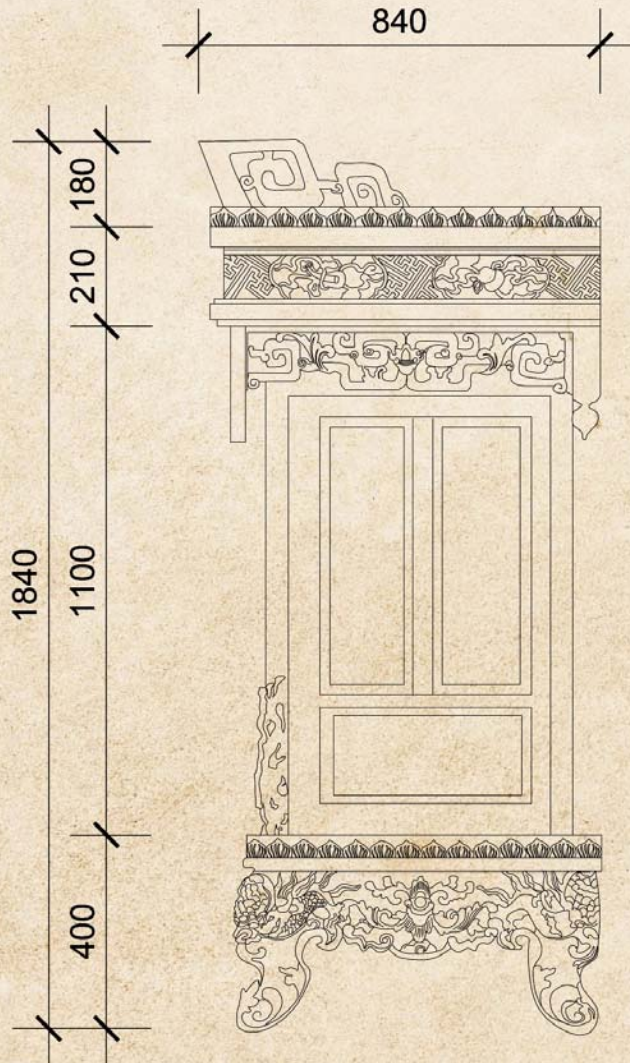
PHÙ ĐIÊU TRÊN MÁI ĐÌNH

NỘI THẤT ĐÌNH DẠ LỄ

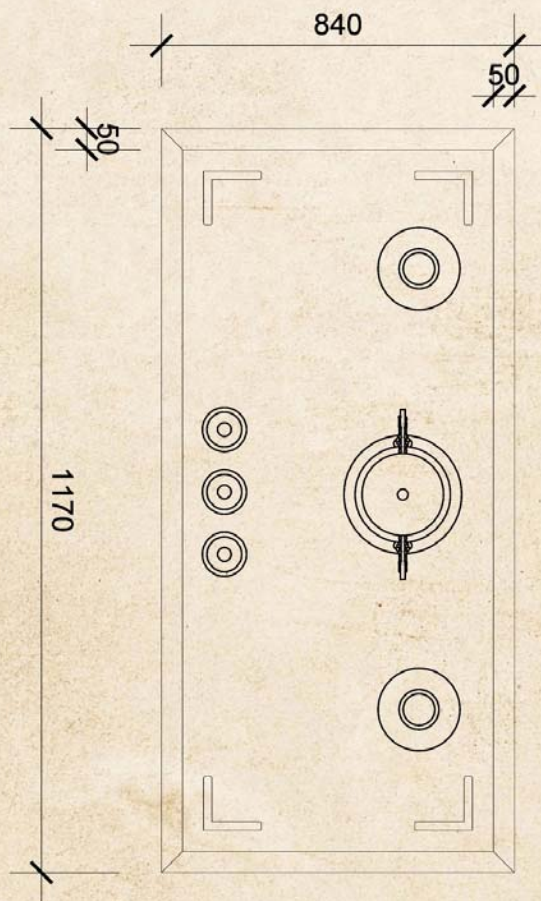




MẶT ĐỨNG TỦ THỜ ĐÌNH DẠ LÊ

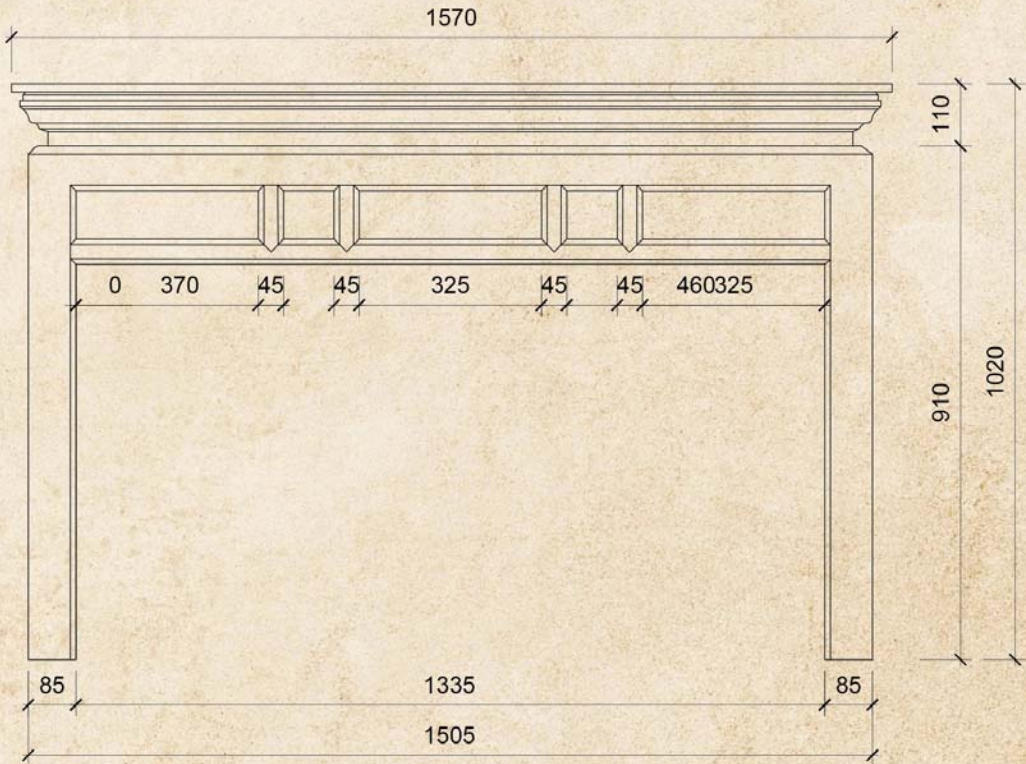


MẶT BÊN TỦ THỜ

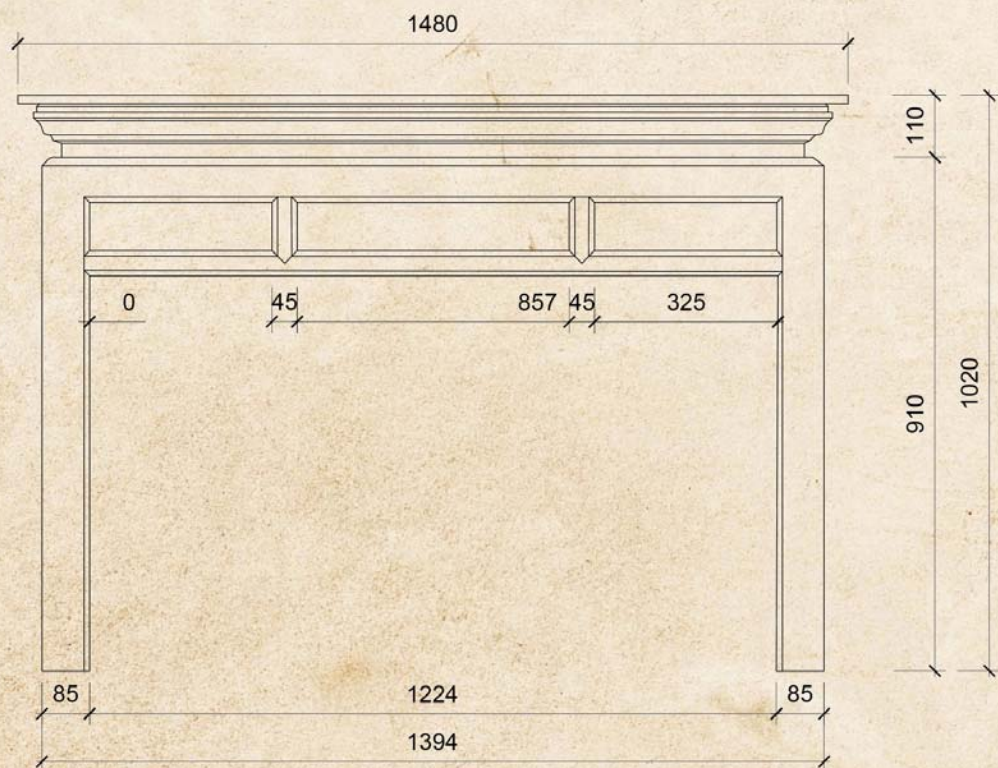


MẶT BẰNG TỦ THỜ

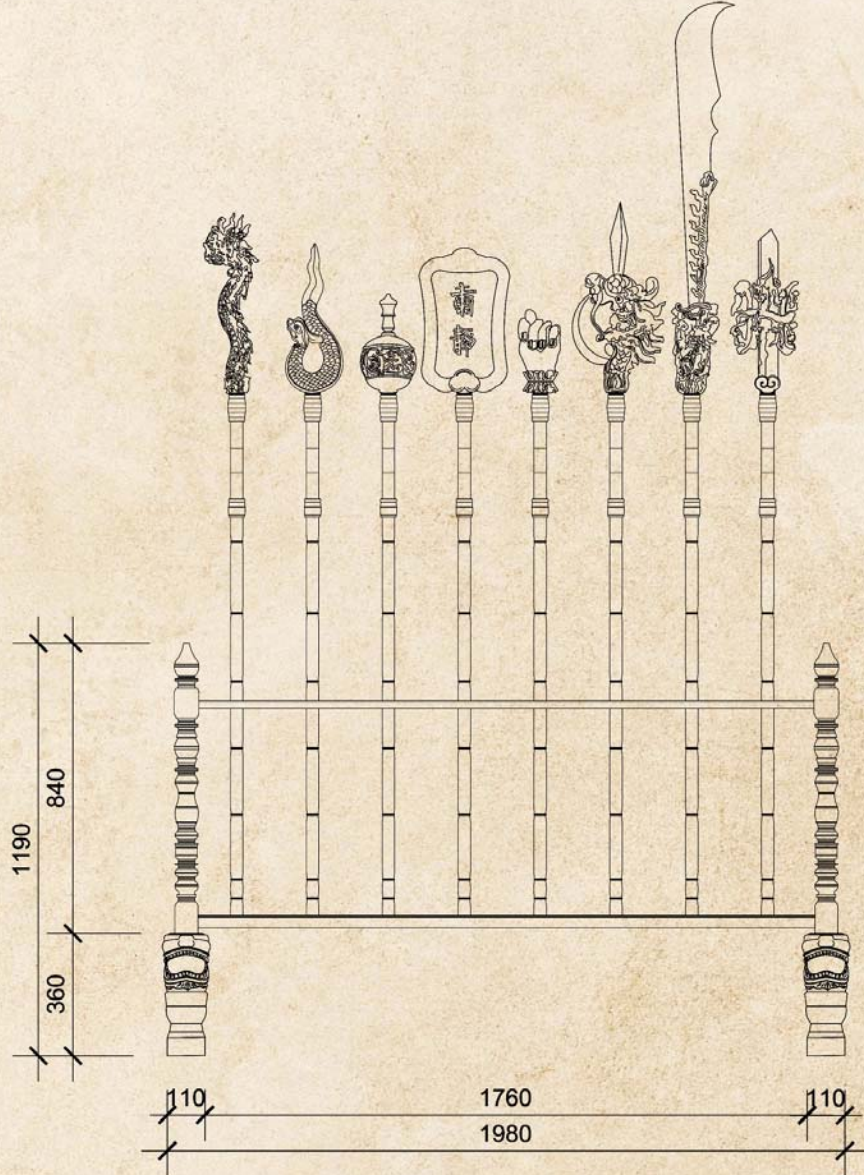
MẶT TRƯỚC BÀN THỜ HỮU BAN, TẢ BAN



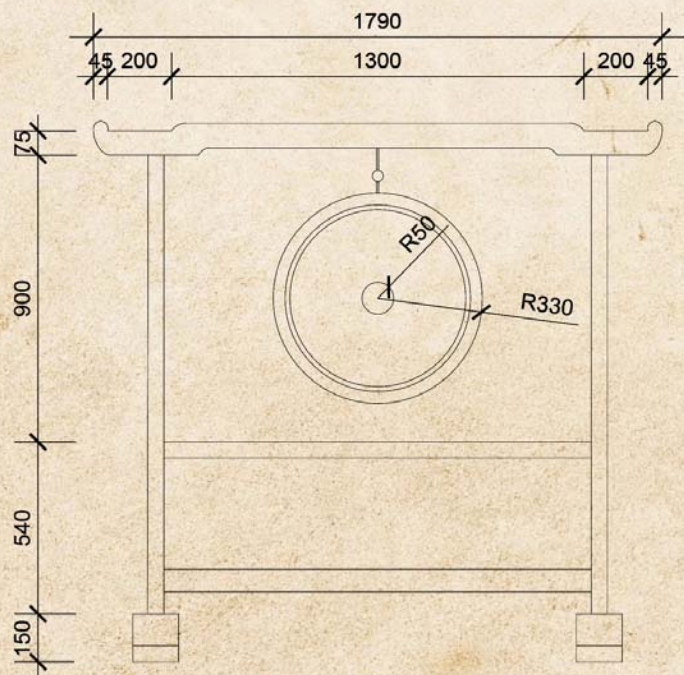
MẶT TRƯỚC



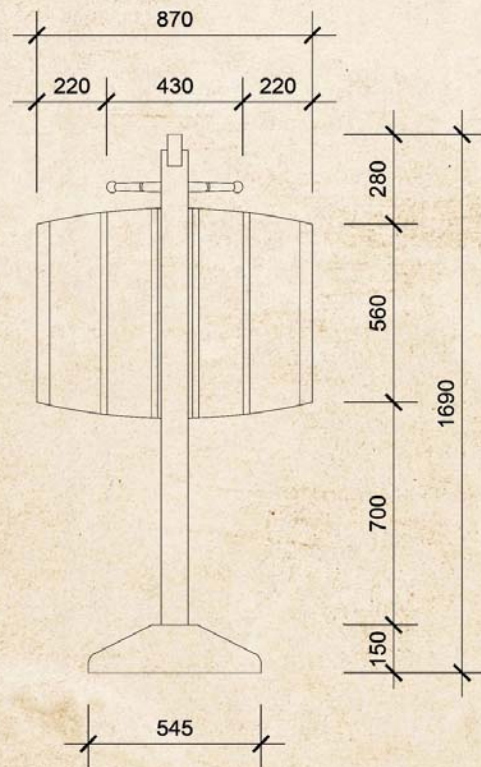
MẶT SAU



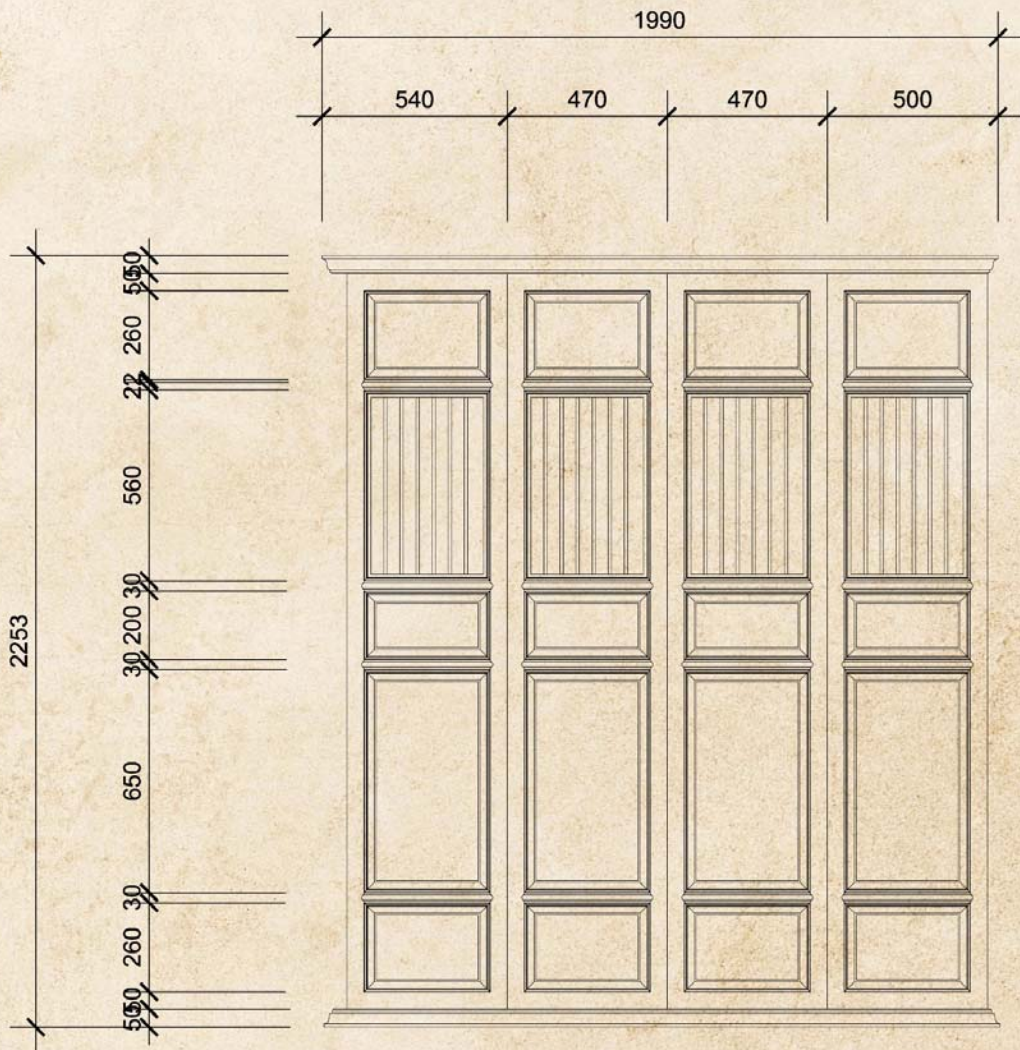
MẶT ĐỨNG BÁT BỬU



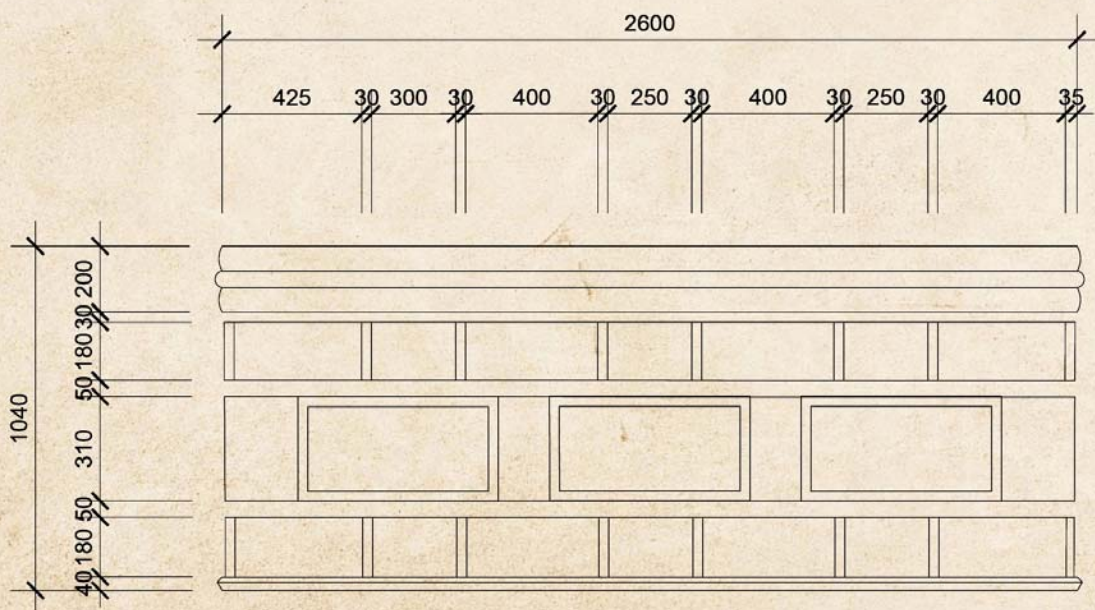
MẶT ĐÚNG TRỐNG



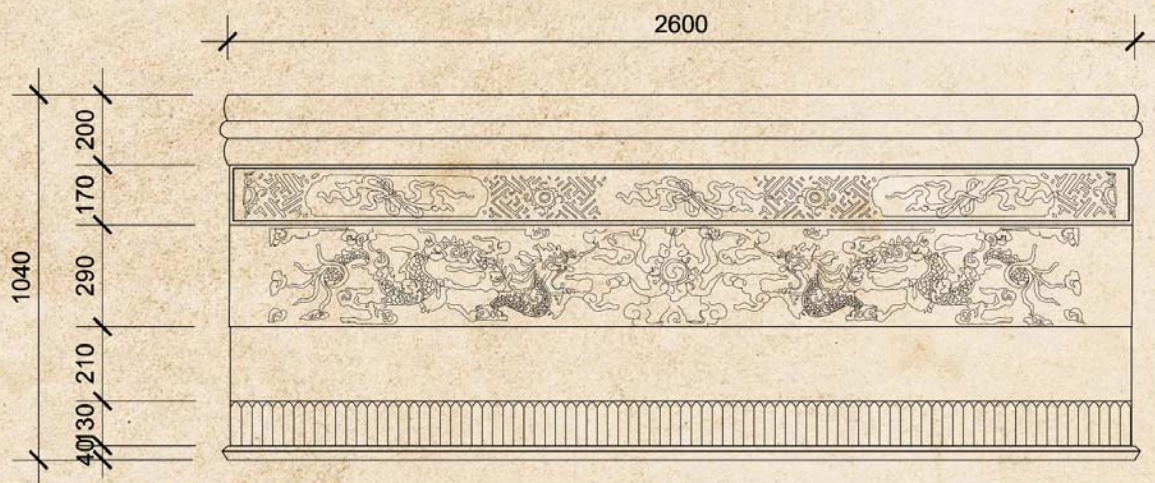
MẶT BÊN TRỐNG



CHI TIẾT VÁCH NGẮN TRONG GIAN THỜ CHÁNH ĐIỆN



CHI TIẾT VÁCH ĐỎ TRONG



CHI TIẾT VÁCH ĐỎ NGOÀI

HỌA TIẾT HOA VĂN ĐÌNH DẠ LỄ





NHỮNG BỨC HOÀNH PHI TRONG CHÁNH ĐIỆN



CỘT CÁI HẬU



CỘT CÁI TIỀN



HỌA TIẾT TRANG TRÍ HIÊN



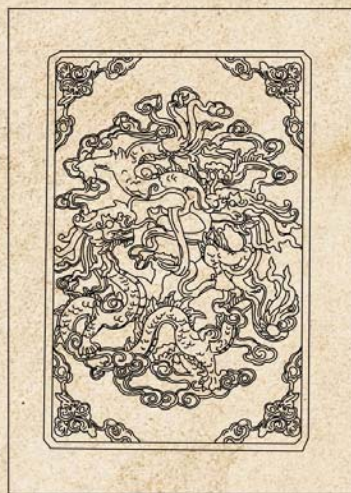
CHI TIẾT TỦ THỜ CHÁNH ĐIỆN



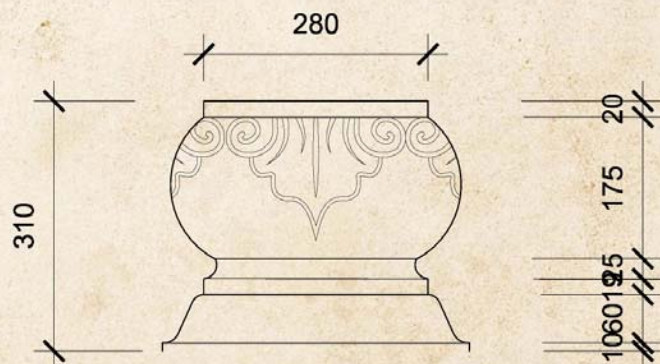
ĐIÊU KHẮC ĐẦU RỒNG TỬ THỜ



BÀI VỊ



HỌA TIẾT ĐIÊU KHẮC TỬ THỜ



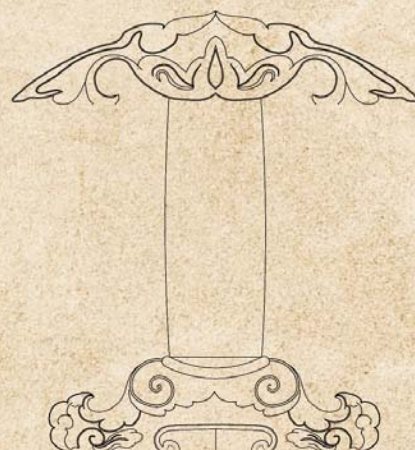
CHÂN CỘT CÁI CHÁNH ĐIỆN



ĐUÔI KÈO



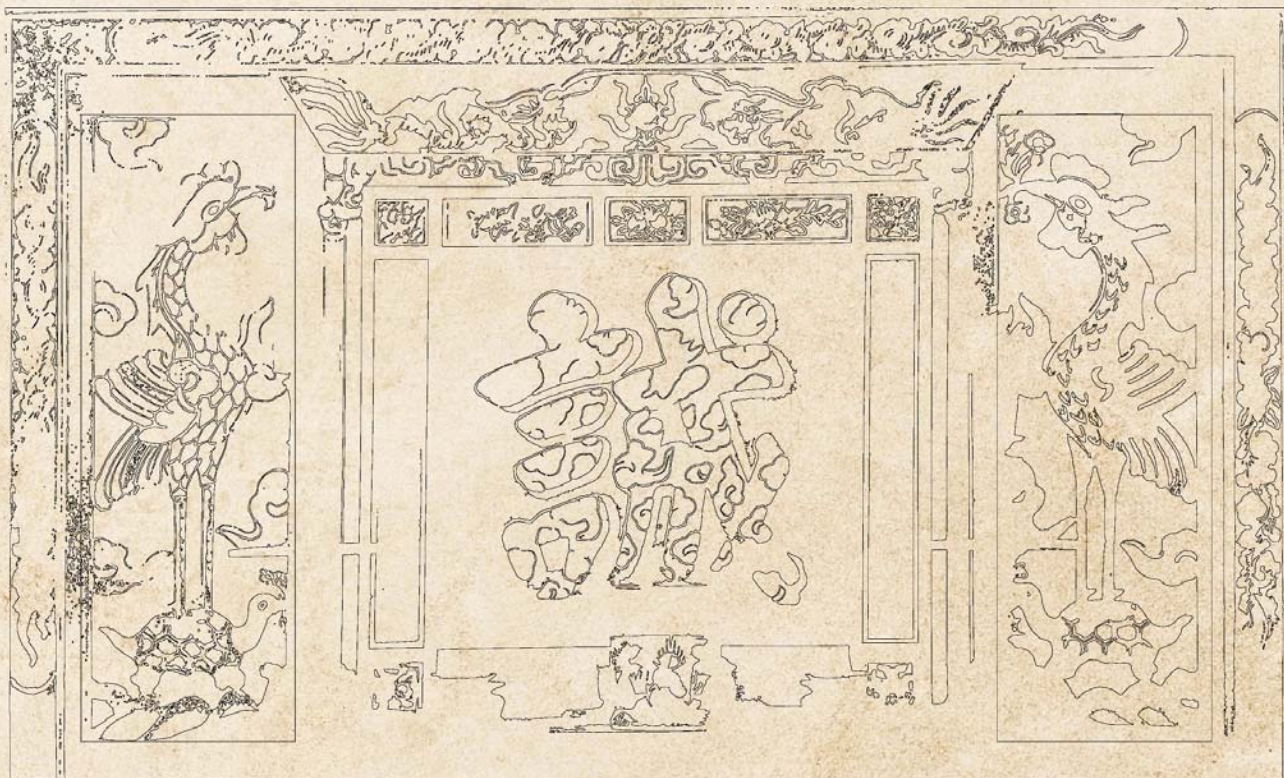
TRANG TRÍ HỌA TIẾT RỒNG



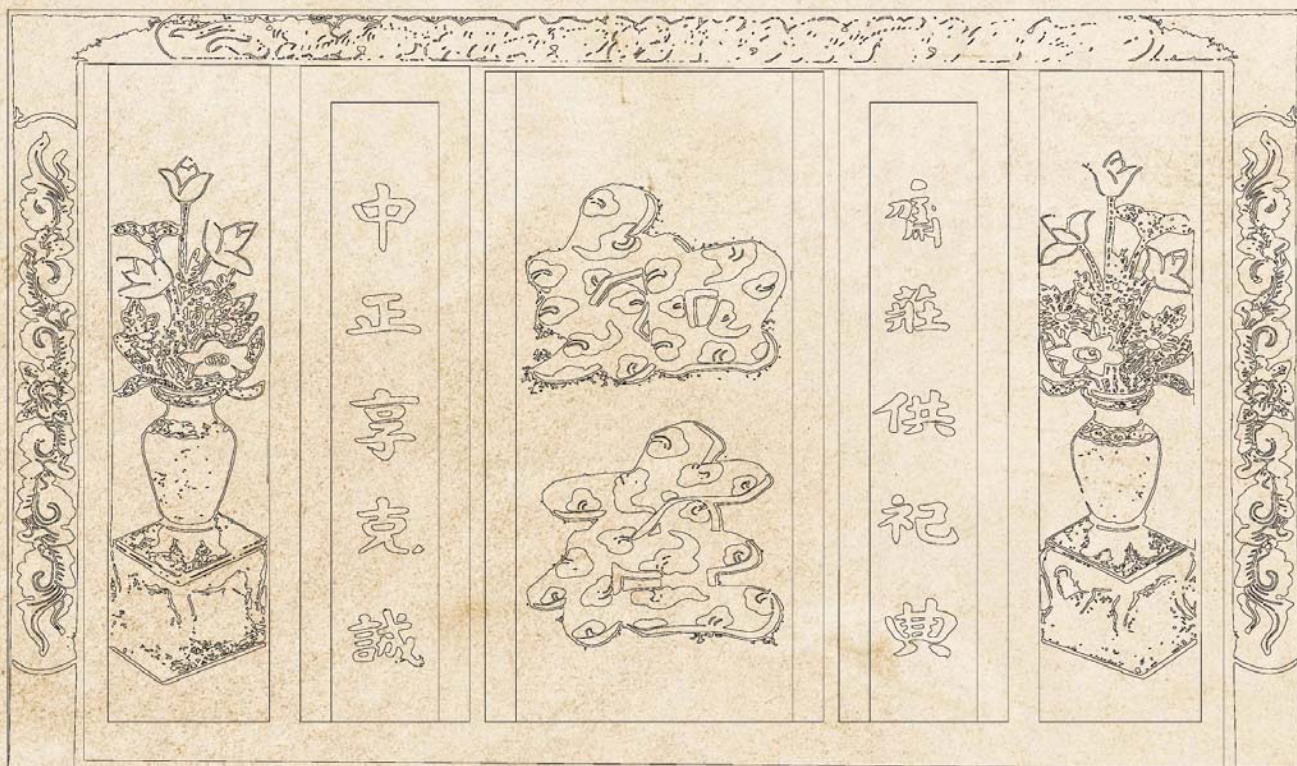
THANH TRỐNG



HỌA TIẾT NƠI THỜ TỰ 01



HỌA TIẾT NƠI THỜ TỰ 02



HỌA TIẾT NƠI THỜ TỰ 03

NGHIÊN
CỨU
CẢ NHÂN



Nhóm 1

ĐÀO THỊ MINH TUYẾN- 197NT32205

NGÔ LƯU HOÀNG PHÚ- 197NT13632

TRẦN NGUYỄN TRÂM ANH- 197NT33958

NGUYỄN HỮU LẬP- 207NT52161

Nhóm 2

LÊ VŨ TRỌNG ĐÔNG- 197NT23483

NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG- 197NT14475

LÊ ĐÌNH RIM- 197NT13763

LÊ THỊ NHẬT TỶ- 207NT52291

Nhóm 3

HÀ YẾN NHI- 197NT32141

LÊ TỚI- 197NT23526

NGUYỄN ĐẶNG KHOA- 197NT32111

VƯƠNG TUẤN QUÂN- 207DH50532

Nhóm 4

TRỊNH QUỐC CƯỜNG- 197NT23480

PHAN LÊ LÂM THUẬN- 197NT14477

NGUYỄN TRỌNG ANH- 207NT56032

PHAN KHÁNH QUYÊN- 207NT52234





ĐÀO THỊ MINH TUYỀN- 197NT32205
NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT PHƯỢNG TRÊN MÁI ĐÌNH



TRẦN NGUYỄN TRÂM ANH- 197NT33958
NGHIÊN CỨU: LƯỠNG LONG CHÂU NGUYỆT



NGÔ LƯU HOÀNG PHÚ- 197NT13632
NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT RỒNG ĐẦU ĐAO



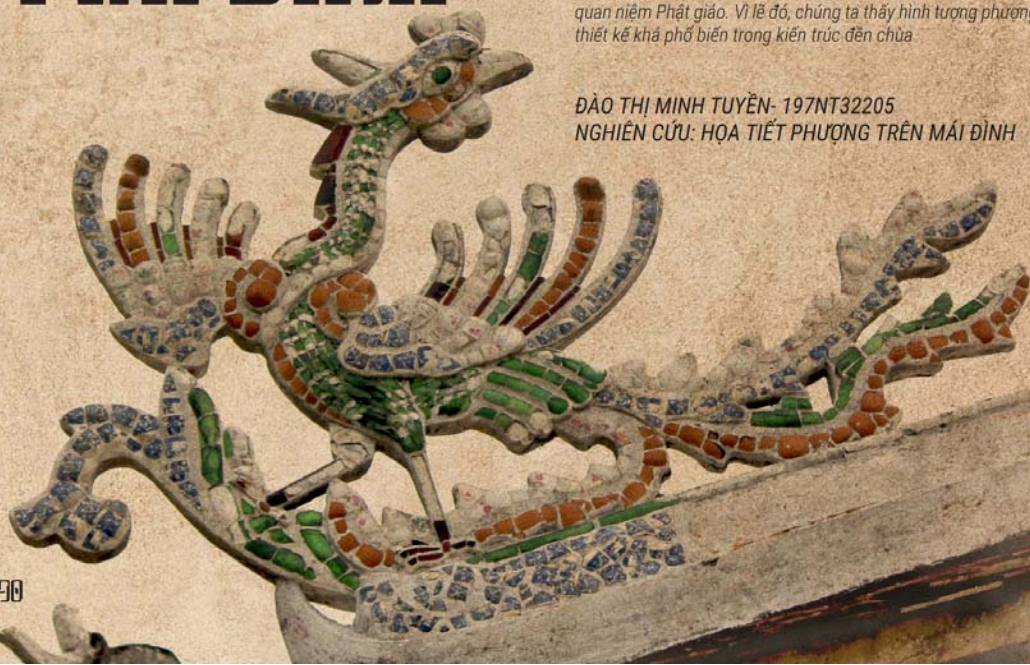
NGUYỄN HỮU LẬP- 207NT52161
NGHIÊN CỨU: HỌA CÚC MÙA THU

REFORM

HỌA TIẾT PHƯỢNG TRÊN MÁI ĐÌNH

Phượng hoàng theo Từ Nguyên, tên nó ngụ ý là vua của tất cả các loài chim, cũng như lân là vua của loài thú bốn chân. Phượng hoàng được mô tả có cổ họng của con chim nhạn, mỏ gà, cổ rắn, đuôi chẻ như đuôi cá với 12 chiếc lông dài rực rỡ (khi sống nhiều năm nó có đến 13 chiếc), trán của con hạc, mào của con vịt xiêm, cổ những đầu vằn của con rồng và phần đũng sau cuốn vòm như con rùa. Lông phượng hoàng năm màu, tiếng hót như nhạc và có năm biến điệu diệu kỳ. Nó thường ẩn mình và hiếm khi xuất hiện cả cặp. Khi cất cánh, nó được xà đàn chim nhỏ bay theo phục vụ. Giống như lân, phượng hoàng là con vật hiền đức, không giết hại côn trùng, làm hư hao cây cối và suốt đời chỉ cư ngụ trên cây ngô đồng, ăn hạt hoa trúc và chỉ uống nước ở các thác phun. Phượng hoàng được xem như là loài linh diệu, trứng của nó làm thức ăn cho thần thánh. Trong nghệ thuật tạo hình, nghệ sĩ khi vẽ con phượng hoàng thường hay sử dụng trí tưởng tượng nhiều hơn quan sát phân tích. Chủ yếu là diễn đạt tính oai vệ, linh thiêng và chất thần thánh mà họ đã giữ trong mẫu mực của nhận thức, có tính kế thừa trong nghệ thuật. Con phượng hoàng đầu tiên xuất hiện đã là sản phẩm trong sự tưởng tượng của người nghệ sĩ và nó được diễn tả linh hoạt, oai vệ như một tượng thần chứ không phải là một con vật vô tri vô giác. Với cái đẹp và nét sinh động, cũng như bản chất hiền đức của con phượng hoàng đã làm cho nó mang tính chất hoàn hảo, ít ra là trong quan niệm của người thể hiện. Theo truyền thuyết, khi Khổng Tử ra đời, phượng hoàng xuất hiện trong tư thế đuôi cánh bay lên trời cao. Trong khi đó con lân được diễn tả đang lững lờ trên những ngọn đồi cạnh đó. Phượng hoàng cũng như kỳ lân, do bản chất hiền sinh, cho nên, được chấp nhận rộng rãi trong quan niệm Phật giáo. Vì lẽ đó, chúng ta thấy hình tượng phượng hoàng được thiết kế khá phổ biến trong kiến trúc đền chùa.

ĐÀO THỊ MINH TUYỀN- 197NT32205
NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT PHƯỢNG TRÊN MÁI ĐÌNH





PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



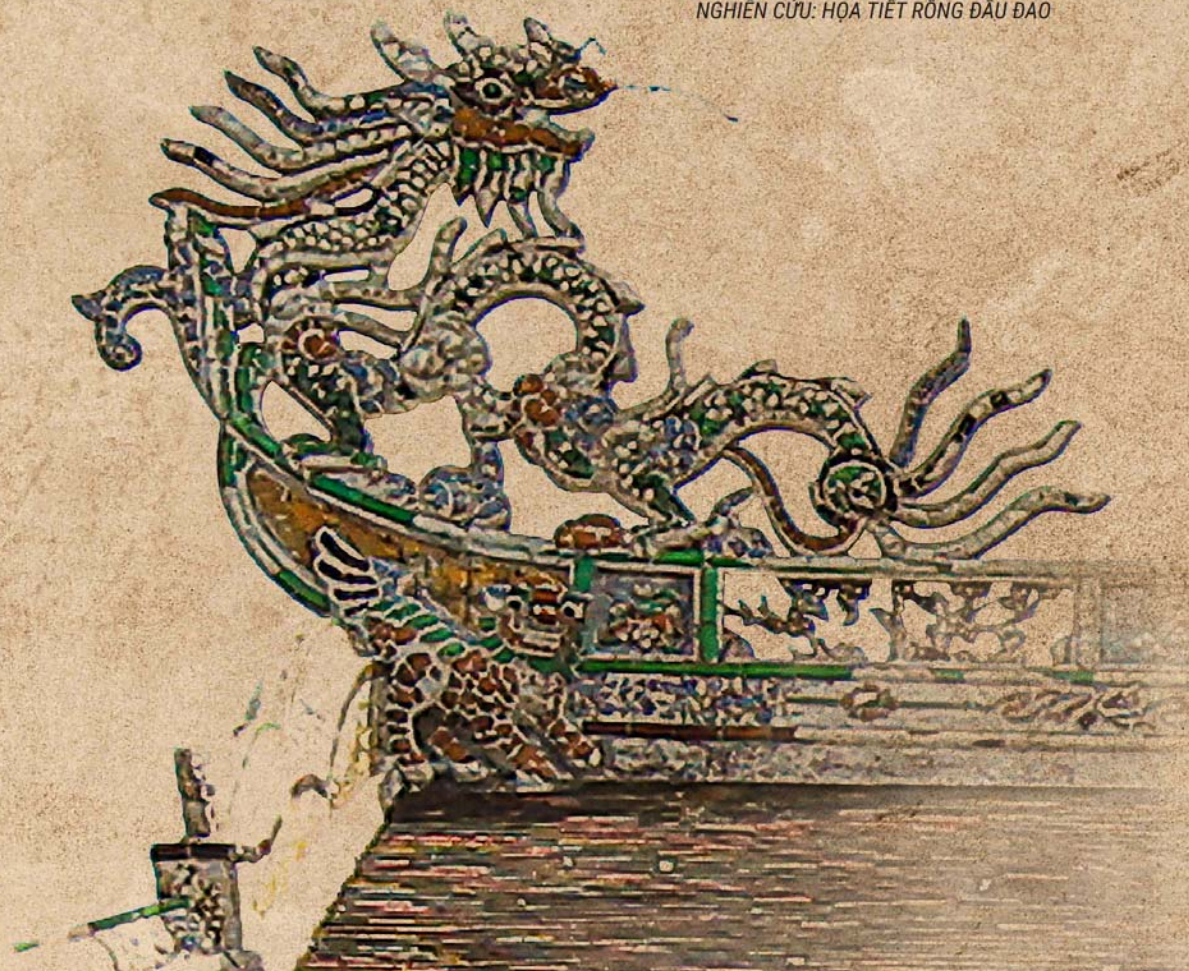
PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU

Hình ảnh con rồng là sự thể hiện thành công nhất trong nghệ thuật thời Nguyễn. Nghệ nhân thuở ấy tạo nên hình ảnh con rồng không chỉ vì phụng sự mục đích nghệ thuật mà còn phải tuân thủ những định chế xã hội, những thiết chế văn hóa đương thời. Vì những lý do này mà cách thể hiện hình tượng con rồng dưới thời Nguyễn rất đa dạng và phong phú. Chỉ xét riêng ở Huế, trung tâm văn hóa, chính trị và nghệ thuật lớn nhất bấy giờ, sự phong phú đó được biểu hiện trên nhiều mặt: không gian, chất liệu, nghệ thuật thể hiện và đề tài trang trí. Về không gian, rồng có mặt trên các đền đài, cung điện, miếu vũ, đình chùa ở trong và ngoài hoàng cung Huế. Rồng xuất hiện ở bờ nóc, bờ quyết, cổ diêm, đầu hồi, máng xối, bình phong, bậc cấp, vì kèo, khung cửa, nghi môn... của các công trình kiến trúc. Nhìn chung, con rồng của mỹ thuật Nguyễn có sự kế thừa và phát triển từ những thế hệ rồng Việt trước đó, nhưng vẫn có những điểm tương đồng với con rồng Trung Hoa thời Thanh (1644 - 1911), bởi văn hóa Nguyễn chịu nhiều ảnh hưởng từ văn hóa Trung Hoa. Rồng thời Nguyễn, qua bàn tay các nghệ nhân người Việt dưới thời Nguyễn tạo ra xứng đáng là một bộ phận tổ thành của mỹ thuật Việt, văn hóa Việt.

NGÔ LƯU HOÀNG PHÚ- 197NT13632
NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT RỒNG ĐẦU ĐÀO



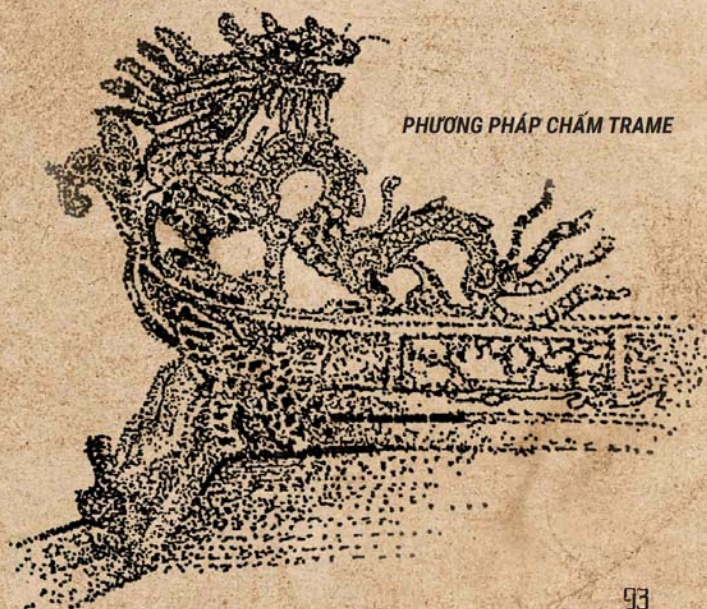


PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU

HỌA TIẾT RỒNG ĐẦU ĐAO



PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME

Lưỡng Long Châu nguyệt hay Rồng châu nguyệt là biểu tượng hai con rồng uốn lượn đối diện nhau. Ở giữa là hình tròn tượng trưng cho mặt trăng – Nguyệt. Mỗi nơi hình dạng rồng và mặt nguyệt sẽ có những biến thể khác nhau tùy vào bàn tay của người thiết kế. Có thể kết hợp thêm các họa tiết khác như sen; hạc; vân mây... nhưng chi tiết chính vẫn là đôi rồng và mặt trăng.

• Rồng

Rồng đối với văn hóa tâm linh châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng đều là một trong tứ linh; thần vật có sức mạnh cao nhất; là biểu tượng của bậc đế vương; vua chúa trong lịch sử. Rồng có sức mạnh của cả hai thái cực âm – dương và là sức mạnh tổng hòa của vũ trụ tự nhiên. Lưỡng long tức là một đôi rồng thể hiện cho sức mạnh cân bằng một âm một dương.

Bên cạnh đó; lưỡng long châu nguyệt là hình ảnh rồng Việt Nam khác biệt hoàn toàn với rồng các nước châu Á khác. So với rồng Trung Hoa chân thường cầm ngọc; uốn mình theo hình âm dương thái cực và có dáng đứng. Rồng Việt Nam có kích thước dài và thân mình mềm mại; uyển chuyển. Rồng đại diện cho Việt Nam rõ ràng nhất là rồng thời Lý; nên rồng trong lưỡng long châu nguyệt có thể không có vẩy hoặc nếu nó sẽ là vẩy nhỏ, mịn. Thân rồng luôn luôn được uốn sóng nước thành 12 khúc tượng trưng với 12 tháng trong năm. 12 khúc uốn lượn này vừa thể hiện được độ dài các tháng trong năm vừa hồi lên sự biến đổi cả thời tiết và mùa màng.

Rồng đối với tâm linh ở Việt Nam có vai trò rất quan trọng đối với nông nghiệp. Cụ thể hơn là nền văn minh lúa nước Đại Việt. Khi đó khoa học công nghệ chưa phát triển; năng suất của mùa màng phụ thuộc 100% vào thời tiết tự nhiên; nên người ta thờ phụng rồng để cầu mong một năm có được mưa thuận gió hòa; mùa màng bội thu. Với khả năng điều khiển lượng mưa và gió bão; rồng chính là vai trò quyết định đời sống của nhân dân.

• Trăng

Trăng trong lưỡng long châu nguyệt là biểu tượng của thánh thần; là đại diện cho năng lượng tâm linh của con người. Mặt Trăng có ý nghĩa rất sâu xa đối với người Việt cổ nên từ lâu; người ta đã thờ phụng. Không chỉ để dự báo thời tiết; mặt trăng còn được dùng để tiên đoán vận mệnh của một quốc gia. Thời điểm trăng rõ ràng nhất và tròn nhất trong mùa thu; nếu như màu sắc trăng ngả về màu xanh thì năm đó sẽ có thiên tai bão lũ. Nếu trăng vàng sáng rực rỡ; có ánh cam thì đất nước sẽ được bình an, vững mạnh. Hầu như các nước phong kiến châu Á đều cho rằng vua đại diện cho mặt trời; mặt trăng đại diện cho hoàng hậu.

Nông nghiệp thời xa xưa và mặt trăng có mối liên hệ rất mật thiết. Vào tầm tháng 8 lúc trăng tròn nhất trong năm cũng là vào nông nhàn; khi người dân đã thu hoạch xong xuôi và gieo cấy mùa vụ mới. Người ta bày biện trái cây và đồ ăn bánh kẹo ra trước sân nhà để cúng gia đình ngắm trăng. Gia đình đoàn tụ quây quần bên mâm cỗ; kỷ niệm không khí gia đình đầm ấm dưới ánh trăng vàng ấm áp trong lúc thánh thoi hiếm hoi trong cuộc sống.

TRẦN NGUYỄN TRÂM ANH- 197NT33958
NGHIÊN CỨU: LƯƠNG LONG CHÂU NGUYỆT

LƯƠNG LONG CHÂU NGUYỆT





PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU



PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



HOA CÚC MÙA THU

Hoa cúc là loài hoa đại diện cho mùa thu trong bộ tranh Tứ quý: Tùng, Cúc, Trúc, Mai. Xuất phát từ văn hóa Nho giáo, bộ tranh này biểu trưng cho người quân tử. Hoa cúc văn thơ tượng trưng cho sự trường thọ, may mắn, phúc lộc dồi dào với năng lượng bình dị và an yên.

Thêm vào đó, hoa cúc có đặc điểm "Diệp bất ly chi, hoa vô lạc địa" (nghĩa là lá không rời cành, hoa không rụng xuống đất) đã hàm ý tượng trưng cho khí tiết kiên trung của người quân tử. Hình ảnh hoa cúc tàn nhưng chỉ gục rũ trên thân, cảnh vẫn đứng thẳng liền tưởng tới khí chất quân tử "chết đứng chứ không chết nằm". Đây cũng là lời căn dặn những người làm chức cao đứng vị cầm đầu, cái lợi trước mắt mà bản rễ bản thân.

• Trụ biểu

Cổng ngõ đình, hay còn gọi là nghi môn, có lẽ xuất hiện sau chính đình và thường có hình dạng tứ trụ, chia làm 3 lối dẫn vào sân đình. Việc chia 3 lối có thể để phân chia cấp bậc, thứ vị chức sắc trong làng. Theo đó, những người có chức sắc được đi vào đình bằng lối giữa, lối bên trái dành cho nam và lối bên phải dành cho nữ. Ngoài ra, khi làng có lễ lớn đón tiếp nhà vua về thì lối giữa dành cho vua, lối bên trái dành cho quan văn và bên phải dành cho quan võ.

Hình ảnh động vật trang trí ở trụ biểu thường gặp là lông, lân, quý, phụng, nghê, hổ phù. Những hình ảnh này thể hiện sự bình an, hạnh phúc, và phồn thịnh của làng.

Đặc biệt rồng là biểu tượng của sự sinh sôi mạnh mẽ, của phương Đông và của mùa xuân. Dưới thời quân chủ, rồng được suy tôn là biểu tượng của vương quyền, gắn liền với hình ảnh của nhà vua, là đỉnh cao của khái niệm quyền uy.

NGUYỄN HỮU LẬP- 207NT52161
NGHIÊN CỨU: HOA CÚC MÙA THU

PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU





LÊ VŨ TRỌNG ĐÔNG- 197NT23483
NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT RỒNG TRÊN TRỤ CỘT ĐÌNH



LÊ THỊ NHẬT TÝ- 207NT52291
NGHIÊN CỨU: BÌNH PHÒNG Ở ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH

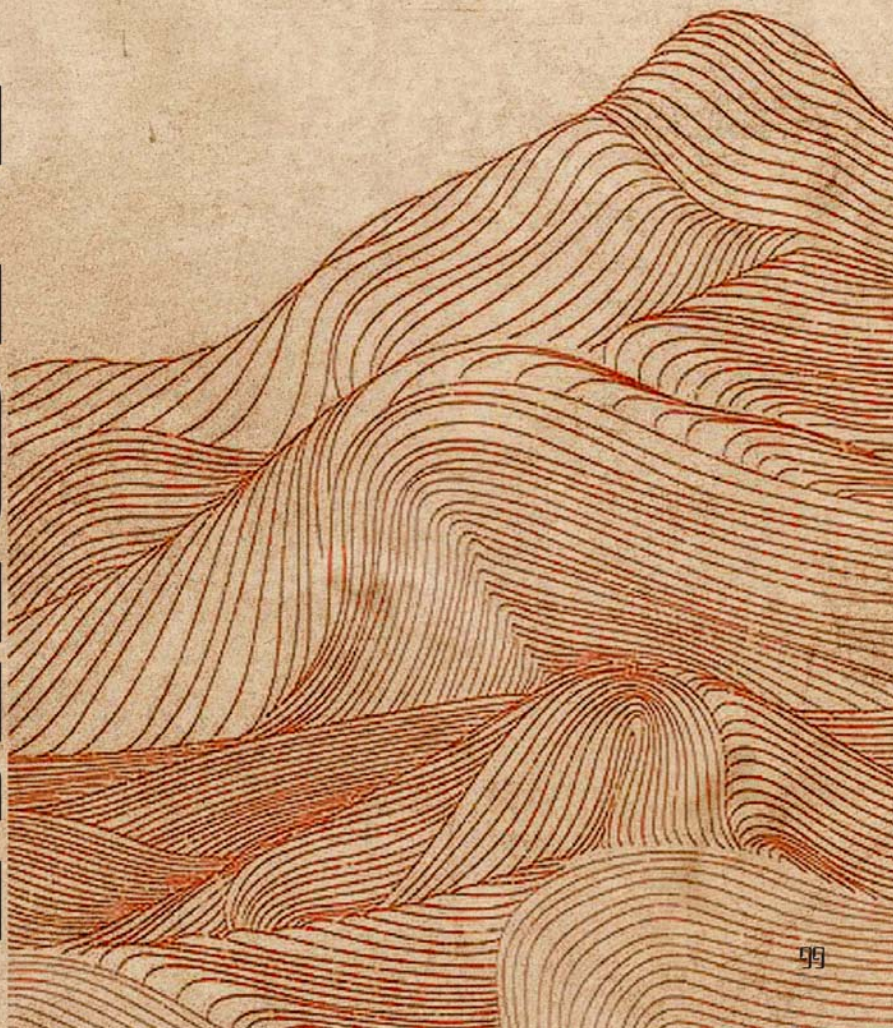


NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG- 197NT14475
NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT RỒNG TRÊN TRỤ BIỂU



LÊ ĐÌNH RÍM- 197NT13763
NGHIÊN CỨU: BÌNH PHÒNG Ở ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH

MEON 2



BÌNH PHÒNG Ở ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH

Bình phong xây bằng gạch đá, có kích thước lớn, đặt ngoài trời. Hình tượng được trang trí trên bình phong đình làng Dạ Lê là hình tượng hổ phù điêu rồng với ý nghĩa rồng ngâm thọ. Trên bình phong, các hình tượng hạc cưỡi rùa, nai tâng bách, bát tiên, bát bửu, lưới mắc vồng hình lục giác làm nền trang trí trong mũi thuật Huế, lưỡng long châu nguyệt tạo nên bởi các mảnh ghép của gốm, sành, sứ được chạm khắc, đúc kết mảnh, khồi hay chạm long do những người thợ tài ba xứ Huế làm ra với các tầng ý nghĩa của nghệ thuật truyền thống (phúc-lộc-thọ-hỷ hay các linh vật như long, lân, quy, phụng, long mã...) như âm dương hài hòa, trường thọ, cây lá hoa phụng, cầu mưa thuận gió hòa.

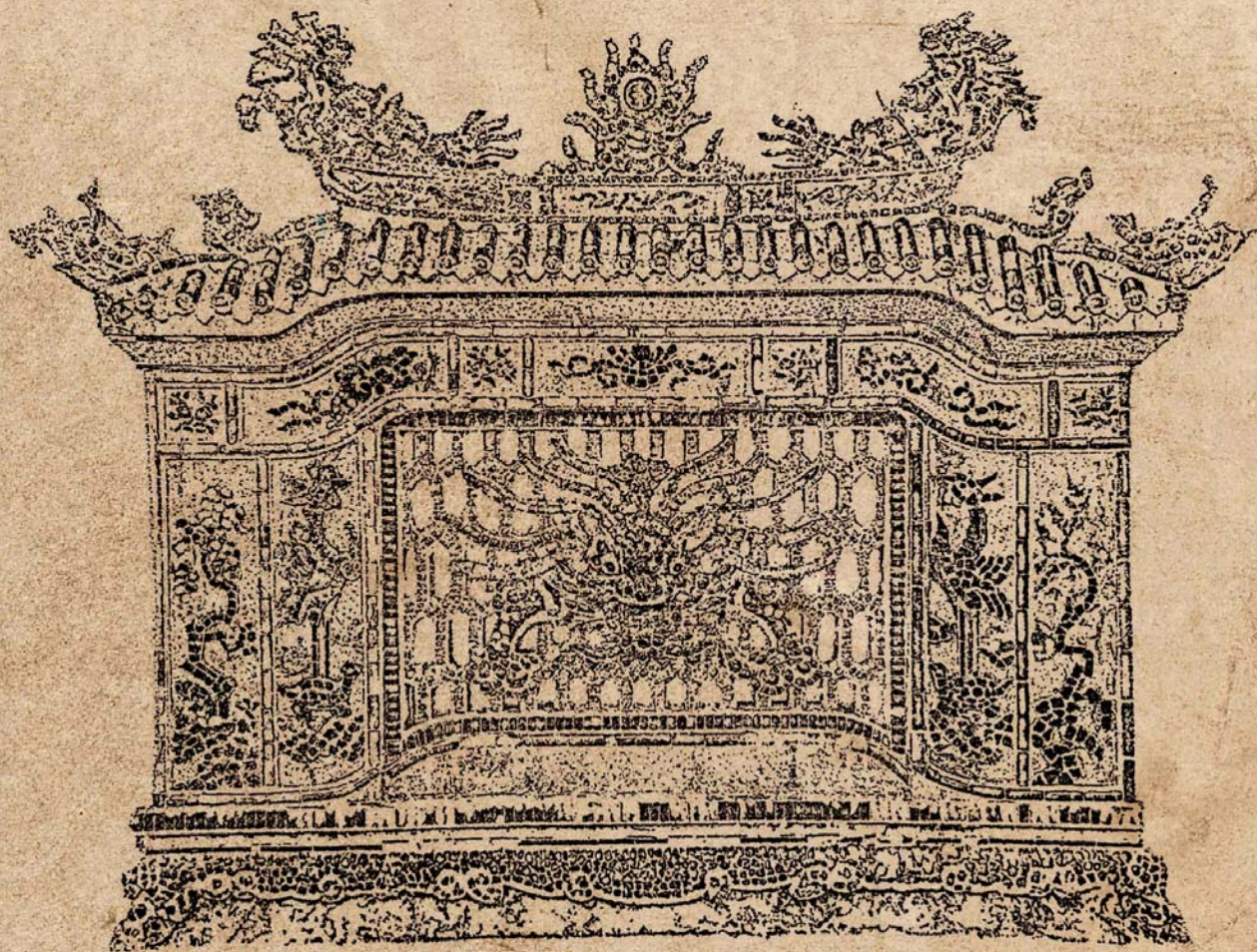
LÊ THI NHẬT TÝ- 207NT52291

LÊ ĐÌNH RIM- 197NT13763

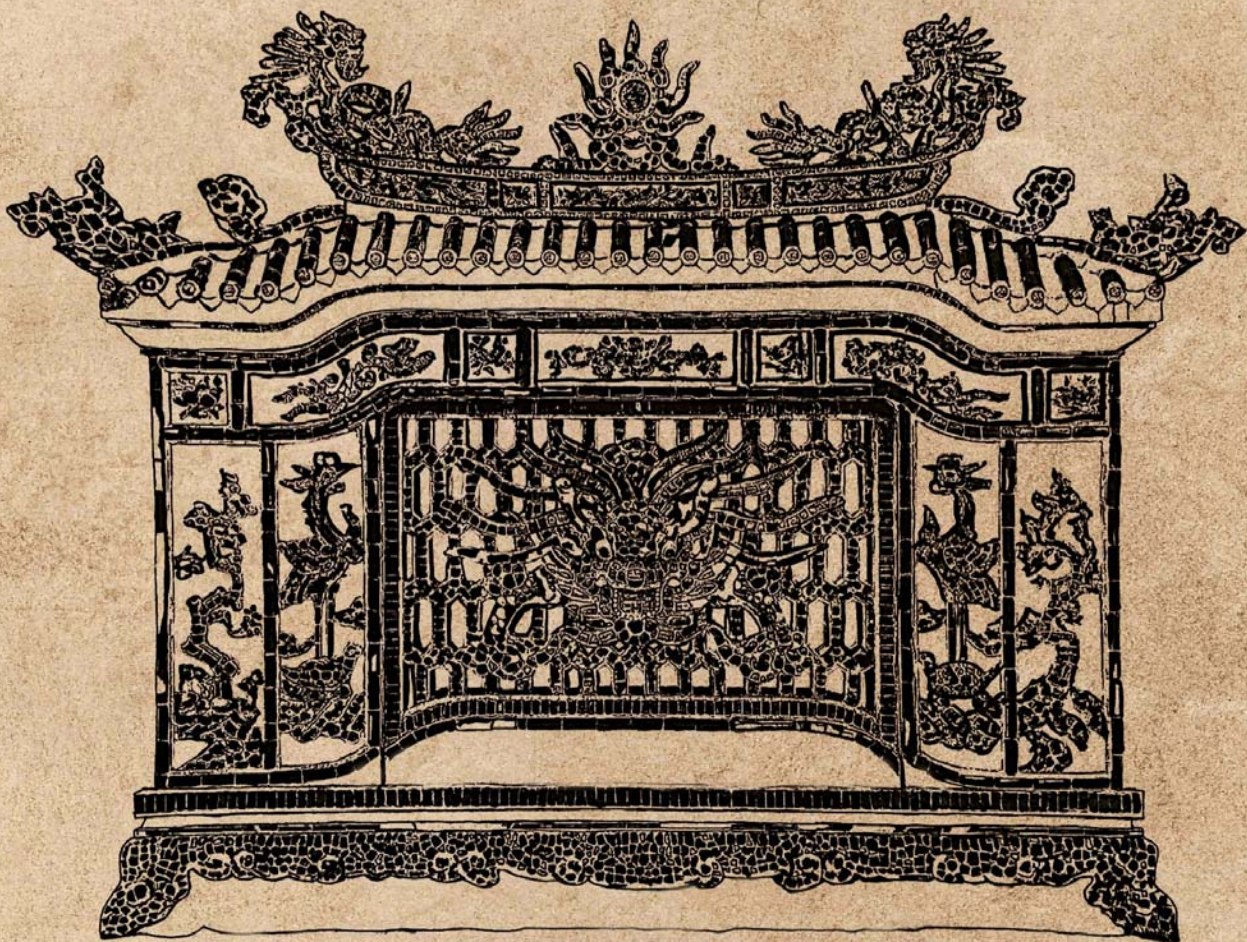
NGHIÊN CỨU: BÌNH PHÒNG Ở ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH



PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU



HỌA TIẾT RỒNG TRÊN TRỤ BIỂU

Từ biểu xây bằng gạch đá, có kích thước lớn, đặt ngoài trời, họa tiết trang trí chính là họa tiết Lưỡng Long. Trong tứ linh đứng đầu là "Long" tức là con rồng, là một loài có sức mạnh vô song thường được biểu trưng cho hình ảnh của Vua trong chế độ phong kiến. Tuy nhiên, hình tượng con rồng cũng phát triển mạnh mẽ trong nghệ thuật kiến trúc dân gian chứ không chỉ là của riêng giai cấp phong kiến. Sự khác biệt chỉ là ở chỗ con rồng tượng trưng cho Vua thì có năm móng còn con rồng trong kiến trúc nghệ thuật dân gian chỉ có ba hoặc bốn móng. Hình tượng con rồng thường được thể hiện trước nhất trên nóc của ngôi đình với "Lưỡng Long trầu nguyệt" hay "Lưỡng Long Tranh Châu". Đối với nền văn minh nông nghiệp lúa nước thì nguồn nước đóng một vai trò quan trọng quyết định tới mùa vụ nông nghiệp, việc đặt hình tượng cặp lưỡng long trên đỉnh nóc ngôi đình cũng mang ý nghĩa cầu cho mưa thuận gió hòa mùa màng tốt tươi.

NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG- 197NT14475

NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT RỒNG TRÊN TRỤ BIỂU

PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU



HỌA TIẾT RỒNG TRÊN TRỤ CỘT ĐÌNH

Hình tượng rồng là hiện thân của sự hài hòa giữa nghệ thuật và sức mạnh. Nó mang một nét đẹp vừa mềm mại, hiền hòa, uyển chuyển vừa mang yếu tố dữ tợn, nhưng hiểm và đầy quyền lực. Khi sử dụng hình ảnh rồng để trang trí cho nhà thờ, cột rồng đá, chiếu rồng đá người ta sẽ luôn sử dụng một cặp rồng ở những bên cột ngoài hiên đình, hai con rồng sẽ uốn lượn tràn trề sức mạnh. Đầu rồng hướng ra phía cửa để thể hiện sự chấn yểm trừ tà. Cột rồng hiện được chạm khắc hình ảnh rồng lên đó nhằm thể hiện nét uy nghiêm, uy quyền cũng như những nét đẹp tinh tế, sự hài hòa giữa nhu và cương. Đặc biệt là tạo nên nét đẹp độc đáo, quyền lực tại những nơi linh thiêng.

LÊ VŨ TRỌNG ĐÔNG- 197NT23483
NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT RỒNG TRÊN TRỤ CỘT ĐÌNH

PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU





HÀ YẾN NHI- 197NT32141
NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT CÂY TÙNG TRÊN TRỤ BIỂU



NGUYỄN ĐĂNG KHOA- 197NT32111
NGHIÊN CỨU: CON HẠC TRONG BỘ ĐÌNH HẠC



LÊ TỚI- 197NT23526
NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT CÂY MAI TRÊN TRỤ BIỂU



VƯƠNG TUẤN QUÂN- 207DH50532
NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT CÂY MAI TRÊN TRỤ BIỂU

PHOTOS

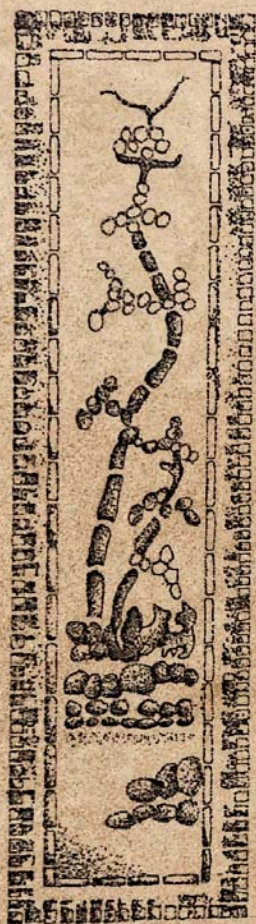


HỌA TIẾT CÂY TÙNG TRÊN TRỤ BIỂU

Người xưa cho rằng tùng là loài đứng đầu trăm cây cỏ
khả năng xua đuổi tà ma đem lại cuộc sống bình yên,
an vui cho mọi người. Thêm vào đó cây tùng còn mang
ý nghĩa trường thọ. Theo phong thủy, hươu nai là biểu
trưng cho tài lộc, thịnh vượng và trường thọ. Cả cây tùng và hươu
nai vàng đều là những hình ảnh đẹp, thanh cao, trang trọng đồng
thời chứa đựng nhiều ý nghĩa độc đáo, cả hai hình ảnh đều mang
ý nghĩa biểu trưng cho tuổi thọ, sức khỏe lâu bền nên khi kết
hợp lại với nhau, chúng thể hiện lời cầu chúc cho một cuộc sống
hạnh phúc, mỹ mãn, tuổi thọ lâu dài

HÀ YẾN NHI- 197NT32141

NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT CÂY TÙNG TRÊN TRỤ BIỂU



PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU

LÊ TỐI- 197NT23526

VƯƠNG TUẤN QUÂN- 207DH50532

NGHIÊN CỨU: HỌA TIẾT CÂY MAI TRÊN TRỤ BIỂU

Hoa mai là biểu tượng của mùa xuân. Đây là loại cây có thân và cành gãy quóc, cánh hoa mỏng mảnh mang mùi hương dịu dàng, thanh khiết, nhưng bên trong là sức sống mãnh liệt, là cả một sự kiên cường. Nhờ sự kiên cường này mà hoa mai có thể chịu qua gió tuyết mùa đông để nở bung cánh vào mùa xuân, báo hiệu một năm mới đến. Các nhà Nho còn xem hoa mai là tấm gương về sự hòa hợp giữa chữ Dũng và chữ Nhân mà loài người nên học hỏi. Trong phong thủy, hoa mai biểu tượng cho sự hiển vinh, cao thượng, nu hoa này lộc đón xuân đem đến tài lộc, tình cảm và sự giàu sang, sung túc.

HỌA TIẾT CÂY MAI TRÊN TRỤ BIỂU



PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU



NGUYỄN ĐĂNG KHOA- 197NT32111

NGHIÊN CỨU: CON HẠC TRONG BỘ ĐỈNH HẠC

Tong văn hóa thờ cúng của người Việt dù là ở nhà thờ của tổ tiên, phòng thờ gia đình, nhà thờ từ đường cho đến các ngôi chùa lớn, các ngôi đền thờ chúng ta đều dễ dàng nhận ra có mặt của bộ đỉnh hạc thờ gồm đôi hạc đứng trên lưng rùa và lư hương thờ. Ý nghĩa bộ đỉnh hạc vốn dĩ không chỉ đem lại không gian thờ cúng trang nghiêm và sang trọng cho bộ bàn thờ cúng mà nó còn nằm trong minh ý nghĩa tâm linh đặc biệt góp phần không nhỏ vào việc đem đến vận may cho gia chủ

CON HẠC TRONG BỘ ĐỈNH HẠC

PHƯƠNG PHÁP VẼ MẢNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU





TRỊNH QUỐC CƯỜNG- 197NT23480
NGHIÊN CỨU: VÌ KÈO TRONG NỘI THẤT ĐÌNH



NGUYỄN TRỌNG ANH- 207NT56032
NGHIÊN CỨU: RỒNG TRÊN MÁI ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH

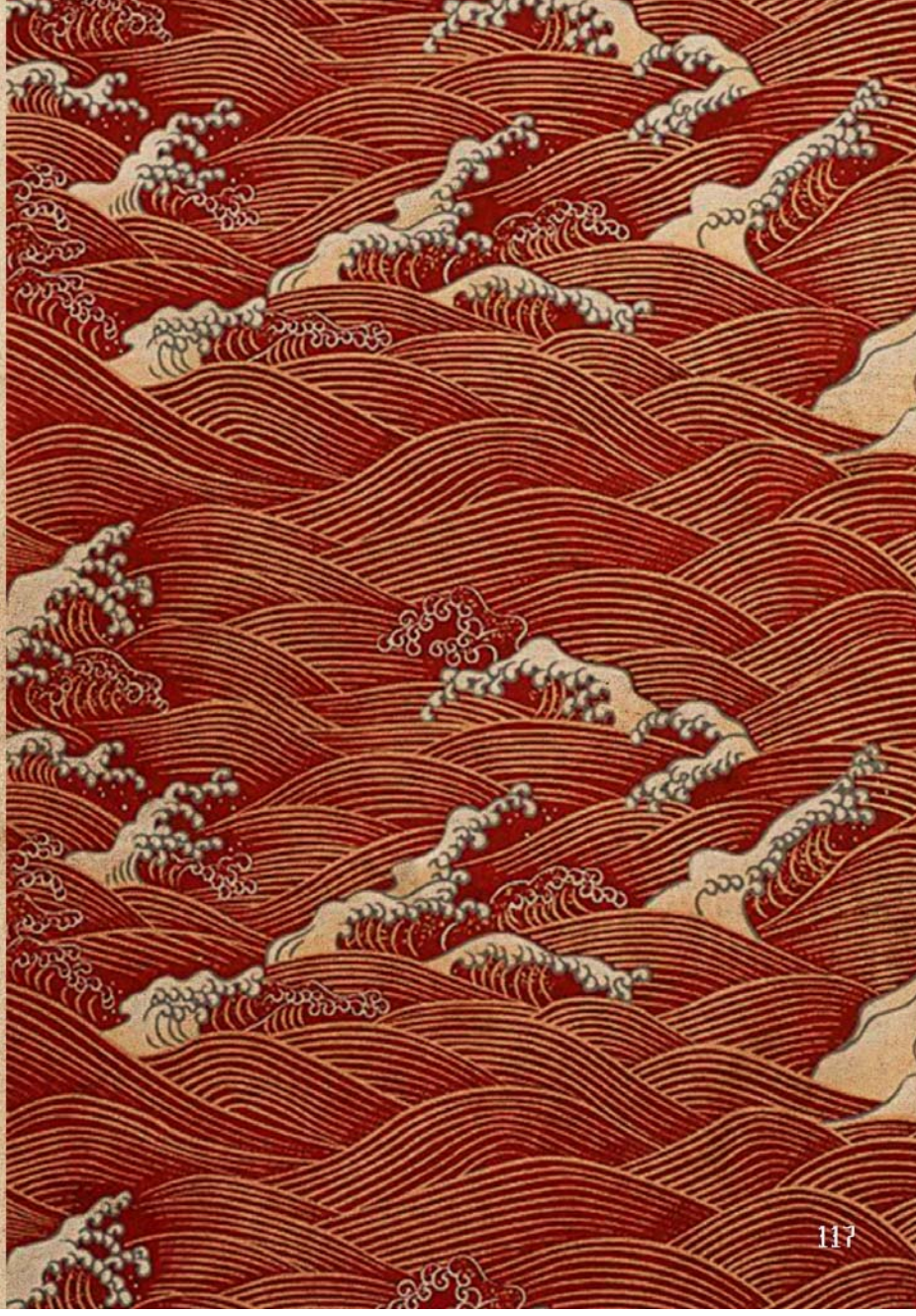


PHAN KHÁNH QUYÊN- 207NT52234
NGHIÊN CỨU: BỨC LIỀN Ở ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH



PHAN LÊ LÂM THUẬN- 197NT14477
NGHIÊN CỨU: LÂN TRỤ BIỂU ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH

THEY

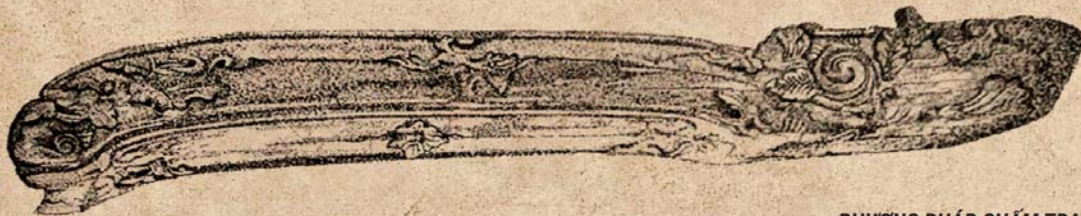


VÌ KÈO TRONG NỘI THẤT ĐÌNH

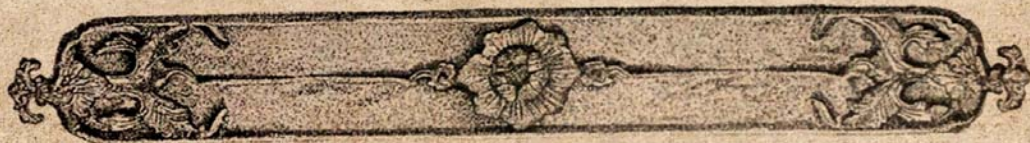
Vì kèo được làm bằng gỗ, hoa văn trang trí là hoa cúc. Hoa Cúc là một biểu tượng quen thuộc thường thấy trong nghệ thuật trang trí tại phần lớn đình, chùa. Hoa cúc có màu vàng biểu thị cho sự đài các, kiêu sa, vương giả, phú quý. Hoa cúc là biểu tượng của mùa thu, nó phảng phất một chút buồn nhẹ nhẹ, thanh cao ở độ giữa thu trong cái tiết trời se lạnh, khiến người ta băng khuỷu, xao xuyến, trầm lắng, hoa cúc thường được thể hiện với dây lá hòa quyện vào nhau trong những bức bao lam, vì kèo hay trong những bức tranh giàu cảm xúc về mùa thu. Hoa cúc cũng thường được chạm khắc trong tư thế khai hoa thể hiện sự viên mãn, tràn đầy, ấm no hạnh phúc.

TRINH QUỐC CƯỜNG- 197NT23480
NGHIÊN CỨU: VÌ KÈO TRONG NỘI THẤT ĐÌNH





PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU

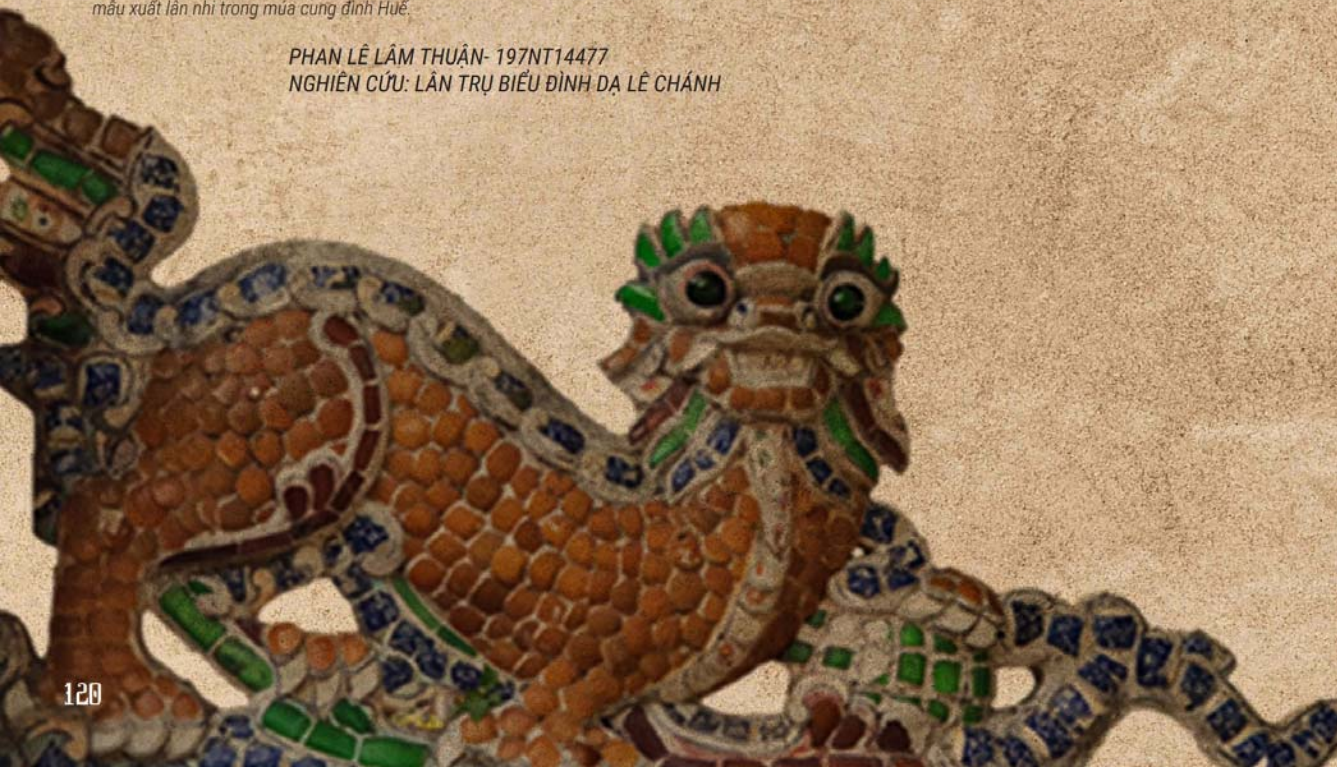


LÂN TRỤ BIỂU ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH

Lân là linh vật bảo hiệu điềm lành, là biểu tượng của sự thông thái, trường thọ, sự cao quý và của niềm hạnh phúc lớn lao. Kỳ lân cũng là biểu tượng của lòng nhân từ và sự trung thành. Trong không gian kiến trúc của người Việt, có khi kỳ lân được bài trí thành từng cặp, đứng chầu trước cung điện của vua, đầu hướng về phía cung điện nhằm biểu hiện lòng trung thành; có khi kỳ lân được bài trí ở trước điện thờ, đèn miếu, mặt hướng ra bên ngoài, biểu tượng cho sự tôn nghiêm, kính cẩn. Kỳ lân còn biểu hiện cho uy quyền của nhà vua, vì thế trên ngai vua triều Nguyễn có đôi kỳ lân đứng làm chỗ đặt chân của nhà vua. Kỳ lân còn là linh vật biểu trưng cho thái tử trong mối quan hệ: rồng (nhà vua) - kỳ lân (thái tử) - phượng hoàng (hoàng hậu). Kỳ lân còn là biểu tượng của hạnh phúc, đoàn viên như ngũ ý trong vũ điệu Lân mầu xuất lân nhi trong múa cung đình Huế.

PHAN LÊ LÂM THUẬN- 197NT14477

NGHIÊN CỨU: LÂN TRỤ BIỂU ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH





PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU

RỒNG TRÊN MÁI ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH

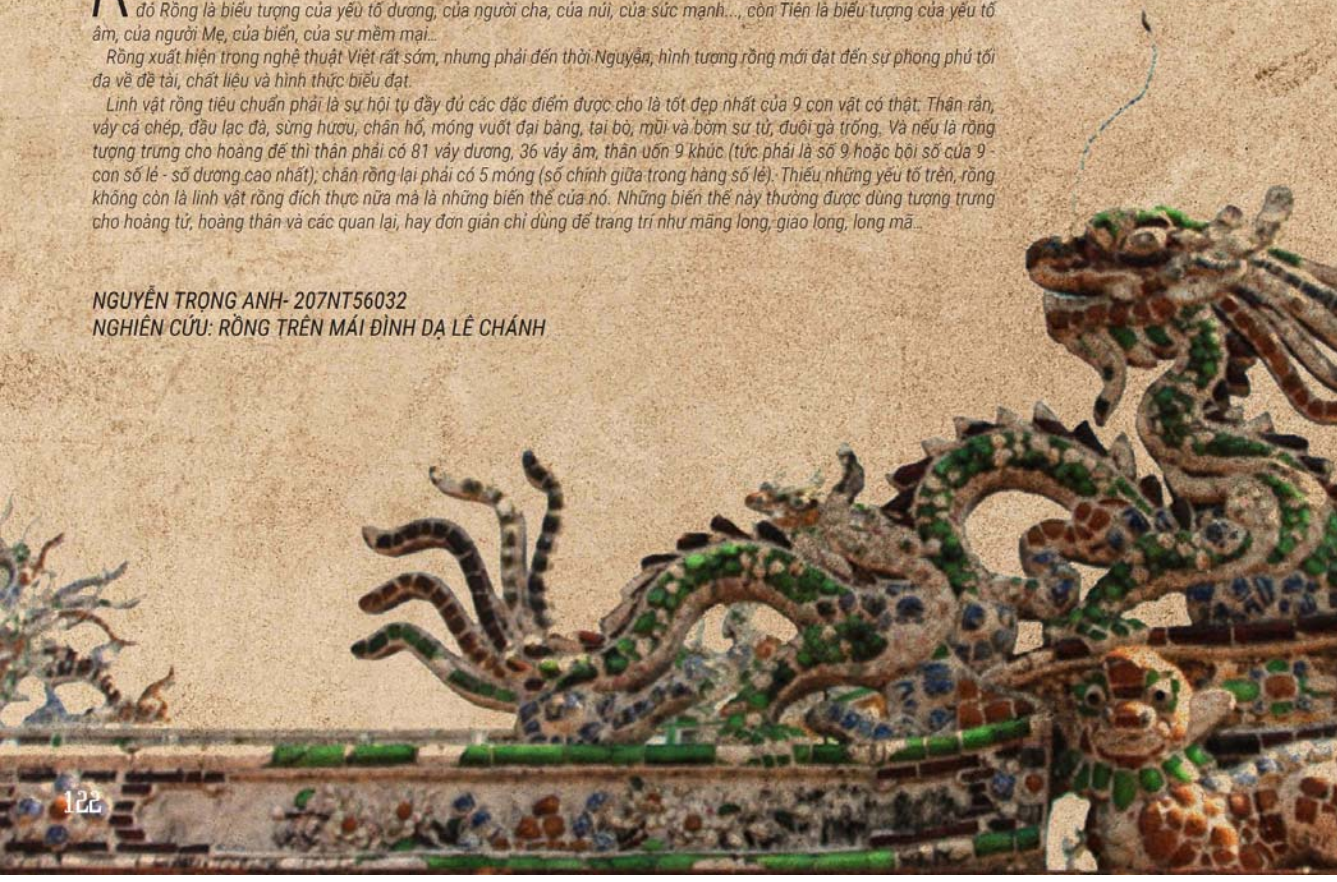
Rồng là hình tượng đặc biệt trong nghệ thuật truyền thống Việt bởi linh vật này là một trong những biểu tượng văn hóa quan trọng nhất gắn liền với nguồn gốc ra đời của dân tộc. Người Việt Nam tự nhận mình là con Rồng cháu Tiên, trong đó Rồng là biểu tượng của yếu tố dương, của người cha, của núi, của sức mạnh..., còn Tiên là biểu tượng của yếu tố âm, của người Mẹ, của biển, của sự mềm mại.

Rồng xuất hiện trong nghệ thuật Việt rất sớm, nhưng phải đến thời Nguyễn, hình tượng rồng mới đạt đến sự phong phú tối đa về đề tài, chất liệu và hình thức biểu đạt.

Linh vật rồng tiêu chuẩn phải là sự hội tụ đầy đủ các đặc điểm được cho là tốt đẹp nhất của 9 con vật có thật: Thân rắn, vảy cá chép, đầu lạc đà, sừng hươu, chân hổ, móng vuốt đại bàng, tai bò, mũi và bờm sư tử, đuôi gà trống. Và nếu là rồng tượng trưng cho hoàng đế thì thân phải có 81 vảy dương, 36 vảy âm, thân uốn 9 khúc (tức phải là số 9 hoặc bội số của 9 - con số lễ - số dương cao nhất); chân rồng lại phải có 5 móng (số chính giữa trong hàng số lẻ). Thiếu những yếu tố trên, rồng không còn là linh vật rồng đích thực nữa mà là những biến thể của nó. Những biến thể này thường được dùng tượng trưng cho hoàng tử, hoàng thân và các quan lại, hay đơn giản chỉ dùng để trang trí như măng long, giao long, long mã...

NGUYỄN TRỌNG ANH- 207NT56032

NGHIÊN CỨU: RỒNG TRÊN MÁI ĐÌNH DẠ LÊ CHÁNH



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀNG NÉT



PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME



PHƯƠNG PHÁP VẼ MÀU





DƯỢC



Y



QUAN



PHẪU



TUY



NGÔ

樂木冠不樂州運會大文明

CHÂU



VẬN



HỘI



ĐẠI



VĂN



MINH



Đình Đa Lê Chánh

PHAN KHÁNH QUYÊN- 207NT52234

NGHIÊN CỨU: BỨC LIỀN Ở ĐÌNH ĐA LÊ CHÁNH

崇
木
冠
不
羊
五

崇木冠不羊五州運會大文明

州
運
會
大
文
明

崇
木
冠
不
羊
五

崇木冠不羊五州運會大文明

州
運
會
大
文
明

PHƯƠNG PHÁP VẪ MÀNG NÉT

PHƯƠNG PHÁP VẪ MÀU

BỨC LIÊN
Ở ĐÌNH DẠ
LÊ CHÁNH

崇
木
冠
不
羊
五

崇木冠不羊五州運會大文明

州
運
會
大
文
明

PHƯƠNG PHÁP CHẤM TRAME

ĐÌNH DẠ LÊ



Lời kết

Có thể nói, đình làng không chỉ là nơi sinh hoạt văn hóa, tâm linh, là sợi dây gắn bó cộng đồng, biểu tượng quyền lực làng xã xưa, mà còn là một nét đẹp độc đáo trong văn hóa làng xã Việt Nam. Trong tâm thức của người Việt, “cây đa, bến nước, sân đình” là hình ảnh thân thuộc, gắn bó với tâm hồn của mọi người dân Việt, là biểu tượng của quê hương, đất nước. Đình làng là một di sản vật thể, phi vật thể vô giá cần được lưu giữ và bảo tồn.

Chính vì ngôi đình có giá trị to lớn trong văn hóa cộng đồng nói chung và những người trẻ nói riêng. Thế hệ trẻ chúng ta đi để học hỏi những điều mới và hòa vào dòng chảy thời cuộc. Chúng ta hòa vào dòng chảy nhưng không được để đánh mất bản sắc văn hóa của mình. Đi để học hỏi được những điều mới để trở về và làm giàu thêm cho bản sắc văn hóa của chúng ta, chứ không phải là đi để hòa tan.

Một lần nữa thay mặt tập thể sinh viên. Xin cảm ơn các bậc tiền nhân, cảm ơn nhà trường, cảm ơn địa phương và cảm ơn các cô bác nơi đây! Đã tạo điều kiện cho thầy trò được nghiên cứu, tìm hiểu và học tập tại đình Dạ Lê Chánh.

Xin chân thành cảm ơn vì tất cả!

Tp. Hồ Chí Minh - 08/2022

GVHD- Kts. Lê Quang Nhất cùng tập thể sinh viên nhóm 6 khoa Mỹ Thuật Công Nghiệp trường Đại Học Văn Lang

D
A
L
Ê
C
H
Á
N
H

NHÓM 6 - GVHD: KTS.LÊ QUANG NHẤT

THIẾT KẾ TRANG BÌA:
TRINH QUỐC CƯỜNG
NGÔ LƯU HOÀNG PHÚ

TRÌNH BÀY:
TRINH QUỐC CƯỜNG
NGÔ LƯU HOÀNG PHÚ

NỘI DUNG:
ĐÀO THỊ MINH TUYỀN
NGÔ LƯU HOÀNG PHÚ
TRẦN NGUYỄN TRÂM ANH
NGUYỄN HỮU LẬP
LÊ VŨ TRỌNG ĐÔNG
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG
LÊ ĐÌNH RIM
LÊ THỊ NHẬT TỶ
HÀ YẾN NHI
LÊ TÔI
NGUYỄN ĐĂNG KHOA
DƯƠNG TUẤN QUÂN
TRINH QUỐC CƯỜNG
PHAN LÊ LÂM THUẬN
NGUYỄN TRONG ANH
PHAN KHÁNH QUYẾN

Tp. Hồ Chí Minh - 08 . 2022

TRÍ ÂN!

*Thưa các bậc tiền nhân!
Chúng con xin tri ân và cảm tạ!
Những tâm lòng cao cả như trời cao.
Là các vì sao soi đường và dẫn lối.
Để chúng con tìm về mối tương giao.
Là truyền trao giữa tiền nhân hậu thế.*

*Tp. Hồ Chí Minh - 03.2022
GVHD - Rtr. Lê Quang Nhật*



Trụ biểu Đình Đạ Lê Chánh - 07/06/2022 - 2:15 PM



M
Y
T
U
C
K
H
A
G
I
A

ĐÌNH ĐẠ LÊ CHÂNH

Đình Đạ Lê là một di tích kiến trúc tiêu biểu có giá trị về mặt kiến trúc gỗ truyền thống, mang phong cách nhà rường dân gian xứ Huế. Với dáng, kiểu, kỹ năng mỹ thuật, các đồ trang trí theo lối nghệ thuật đặc trưng thời Nguyễn thế kỷ 19. Những đề tài trang trí nội thất của đình phản ánh lên được tinh chất của một làng quê có bề dày truyền thống văn hóa, truyền thống ngành nghề.

Nét kiến trúc đình Đạ Lê còn phản ánh mối quan hệ mật thiết trong lòng thể các công trình kiến trúc triều Nguyễn trên đất Huế. Do đó việc nghiên cứu, phát huy giá trị, bảo vệ di tích là một việc làm quan trọng, cần thiết, nhằm bảo vệ một di sản văn hóa vật chất truyền thống của dân tộc trước sự bùng nổ, thay đổi của môi trường văn hóa xã hội.

山香水合鑲體

野草梨花增景色